BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VIỆT ĐỨC

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2021

Thái Nguyên, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT ……	2
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1 Thông tin khái quát về nhà trường……	3
2 Thông tin khái quát về Khoa/Đơn vị phụ trách Chương trình đào tạo	12
3 Thông tin về Chương trình đào tạo……	14
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	22
1 Tổng quan chung……	24
1.1 Căn cứ tự đánh giá……	24
1.2 Mục đích tự đánh giá……	24
1.3 Yêu cầu tự đánh giá……	25
1.4 Phương pháp tự đánh giá……	25
1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá……	26
2 Tự đánh giá……	26
2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá…….	26
2.2 Tự đánh giá theo từ tiêu chí, tiêu chuẩn……	34
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÀ TRƯỜNG	136
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	138
PHỤ LỤC	
Phụ lục 1. Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Trường CĐCN Việt Đức	139
Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo….	141
Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng……	142

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Stt	Nghĩa của từ viết tắt	Ký hiệu viết tắt
1	Cộng hòa liên bang Đức	CHLBĐ
2	Cán bộ - Giáo viên	CB-GV
3	Cán bộ quản lý	CBQL
4	Cao đẳng, trung cấp	CĐ, TC
5	Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp	CSGDNN
6	Đăng ký hoạt động nghề.	ĐKHĐN
7	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	ĐTN CSHCM
8	Học sinh-Sinh viên	HSSV
9	Cán bộ viên chức	CBVC
10	Đánh giá chất lượng	KĐCL
11	Đánh giá chất lượng dạy nghề	KĐCLDN
12	Nghiên cứu khoa học	NCKH
13	Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa	CNH-HĐH
14	Tổ chức cán bộ	TCCB
15	Cán bộ công nhân viên	CBCNV
16	Công nhân viên chức	CNVC
17	Quyết định	QĐ
18	Phòng cháy chữa cháy	PCCC
19	Ký túc xá	KTX
20	Giáo viên	GV
21	Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế	QLKH&HTQT
22	Tổ chức hành chính	TCHC

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin khái quát về nhà trường

- Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức
- Tiếng Anh: Viet Nam - Germany Industrial college
- Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương
- Địa chỉ trường: Phường Thắng lợi - Thành Phố Sông Công - Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 0208 3861 511- 0208 3862 077
- Số fax: 0208 3862 079
- E-mail: caodangvietduc@moet.edu.vn
- Website: truongvietducthainguyen.edu.vn
- Năm thành lập trường:

+ Năm thành lập đầu tiên: 1973

+ Năm nâng cấp thành trường Trung học Công nghiệp Việt Đức: 1998

- Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức: 2006
- Loại hình trường: Công lập ☒ Tư thục ☐

1.1. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của nhà trường

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức tiền thân là trường Công nhân Kỹ thuật Việt Nam - Cộng hòa Dân chủ Đức (nay là CHLB Đức) được thành lập năm 1973 là kết quả của tình hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Đức. Năm 1998 được nâng cấp thành trường Trung học Công nghiệp Việt Đức. Năm 2006 được nhà nước phê duyệt nâng cấp thành trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức.

Trường chịu sự lãnh đạo và quản lý toàn diện, trực tiếp của Bộ Công Thương; chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về giáo dục nghề nghiệp.

Trong lĩnh vực bồi dưỡng đội ngũ và đầu tư cơ sở vật chất nhà trường đã được các dự án hỗ trợ phát triển dạy nghề giúp đỡ, tài trợ. Cụ thể: Từ năm 1996 trường tiếp tục được tổ chức GTZ của CHLB Đức tái đầu tư giai đoạn 1 thông qua dự án "Chương trình đào tạo nghề Việt Nam BBPV". Từ năm 2006 đến 2010 trường tiếp tục được phía Đức lựa chọn đầu tư thông qua Dự án "Hỗ trợ Kỹ thuật

Dạy nghề Việt Nam" do tổ chức GTZ tài trợ và Dự án "Chương trình đào tạo nghề Việt Nam" do tổ chức KFW tài trợ về bồi dưỡng đội ngũ và đầu tư cơ sở vật chất. Hiện nay đội ngũ cán bộ nhà trường đã nâng cao được năng lực thực hành, tiếp cận được với trang thiết bị hiện đại, phương pháp dạy học mới. Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức hiện là một trong số trường được đào tạo một số ngành nghề trọng điểm quốc gia.

Sau 45 năm xây dựng và phát triển lớp lớp các thế hệ Học sinh, sinh viên của trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức sau khi tốt nghiệp ra trường đã được các Doanh nghiệp đánh giá cao về năng lực chuyên môn, tác phong công nghiệp và phẩm chất đạo đức vì vậy thương hiệu, chất lượng đào tạo của trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức ngày càng được nâng cao và được xã hội tin tưởng.

Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu phát triển:

* Tầm nhìn: Trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao đạt chuẩn quốc gia, hướng đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Là cơ sở nghiên cứu khoa học ứng dụng và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đào tạo theo nhu cầu xã hội. Chiến lược phát triển nhà trường dựa trên việc xây dựng đội ngũ đạt chuẩn theo tiêu chí trường chất lượng cao, đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, chương trình đào tạo tiên tiến, hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và cơ sở đào tạo khác. Phấn đấu đến năm 2025 đạt trường cao đẳng chất lượng cao. Đến năm 2030 trở thành trường chất lượng cao cấp độ khu vực ASEAN.

* Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công thương và các ngành kinh tế khác theo hướng thực hành công nghệ, có khả năng tự nghiên cứu ứng dụng, làm việc độc lập và sáng tạo tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

* Mục tiêu: Phát triển biền vững, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Đào tạo cán bộ quản lý, cử nhân, kỹ thuật viên, công nhân lành nghề có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ, kiến thức chuyên môn vững, kỹ năng thực hành nghề cao, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động phục vụ cho sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế.

Với những nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giảng viên, giáo viên và HSSV; Nhà trường đã vinh dự được tặng thưởng:

- Huân chương Độc lập hạng Nhì, hạng Ba.
- Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì; 02 Huân chương Lao động hạng Ba.
- Huân chương Chiến công hạng Ba.

Cùng hàng trăm Cờ, Bằng khen, Huy chương các loại của Chính phủ và các Bộ, Ngành, tỉnh Thái Nguyên trao tặng.

- Nhà trường có 11 nhà giáo được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu "Nhà giáo Ưu tú".

- 11 Nhà giáo được công nhận "Giáo viên dạy giỏi Toàn quốc" và hàng trăm lượt "Giáo viên dạy giỏi" cấp tỉnh, Bộ.

1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

1.2.1. Cơ cấu tổ chức

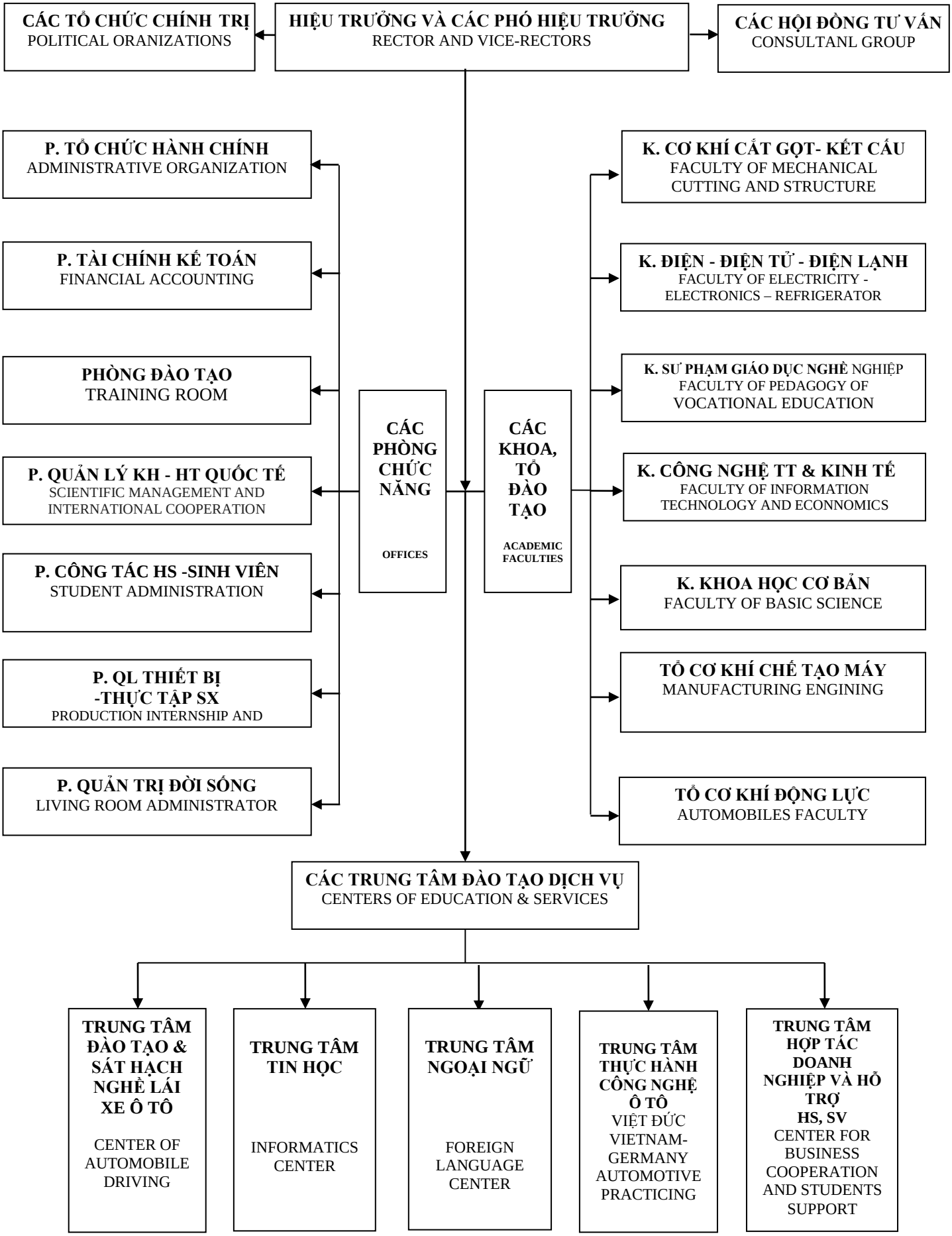

1.2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám Hiệu	Nguyễn Đức Sinh	1964	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Hoàng Minh Thái	1978	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TN				
Đảng bộ	Nguyễn Đức Sinh	1964	Thạc sỹ	Bí thư
Công đoàn	Trần Minh Đức	1971	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn thanh niên	Lý Quang Đại	1985	Thạc sỹ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TCHC	Nguyễn Thị Hồng Sơn	1973	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Trần Minh Đức	1971	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HS-SV	Hoàng Văn Quân	1974	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Quản trị Đời sống	Đỗ Khắc Nguyên	1976	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QLKH&HTQT	Lê Xuân Đạt	1980	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính-Kế toán	Lê Anh Tuấn	1980	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QLTB-TTSX	Mạc Văn Hùng	1975	Đại học	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa và Trưởng tổ môn				
Khoa Cơ khí CGKC	Nguyễn Văn Thanh	1977	Thạc sỹ	P.Trưởng khoa
Khoa Điện - ĐT - ĐL	Vũ Thị Ngoan	1983	Thạc sỹ	P.Trưởng khoa
Khoa sư phạm GDNN	Mai Quang Dương	1969	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Thị Lanh	1971	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Tổ Cơ khí CTM	Nguyễn Thị Kim Anh	1981	Thạc sỹ	Tổ trưởng
Tổ Cơ khí Động Lực	Nguyễn Gia Nghĩa	1981	Thạc sỹ	Tổ trưởng
Tổ CNTT-KT	Trần Kiên	1982	Thạc sỹ	Tổ trưởng
5. Trưởng các trung tâm đào tạo và dịch vụ				
Trung tâm Đào tạo nghề lái xe ô tô	Nguyễn Mạnh Giang	1978	Thạc sỹ	P.Giám đốc
Trung tâm tin học	Trần Đức Thụ	1981	Thạc sỹ	Giám đốc
Trung tâm thực hành công nghệ ô tô Việt Đức	Lý Quang Đại	1985	Thạc sỹ	P.Giám đốc
Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ HS, SV	Hoàng Đại Thắng	1978	Thạc sỹ	P.Giám đốc

1.2.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của nhà trường năm 2021: 138 CB, VCLĐ.

Trong đó đội ngũ giáo viên: 104

- Nam: 65 - Nữ: 39

- Cơ hữu: 92 - Thỉnh giảng: 12

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	01
Thạc sĩ	63
Đại học	37
Cao đẳng	
Trung cấp	03
Trình độ khác	
Tổng số	**104**

1.2.4. Ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo

- Các nghề đào tạo của nhà trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN đã được cấp

Stt	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Trình độ đào tạo
1	Nguội sửa chữa máy công cụ	6520126	Cao đẳng
		5520126	Trung cấp
2	Bảo trì thiết bị cơ điện	6520149	Cao đẳng
		5520149	Trung cấp
3	Nguội lắp ráp cơ khí	6520127	Cao đẳng
		5520127	Trung cấp
4	Nguội chế tạo	6520125	Cao đẳng
		5520125	Trung cấp
5	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng
		5510216	Trung cấp
6	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng
		5520227	Trung cấp
7	Điện dân dụng	6520226	Cao đẳng
		5520226	Trung cấp
8	Điện tử công nghiệp	6520225	Cao đẳng

		5520225	Trung cấp
9	Điện tử dân dụng	6520224	Cao đẳng
		5520224	Trung cấp
10	Hàn	6520123	Cao đẳng
		5520123	Trung cấp
11	Cắt gọt kim loại	6520121	Cao đẳng
		5520121	Trung cấp
12	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	Cao đẳng
		5480102	Trung cấp
13	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng
		5340302	Trung cấp
14	Rèn, dập	6520124	Trung cấp
15	Quản trị mạng máy tính	6480209	Trung cấp
16	Cơ điện tử	6520263	Cao đẳng
		5520263	Trung cấp
17	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	Cao đẳng
18	Tin học ứng dụng	5480205	Trung cấp
19	Kế toán	6340301	Cao đẳng
20	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	Cao đẳng
21	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Cao đẳng
22	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	Cao đẳng
23	Tài chính - Ngân hàng	6340202	Trung cấp
24	Lái xe B2, A1		Sơ cấp nghề
25	Sư phạm Dạy nghề		Sơ cấp nghề

- Quy mô đào tạo số lượng HSSV chính quy của trường 3 năm gần đây

TT	Tên nghề	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
		Tổng số tuyển mới	Tổng số tuyển mới	Tổng số tuyển mới
1	Nguội sửa chữa máy công cụ	0	0	0
2	Bảo trì thiết bị cơ điện	0	0	0
3	Nguội lắp ráp cơ khí	0	0	0

4	Nguội chế tạo	0	0	0
5	Công nghệ Ô tô	69	80	60
6	Điện công nghiệp	97	70	78
7	Điện dân dụng	0	39	33
8	Điện tử công nghiệp	21	72	67
9	Điện tử dân dụng	0	0	0
10	Hàn	0	0	0
11	Cắt gọt kim loại	314	298	231
12	Kỹ thuật s/chữa, lắp ráp máy tính	0	11	12
13	Kế toán doanh nghiệp	0	0	0
14	Cơ điện tử	0	0	0
15	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	18	15	12
16	Tin học ứng dụng	0	0	84
17	Kế toán	0	0	0
18	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	0	0	0
19	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	8	0	5
20	Công nghệ kỹ thuật ô tô	0	0	0
21	Tài chính - Ngân hàng	0	0	0
22	Rèn, Dập	0	0	0
23	Quản trị mạng máy tính	0	0	0
Tổng cộng		**527**	**585**	**582**

- Cơ sở vật chất, tài chính, thư viện

+ Cơ sở vật chất

*** Trụ sở 1:** Tổng diện tích đất: 103.654 m^2, trong đó:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m2)	Tỷ lệ%
1	Đất xây dựng công trình	19.718	19,2
2	Đất cây xanh	56.977	54,99

3	Hồ điiêug hòa, mặt nước	12.043	11,62
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.399	1,35
5	Đất ở hiện trạng	4.105	3,96
6	Đất nông nghiệp	3.647	3,52
7	Đường giao thông, bê tông	5.745	5,54
Tổng		**103.654**	**100.00**

*** Các hạng mục, công trình xây dựng**

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m^2)	Đang xây dựng (m^2)
1	Khu hiệu bộ	986	
2	Phòng học lý thuyết	12.110	
3	Xưởng/Phòng thực hành	26.473	
4	Khu phục vụ		
4.1	*Thư viện*	387	
4.2	*Ký túc xá*	13.778	
4.3	*Nhà ăn*	586	
4.4	*Trạm y tế*	78	
4.5	*Khu thể thao*	2.990	
5	- Hội trường	393	
	- Phòng hội thảo	280	

* **Trụ sở 2:**Trung tâm thực hành công nghệ ô tô Việt Đức: 908 m^2

*** Trụ sở 3:** Sân tập lái xe ô tô: 11.945 m^2

+ Tài chính

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Nguồn thu	35.889.181.000	35.619.733.501	31.753.868.000
NSNN cấp	21.641.911.000	21.123.692.000	14.488.868.000
Thu học phí	1.996.286.000	2.428.600.000	2.498.000.000
Thu cấp bù học phí	5.893.443.000	5.000.000.000	7.367.000.000

Nguồn khác	6.357.541.000	7.067.441.501	7400.000.000
2. Tổng quyết toán	**35.889.181.000**	**35.619.733.501**	**31.753.868.000**

+ Thư viện

Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 2.315

+ Tổng số máy tính của nhà trường

- Dùng cho văn phòng: 88
- Dùng cho HSSV học tập: 247

2. Thông tin khái quát về Khoa/Đơn vị phụ trách Chương trình đào tạo

2.1. Lịch sử phát triển và những thành tích đạt được của Khoa Điện - Điện tử - Điện lạnh.

Tên khoa: KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH

Khoa Điện - Điện tử - Điện lạnh trực thuộc Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức được thành lập từ năm 2001. Khoa thực hiện đào tạo các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Điện dân dụng với 3 cấp trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Ngoài ra khoa còn đào tạo Liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng nghề Điện công nghiệp.

Sau 20 năm hình thành và phát triển, Khoa Điện - Điện tử - Điện lạnh đã đóng góp đáng kể cho ngành công nghiệp Việt nam qua việc đào tạo hàng nghìn HSSV trở thành công nhân lành nghề, kỹ thuật viên điện, điện tử làm việc trong các xí nghiệp công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất có máy và thiết bị điện, các nhà máy điện, quản lý lưới điện, trạm điện...; Cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức về điện, điện tử phục vụ các công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị điện công nghiệp và dân dụng.

HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường làm việc đều nhận được sự hài lòng của các doanh nghiệp về kiến thức, kỹ năng, tác phong công nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. Khoa Điện - Điện tử - Điện lạnh là một trong những đơn vị đào tạo có uy tín nên đã tích lũy kinh nghiệm về đào tạo rất căn cơ, bài bản cho người học năng lực tư duy và kỹ năng thực hành trở thành những người công nhân, kỹ thuật viên lành nghề, những nhà quản lý làm việc tại các công ty, nhà máy xí nghiệp trên cả nước.

Năm 2017 Khoa có một số ngành nghề được Bộ LĐTB&XH phê duyệt là nghề trọng điểm khu vực trong đó có nghề Điện công nghiệp.

Sau 20 năm hình thành và phát triển cho đến nay, cán bộ, giáo viên trong Khoa luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều năm liền cán bộ, giáo viên có thành tích cao trong giảng dạy: Giáo viên dạy nghề giỏi cấp Tỉnh, cấp Bộ, Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở, cấp Bộ, các giấy khen, Bằng khen của Bộ Công thương, tập thể lao động giỏi, lao động xuất sắc...

Ngoài những thành tích trong hoạt động giảng dạy, các giáo viên tích cực học tập nâng cao trình độ và tham gia nghiên cứu đề tài khoa học đều đạt kết quả tốt...

2.2. Cơ cấu tổ chức Khoa Điện - Điện tử - Điện lạnh

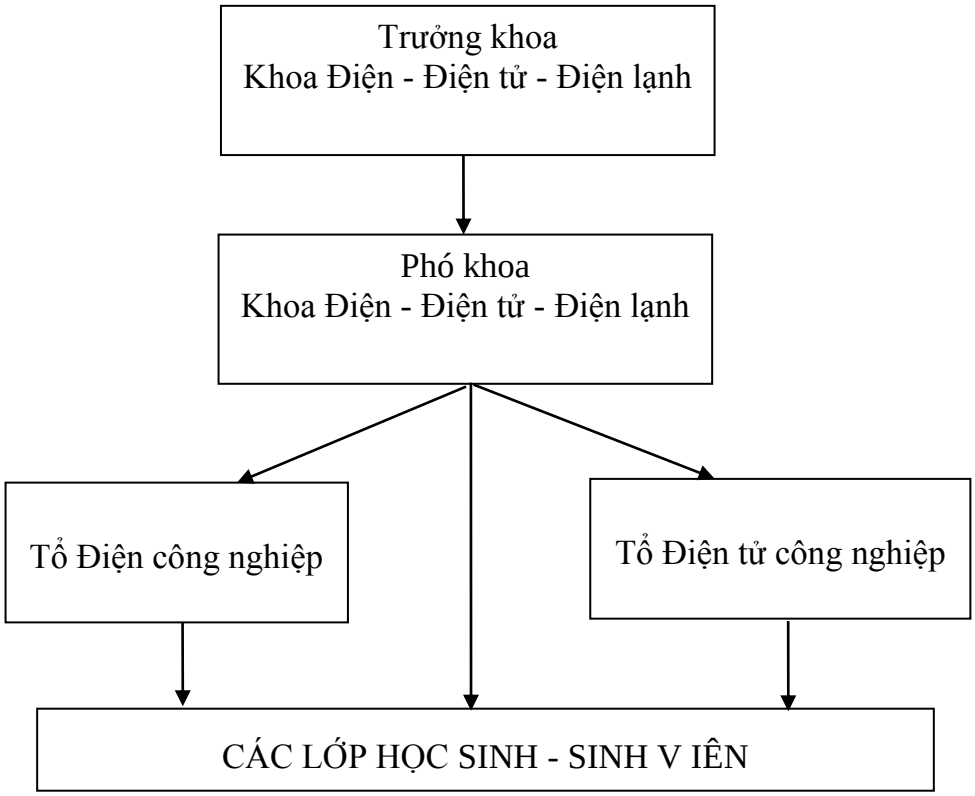

2.3. Các chương trình đào tạo được giao phụ trách

STT	Tên chương trình đào tạo	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Điện công nghiệp	
2	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Điện dân dụng	
3	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Điện tử công nghiệp	
4	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Điện tử dân dụng	
5	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cơ điện tử	
6	Chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Điện công nghiệp	

	và dân dụng	
7	Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề Điện công nghiệp	
8	Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề Điện dân dụng	
9	Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề Điện tử công nghiệp	
10	Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề Điện tử dân dụng	
11	Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề Cơ điện tử	
12	Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề CNKT Điện, Điện	

3. Thông tin chi tiết về Chương trình đào tạo

3.1. Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng

Tên nghề: Điện công nghiệp

Mã nghề: 6520227

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

*** Về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp**

- Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo kỹ thuật viên trình độ cao đẳng nghề Điện công nghiệp nhằm trang bị cho người học có kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức kỹ thuật chuyên môn vững chắc, đồng thời có năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo, khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của nghề Điện công nghiệp.

- Chính trị, đạo đức

+ Có hiểu biết một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng.

+ Có lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa Xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước.

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác.

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật kinh tế, chịu trách nhiệm cá nhân với nhiệm vụ được giao.

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc

+ Có khả năng làm việc độc lập, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc.

- Thể chất, quốc phòng

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

+ Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, có thói quen rèn luyện thân thể, đạt tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định nghề đào tạo.

+ Có những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

*** Mục tiêu cụ thể**

- Kiến thức

+ Trình bày được nguyên lý, cấu tạo và các tính năng, tác dụng của các loại thiết bị điện, khái niệm cơ bản, quy ước sử dụng trong nghề Điện công nghiệp

+ Đọc được các bản vẽ thiết kế của nghề điện và phân tích được nguyên lý các bản vẽ thiết kế điện như bản vẽ cấp điện, bản vẽ nguyên lý mạch điều khiển;

+ Vận dụng được các nguyên tắc trong thiết kế cấp điện và đặt phụ tải cho các hộ dùng điện xác định (một phân xưởng, một hộ dùng điện)

+ Vận dụng được các nguyên tắc trong lắp ráp, sửa chữa các thiết bị điện

+ Phân tích được phương pháp xác định các dạng hư hỏng thường gặp của các thiết bị điện

+ Hiểu được các kiến thức về quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất, điều khiển các trạm điện, lưới điện

+ Vận dụng được những kiến thức cơ sở và chuyên môn đã học để giải thích các tình huống trong lĩnh vực điện công nghiệp

- Kỹ năng

+ Lắp đặt được hệ thống cấp điện của một xí nghiệp, một phân xưởng vừa và nhỏ đúng yêu cầu kỹ thuật

+ Sửa chữa, bảo trì và chỉnh định được các thiết bị điện trên các dây chuyền sản xuất, đảm bảo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật

+ Phán đoán đúng và sửa chữa được các hư hỏng thường gặp trong các hệ thống điều khiển tự động cơ bản

+ Vận hành được những hệ thống điều tốc tự động

+ Đọc được thông số kỹ thuật của các thiết bị điện có công nghệ hiện đại theo tài liệu hướng dẫn

+ Lắp đặt và vận hành được các thiết bị điện đảm bảo an toàn; Lắp đặt và vận hành được các thiết bị điện có công nghệ hiện đại theo tài liệu hướng dẫn

+ Hướng dẫn, giám sát kỹ thuật được các tổ, nhóm lắp đặt mạng điện hạ áp và mạch điện điều khiển trong hệ thống điện

+ Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo

+ Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm

*** Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

- Làm việc được ở các Công ty Điện lực: Tổ vận hành và quản lý đường dây, tổ bảo trì và sửa chữa đường dây

- Làm việc trong các trạm truyền tải và phân phối điện năng: Nhân viên vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng

- Làm việc trong các công ty xây lắp công trình điện

- Làm việc trong các công ty, xí nghiệp sản xuất công nghiệp trong các thành phần kinh tế xã hội

3.2. Phương thức đào tạo

Các phương thức đào tạo đang được áp dụng đối với các ngành nghề của Khoa chủ yếu là đào tạo tập trung chính quy.

Đối với phương thức đào tạo tập trung chính quy trường tuyển sinh từ tháng 3 đến tháng 11 hàng năm; bắt đầu năm học từ tháng 8, học các ngày trong tuần vào buổi sáng, buổi chiều.

Đối với phương thức đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng, trường tuyển sinh thường xuyên; đủ số lượng hoặc theo nguyện vọng của HSSV thì mở lớp, học buổi trong tuần hoặc học ngày thứ 7, chủ nhật.

3.3. Tóm tắt nội dung chương trình dạy nghề

Chương trình dạy nghề chi tiết của nghề Điện công nghiệp ban hành theo Quyết định số 162/QĐ-CĐCNVĐ ngày 22 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức về việc ban hành quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, thời gian đào tạo Trung cấp 2 năm, Cao đẳng 3 năm có nội dung chương trình môn học như sau:

3.4. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nghề Điện công nghiệp - Trình độ Cao đẳng

Mã Môn học/ Mô đun	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi kết thúc
I	**Các môn học chung**	**30**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	6	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	2	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	5	75	58	13	4
MH 05	Tin học	5	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	8	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**					
II.1	**Môn học, mô đun cơ sở**	**14**	**300**	**131**	**157**	**12**
MH 07	An toàn điện	1	15	10	4	1
MH 08	Mạch điện	3	45	25	19	1
MH 09	Vẽ kỹ thuật điện	2	30	15	14	1
MĐ 10	Vật liệu - Khí cụ điện	2	45	25	18	2
MĐ	Điện tử cơ bản	2	60	20	38	2

11						
MĐ 12	Nguội cơ bản	2	60	12	46	2
MĐ 13	Cắt gọt cơ bản	1	30	10	18	2
MH 14	Tổ chức quản lý sản xuất	1	15	14	0	1
II.2	**Môn học, mô đun chuyên môn nghề**	**52**	**1970**	**340**	**1588**	**42**
MĐ 15	Điều khiển điện khí nén	2	60	20	38	2
MĐ 16	Đo lường điện	1	30	10	18	2
MĐ 17	Máy điện 1	4	120	30	88	2
MĐ 18	Cung cấp điện	2	60	20	38	2
MĐ 19	Truyền động điện	2	60	30	28	2
MĐ 20	Trang bị điện 1	4	120	30	88	2
MĐ 21	Điện tử công suất	2	60	20	38	2
MĐ 22	PLC cơ bản	3	90	30	58	2
MĐ 23	Trang bị điện 2	4	120	30	88	2
MĐ 24	Máy điện 2	4	120	30	88	2
MĐ 25	Kỹ thuật xung - số	3	90	30	58	2
MĐ 26	Kỹ thuật cảm biến	2	60	30	28	2
MĐ 27	PLC nâng cao	6	180	30	148	2

MĐ 28	Thực tập nghề nghiệp 1	5	320		312	8
MĐ 29	Thực tập nghề nghiệp 2	8	480		472	8
II.3	**Môn học, mô đun tự chọn**	**12**	**375**	**125**	**238**	**12**
MĐ 30	Kỹ thuật lắp đặt điện	2	60	20	38	2
MĐ 31	Kỹ thuật lạnh	2	60	20	38	2
MĐ 32	Thiết bị điện gia dụng	2	60	20	38	2
MĐ 33	Điện tử ứng dụng	2	60	20	38	2
MĐ 34	Kỹ thuật quấn dây	2	75	25	48	2
MĐ 35	Chuyên để điều khiển lập trình cỡ nhỏ	2	60	20	38	2
	Tổng	**108**	**3095**	**816**	**2183**	**96**

3.5 Địa điểm đào tạo, quy mô tuyển sinh theo giấy đăng ký hoạt động dạy nghề, kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

- Địa điểm đào tạo tại Trường CĐCN Việt Đức;

- Quy mô tuyển sinh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 132/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 13 tháng 6 năm 2017; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung 132a/2017/GCNĐKBS-TCDN ngày 21 tháng 7 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 74/2019/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 30 tháng 7 năm 2019.

- Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, số học sinh tốt nghiệp

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Số học sinh tốt nghiệp	Ghi chú
		Theo kế hoạch chỉ tiêu trường giao	Thực tế		
1	Năm 2019	700	527	520	

2	Năm 2020	750	585	265	
3	Năm 2021	800	585	265	

Lưu ý: Tỷ lệ học sinh đã tốt nghiệp được tính trên tổng số học sinh nhập học năm thứ nhất.

3.6. Đội ngũ giáo viên

Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy tất cả các môn học, mô đun của chương trình dạy nghề Điện công nghiệp và Điện tử công nghiệp trình độ Trung cấp, Cao đẳng.

+ Tổng số: 18 giáo viên, trong đó:

+ Nam: 10; Nữ: 08

+ Giáo viên cơ hữu: 14

+ Giáo viên thỉnh giảng: 04

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	**Nam**	**Nữ**	**Tổng số**
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	12	6	18
Đại học	10	8	18
Cao đẳng	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Nghề Điện công nghiệp là nghề đào tạo của trường có số lượng HSSV đứng thứ hai trong toàn trường. Nghề đào tạo cung cấp lao động có kiến thức và tay nghề thuộc lĩnh vực điện, điện tử trong nước, nước ngoài. Do vậy cơ sở vật chất phục vụ dạy và học nghề Điện công nghiệp được Nhà trường và các cấp có thẩm quyến quan tâm hỗ trợ, bổ sung và đầu tư trang bị mới.

Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp của trường hiện nay như sau:

- Phòng học lý thuyết: Trường có khu nhà 7 tầng gồm các phòng học phục vụ chung cho đào tạo lý thuyết; khoa Điện có 10 phòng học lý thuyết chuyên môn, các lớp của nghề Điện công nghiệp và điện tử công nghiệp được bố trí học tại khu nhà 7 tầng và 10 phòng trên theo phân lớp của thời khóa biểu, các phòng học có diện tích từ 50m^2 đến 75m^2 phù hợp với số HSSV các lớp nghề Điện công nghiệp các khóa đang đào tạo tại trường.

- Phòng học thực hành:

+ Phòng thực hành trang bị điện: Gồm 3 phòng, mỗi phòng có diện tích 50m^2, C

ó đầy đủ trang thiết bị dạy, học thực hành về mạch điện máy công nghiệp, tủ điều khiển..

+ Phòng thực hành máy điện: Diện tích 50m^2, được trang bị động cơ điện, máy phát điện, máy biến áp các loại và dụng cụ nghề điện phục vụ cho sinh viên thực hành sửa chữa, bảo dưỡng máy điện..

+ Phòng thí nghiệm máy điện: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện lạnh: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện dân dụng: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện tử công suất: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện tử gồm 2 phòng, mỗi phòng có diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành PLC: Diện tích 50m^2

+ Phòng thí nghiệm tự động hóa: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành thực tập cơ điện tử: Diện tích 75m^2

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo: Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động dạy nghề của các cơ sở dạy nghề, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thì chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất. Các cơ sở dạy nghề hàng năm cung cấp một tỷ lệ lớn cho nguồn nhân lực được đào tạo của quốc gia. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao thì cần phải có các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo trong quá trình đào tạo như: cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập đáp ứng được nhu cầu dạy và học; nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy phù hợp; đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và có trình độ tay nghề cao...

Trong thời gian vừa qua, các cơ sở dạy nghề đã quan tâm đến chất lượng đào tạo, tổ chức xây dựng điều chỉnh chương trình dạy nghề gắn liền với các yêu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ sở vật chất - hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở dạy nghề cũng đã được tăng cường, đổi mới đáng kể. Đội ngũ cán bộ giảng viên, giáo viên được đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ… Tuy nhiên, các hoạt động nói trên phần nào còn mang tính chủ quan và chưa mang lại những kết quả rõ rệt trong việc nâng cao năng lực dạy nghề. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do chưa theo định hướng, yêu cầu của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn có tính khoa học về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Vì vậy, để đảm bảo và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, các cơ sở dạy nghề cần phải tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH và công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng.

B. VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với các trường dạy nghề, người có nhu cầu học nghề, người sử dụng lao động. Cụ thể hơn, tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo có vai trò quan trọng trên các phương diện sau:

- Đối với xã hội

+ Hoạt động đánh giá thường mang tính xã hội rất cao, thể hiện ở chỗ: Là sự đảm bảo trước xã hội về chất lượng sản phẩm của cơ sở dạy nghề hoặc của chương trình đào tạo.

+ Xác nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo các nghề của cơ sở dạy nghề.

+ Là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách hành nghề của những người học nghề.

+ Là cơ sở cho việc trao đổi và di chuyển lao động giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng lao động trong và ngoài nước.

+ Thông qua quá trình tự đánh giá, các cơ sở dạy nghề luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo các nghề của mình, đồng thời nâng cao hiệu quả của đầu tư trang thiết bị, nhà xưởng cho các nghề được đào tạo.

- Đối với người học

Mục đích của các dịch vụ cho người học là nhằm đáp ứng những nhu cầu, khả năng tiềm tàng của người học đối với các chương trình đào tạo. Dịch vụ nhân sự cho người học phải xây dựng các chương trình định hướng và lập hệ thống hồ sơ nhân sự phù hợp gồm: dịch vụ tư vấn cá nhân; chương trình định hướng cho HSSV; dịch vụ lưu giữ các hồ sơ của người học; dịch vụ tài chính cho người học; dịch vụ ăn và ở; dịch vụ giới thiệu việc làm...

Vì thế, tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo sẽ đảm bảo độ tin cậy đối với cơ sở dạy nghề về một chương trình đào tạo mà người học đó đang theo học, họ có thể yên tâm vì nhu cầu học tập của họ được đáp ứng một cách tốt nhất. Giúp cho người học chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Điều quan trọng hơn là nếu được học ở những cơ sở dạy nghề có uy tín và những chương trình đào tạo phù hợp đã được khẳng định qua đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thì người học sẽ dễ tìm được việc hoặc tự tạo làm khi ra trường, là tiền đề giúp cho người học được công nhận trong việc hành nghề.

- Đối với bản thân các cơ sở dạy nghề

Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp cơ sở dạy nghề có điều kiện đánh giá chương trình đào tạo một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở dạy nghề có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua

việc tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, thương hiệu, uy tín của cơ sở dạy nghề sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

- Đối với cơ quan quản lý các cấp

Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được coi là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về một chương trình đào tạo, phát hiện những nhân tố mới trong số các cơ sở dạy nghề đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện mình để nâng cao chất lượng đào tạo. Hơn nữa, nếu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được tiến hành tốt sẽ thúc đẩy các cơ sở dạy nghề cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo các nghề có thế mạnh.

- Đối với người sử dụng lao động

HSSV tốt nghiệp từ các chương trình đào tạo đã được đánh giá chất lượng, các cơ sở dạy nghề đã được cấp giấy chứng nhận "chất lượng" giúp họ yên tâm hơn .

Dạy nghề là một hoạt động dịch vụ. Chất lượng hoạt động dịch vụ này không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Bởi vậy, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thông qua việc đánh giá và chứng nhận các cơ sở dạy nghề có nghề đạt chất lượng là một việc làm cần thiết để hoạt động dạy nghề đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo các nghề, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp.

- Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng.

Căn cứ quyết định số 46a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng trường CĐCN Việt Đức về việc Ban hành bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2021 - Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức;

1.2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng nhằm mục đích chỉ ra các mặt mạnh,

mặt yếu của chương trình đào tạo nghề thuộc cơ sở dạy nghề để từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu dạy nghề đã đề ra.

Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo thông qua việc rà soát, xem xét đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo ở thời điểm đánh giá.

Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, ngành nghề đào tạo.

Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội... theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

1.3.1. Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo tại tất cả các phân hiệu, chi nhánh.

1.3.2. Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

1.3.3. Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và có hướng dẫn liên quan.

1.3.4. Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

1.3.5. Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Mô tả, làm rõ thực trạng chương trình đào tạo

Căn cứ bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng CTĐT trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng của trường, dựa trên hướng các tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo công văn số 1960/TCGDNN-KĐCL ngày 23/7/2018, các đơn vị tự đánh giá thực hiện thu thập thông tin và minh chứng có đủ độ tin cậy, tính chính xác và phải phù hợp với từng tiêu chuẩn. Thông tin và minh chứng phải được chỉ rõ nguồn gốc đồng thời phải được lưu trữ cẩn thận.

- Phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, yếu, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục

Các thông tin và minh chứng thu được phải được xử lý để mô tả ngắn gọn nhất về các hoạt động liên quan đến mỗi tiêu chuẩn. Qua phân tích, so sánh... để thấy được thực trạng hiện nay của chương trình đào tạo và đưa ra những nhận định

về các điểm mạnh, yếu, tìm ra nguyên nhân, xác định mức độ đạt được qua mỗi tiêu chuẩn. Xác định những vấn đề cần cải tiến, đề ra biện pháp giải quyết.

- Kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo

Kế hoạch hành động của trường để tiếp tục duy trì các mặt mạnh và có biện pháp cải tiến hoặc khắc phục mặt yếu. Kế hoạch này phải cụ thể và thực tế (có các giải pháp khắc phục, cải tiến, thời gian phải hoàn thành và các biện pháp giám sát). Kế hoạch hành động của trường phải thể hiện quyết tâm cải tiến chất lượng trong các lĩnh vực còn có những tồn tại, yếu kém.

+ Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của Trường và những chứng cứ để chứng minh.

+ Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, nhà giáo, người học và người sử dụng lao động.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

1.5.01. Phân công đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

1.5.02. Các nội dung tự đánh giá chất lượng bao gồm:

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp phê duyệt;

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định tại phụ lục số 03, phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Lấy ý kiến của các đơn vị liên quan thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổng hợp và

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự ĐGCL Trường
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		*Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng*
	Tổng điểm	**100**	**92**

1	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính**	**6**	**6**
	1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	Đạt
	2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	Đạt
	3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	Đạt
2	**Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo**	**14**	**12**
	1. Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	Không đạt
	2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	Đạt
	3. Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung	2	Đạt

	chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		
	4. Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
	5. Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	Đạt
	6. Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	Đạt
	7. Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	Đạt
3	**Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**	**16**	**14**
	1. Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
	2. Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, 100%	2	Đạt

	nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.		
	3. Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	Đạt
	4. Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	Đạt
	5. Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	Đạt
	6. Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	Không đạt
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
4	**Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình**	**24**	**24**
	1. Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
	2. Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	Đạt

	3. Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
	4. Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	Đạt
	5. Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	Đạt
	6. Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
	7. Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	Đạt
	8. Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	Đạt
	9. Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
	10. Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm	2	Đạt

	định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.		
	11. Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	Đạt
	12. Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
5	**Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**	**16**	**14**
	1. Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
	2. Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	Đạt
	3. Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
	4. Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	Đạt
	5. Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý,	2	Đạt

	cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.		
	6. Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	Không đạt
	7. Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng Internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	Đạt
	8. Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	Đạt
6	**Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học**	**8**	**6**
	1. Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	Đạt
	2. Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong	2	Đạt

	học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.		
	3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	Không đạt
	4. Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	Đạt
7	**Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng**	**16**	**16**
	1. Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
	2. Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	Đạt
	3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	Đạt

	4. Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	Đạt
	5. Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	Đạt
	6. Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	Đạt
	7. Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
	8. Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	Đạt

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

Mở đầu: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức trực thuộc Bộ Công Thương được thành lập theo Quyết định số: 1765/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/4/2006. Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức có nhiệm vụ:

- Đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nghề theo qui định;

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động đáp ứng nhu cầu của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp. Nhằm tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, khu vực và hội nhập quốc tế;

- Tổ chức đào tạo liên thông, đào tạo liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng và một số trường Trung cấp trong nước;

- Nghiên cứu, ứng dụng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đã xác định rõ mục tiêu phát triển nhà trường là: Đổi mới cơ bản và toàn diện đảm bảo mang lại điều kiện làm việc thuận lợi, phát huy cao độ trí tuệ, năng lực cán bộ, giáo viên nhà trường cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho người học để không ngừng nâng cao chất lượng học tập với những kỹ năng tiên tiến, hiện đại và những kiến thức cần thiết để tiến thân lập nghiệp; phấn đấu đến năm 2020 trở thành trường chất lượng cao, tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Mục tiêu và ngành nghề đào tạo của nhà trường hiện nay đã và đang đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho Ngành, vùng kinh tế trọng điểm các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng và địa bàn cả nước nói chung.

Hàng năm việc lập và điều chỉnh dự toán, kế hoạch đều căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường. Công tác quản lý tài chính kế toán của trường được thực hiện theo mô hình tập trung nên đã bám sát được nhu cầu thực tiễn để lập dự toán và điều chỉnh. Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức và giáo viên. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập phù hợp đúng mục đích và mục tiêu phát triển của nhà trường.

Công tác quản lý tài chính đảm bảo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo minh bạch, công khai và đúng quy định.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển trường; mục tiêu, nhiệm vụ được xác định rõ ràng, cụ thể, được Bộ Công thương phê duyệt, các văn bản làm cơ sở pháp lý cho hoạt động GDNN của nhà trường. Mục tiêu chung của trường được cụ thể hoá trong chiến lược phát triển trường theo từng giai đoạn cụ thể, bằng các chỉ tiêu và nhiệm vụ kế hoạch hàng năm.

Trường thực hiện đúng quy định của Nhà nước về công tác lập báo cáo tài chính, sổ sách công khai, minh bạch, rõ ràng và đầy đủ cho từng năm hoạt động;

Trường xây dựng và chi theo "Quy chế chi tiêu nội bộ". Quy chế được cập nhật, sửa đổi bổ sung hàng năm thông qua ý kiến đóng góp dân chủ, công khai của toàn Trường và dựa trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Quá trình thực hiện quy chế đã thực sự phát huy tác dụng, bảo đảm và đáp ứng được yêu cầu phát triển ngày càng cao của Nhà trường, bảo đảm các nguồn tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ, tạo được một số nguồn thu hợp pháp; công tác tài chính được chuẩn hoá theo hai nội dung lập và tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy hoạt động đào tạo phát triển.

** Những tồn tại:*

Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các kế hoạch rà soát điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ đã được tổ chức hàng năm nhưng chưa được phân tích và phát triển thành cơ sở lý luận.

Do biến động trong công tác tuyển sinh và giá cả thị trường nên việc lập dự toán về thu, chi tài chính chưa sát với tình hình thực tế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong thời gian tới nhà trường sẽ tiếp tục tổ chức điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và thực hiện thành công kế hoạch chiến lược phát triển trường theo từng giai đoạn, nhà trường dựa trên việc xây dựng đội ngũ, đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, chương trình đào tạo và hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo khác phù hợp với năng lực thực tế của trường và bám sát các mục tiêu nhiệm vụ, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Bộ/ngành và địa phương.

Điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường trên cơ sở chi tiêu đúng chế độ quy định nhưng vẫn bảo đảm theo hướng khuyến khích đầu tư phát triển, đồng thời quan tâm hơn nữa đến việc tăng thu nhập của cán bộ viên chức.

Định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung và mục tiêu cụ thể của từng chiến lược để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch và khái quát có hệ thống, có lý luận chặt chẽ để bảo đảm mọi thành viên trong trường đều hiểu để nhận thức đúng và hành động đúng.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	**6 điểm**	**6 điểm**
Tiêu chuẩn 1	2 điểm	2 điểm

Tiêu chuẩn 2	2 điểm	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm	2 điểm

Tiêu chuẩn 1: *Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, dưới sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về giáo dục nghề nghiệp. Trong điều 2 Quyết định số 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức có giao nhiệm vụ:

1. Xây dựng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển Trường trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Đào tạo, liên kết đào tạo và đào tạo bồi dưỡng

a. Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực ở các cấp trình độ, các ngành nghề đào tạo theo quy định của pháp luật, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động;

b. Tổ chức xây dựng, duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành nghề được phép đào tạo theo quy định của pháp luật. ***(1.1.01.*** *Quyết định số 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức).* Nhà trường có văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của nhà trường, như điều lệ Trường; Quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường. Các đơn vị trong trường đều có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. ***(1.1.02.*** *Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức).* Thực hiện đề án Phát triển trường Cao đẳng chất lượng cao. Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức phấn đấu đến năm 2025 đạt trường Cao đẳng chất lượng cao, đến năm 2030 trở thành trường chất lượng cao cấp độ khu vực ASEAN. Xây dựng một số nghề trọng điểm đã được phê duyệt theo Quyết định số 1836/QĐ-

LĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong đó có nghề: Điện công nghiệp.

- Xây dựng cơ sở vật chất (hạ tầng) đáp ứng yêu cầu đào tạo của các nghề trọng điểm.

- Mua sắm thiết bị cho dạy nghề đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo của các nghề trọng điểm với cấp độ Quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý có năng lực đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo của các nghề trọng điểm với cấp độ Quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia.

- Xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho các nghề trọng điểm đáp ứng yêu cầu dạy và học của các nghề đạt chuẩn Quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia.

Theo đề án và theo quyết định phê duyệt của Bộ LĐTBXH thì nghề Điện Công nghiệp của trường xác định ở mức độ khu vực ASEAN*(**(1.1.03.** Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án ''Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến 2025''. Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 Quyết định phê duyệt ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến 2025).* Nhà trường thường xuyên phối hợp với các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh để tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm; Luôn chú trọng tìm kiếm các doanh nghiệp có việc làm tốt, có mức thu nhập ổn định để cho người học có cơ hội lựa chọn việc làm phù hợp, phát Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp. ***(1.1.05.** Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm).* Mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường trong những năm qua được công bố công khai trên website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến rộng rãi đến người học. ***(1.1.06.** Thông báo tuyển sinh hàng năm trên Website; Pano - áp phích, tờ rơ;, video, đĩa DVD giới thiệu về nhà trường trên đài truyền thanh, truyền hình các huyện thành, thị...;*

Qua quá trình chỉnh sửa, rà soát chương trình đào tạo, Trường đã ban hành chương trình nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng cho phù hợp với giai đoạn mới. ***(1.1.07.** Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng*

năm; ***1.1.08.*** *Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm;* ***1.1.09.*** *Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;* ***1.1.10.*** *Biên bản Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo;* ***1.1.11.*** *Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo;****1.1.12.*** *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;* ***1.1.13.*** *Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo; 1.1.14. Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo;* ***1.1.15.*** *Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);* Hàng năm nhà trường thực hiện khảo sát các ngành, nghề đào tạo của nhà trường để đánh giá nhu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ để xác định ngành, nghề của trường đang đào tạo phù hợp với doanh nghiệp đồng thời làm cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và tổ chức thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành và địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công đơn vị phụ trách nghiên cứu, phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo đối với các nghề trường được cấp phép đào tạo.. (***1.1.16.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động (đối với nhà giáo, HSSV và doanh nghiệp)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường thực hiện cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động theo Điều lệ trường cao đẳng áp dụng Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về điều lệ trường cao đẳng. Các đơn vị đều có Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị rõ ràng phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo của trường. Chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp của Trường được giao cho khoa

Điện- Điện tử- Điện lạnh phụ trách. Chức năng nhiệm vụ của khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh được quy định tại quyết định số 438/QĐ – CĐCNVĐ ngày 24 tháng 7 năm 2012 theo đó nhiệm vụ của khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh tại Mục II khoản A:

1. Quản lý và tổ chức đào tạo trình độ Cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, Sơ cấp chuyên ngành ngành điện, điện tử và điện lạnh . Giảng dạy các môn lý thuyết kỹ thuật cơ sở và thực hành cho các ngành nghề được phân công. Bồi dưỡng, bổ túc, nâng bậc, đào tạo lại lý thuyết và thực hành cho các Doanh nghiệp khi có nhu cầu.

2. Quản lý cán bộ, CNV, Giảng viên, Giáo viên và sinh viên, học sinh thuộc Khoa.

3. Tổ chức biên soạn, chỉnh lý chương trình, giáo trình và tài liệu dạy học; nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, phương pháp dạy học tiên tiến vào quá trình giảng dạy.

4. Quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị.

5. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, giáo viên...***(1.2.01**. Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức)*. Khoa Điện- Điện- Điện tử- Điện lạnh được hình thành trên nền tảng ban Điện cũ khi tái cơ cấu lại bộ máy tổ chức của trường năm 2001 sau khi thành lập trường CĐCN Việt Đức ***(1.2.02.** Quyết định về việc sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức đơn vị.)*

Công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị trong những năm qua tiếp tục được duy trì và có những đổi mới trong công tác chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua. Khoa luôn hưởng ứng, tham gia tích cực các phong trào thi đua do cấp trên phát động. Công tác khen thưởng có những đổi mới quan trọng, chất lượng bình xét, đề nghị khen thưởng được nâng lên, khắc phục dần những hạn chế trong những năm trước; Hàng năm xây dựng kế hoạch về công tác thi đua theo đúng kế hoạch, có đăng ký thi đua, xét và bình chọn cá nhân tiêu biểu trong đơn vị để trình Hiệu trưởng phê duyệt, cấp trên phê duyệt. Số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến/tổng số cán bộ viên chức; Chiến sĩ thi đua cơ sở/tổng số lao động tiên tiến luôn đảm bảo tỷ lệ theo quy định. Theo đánh giá, phân loại từ cuối năm từ năm 2019

đến nay khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến. Năm học 2019-2020 có 2 giáo viên không hoàn thành nhiệm vụ, số cán bộ giáo viên còn lại thuộc Khoa được công nhận từ hoàn thành tốt nghiệm vụ. ***(1.2.03.*** *Quyết định về việc công nhận bình xét thi đua năm học hàng năm;* ***1.2.04.*** *Quyết định khen thưởng: Bằng khen, giấy khen đối với cá nhân, tập thể đơn vị hàng năm)*. Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm hàng năm đơn vị đều có báo cáo tổng kết công tác cụ thể, từ đó có những định hướng cho công việc, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo ***(1.2.05.*** *Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường)*. Các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. ***(1.2.06.*** *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3*:* *Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức trực thuộc Bộ Công Thương được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Theo đó trường được phân loại đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động. Trường thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP của Chính phủ do chưa thực hiện được lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN. Trường quản lý, sử dụng kinh phí theo các văn bản quy định hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ. Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và các Văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương, nhà trường đã xây dựng các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính như: Quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm vào cuối quý II, Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp Bộ có công văn hướng dẫn lập dự toán ngân sách năm kế hoạch; căn cứ vào tình hình thực hiện

trong năm như kinh phí quyết toán năm trước và kinh phí thực hiện đến thời điểm, số HSSV, số biên chế tại thời điểm, nhiệm vụ bổ sung năm tới… Phòng Tài chính kế toán phối hợp với Phòng Tổ chức, Phòng đào tạo, Phòng Quản trị Đời sống, Phòng CTHS-SV của nhà trường lập dự toán ngân sách năm tới trình Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp và Vụ Kế hoạch Bộ Công Thương tổng hợp nhu cầu theo dự toán các đơn vị lập. Sau khi rà soát, kiểm tra hồ sơ, tổng hợp, cân đối với nguồn kinh phí của Ngân sách. Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp - Bộ Công Thương gửi Bảng tổng hợp sau khi đã rà soát, kiểm tra, cân đối lên Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định của Bộ Tài chính. Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp báo cáo, đề xuất phương án phân bổ Ngân sách để Bộ ra quyết định phân bổ dự toán cho Trường. Các khoản thu - chi nhà trường được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ trên được xây dựng, dựa trên các văn bản pháp luật của nhà nước và lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và triển khai thực hiện. Trước khi thực hiện nhà trường gửi Kho bạc nhà nước Thành phố Sông công, Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp để giám sát, sau 15 ngày các đơn vị trên không có ý kiến, Trường tổ chức thực hiện. Các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt sẽ được gửi đến các đơn vị trong toàn trường để cho toàn thể cán bộ viên chức được biết, thực hiện và giám sát.

Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ Bộ Công thương giao, căn cứ vào định mức nhà nước quy định, trường tổ chức thu các khoản phí, lệ phí và các khoản khác theo quy định cụ thể của từng thời điểm. Các khoản thu đều được quyết toán với các cơ quan chức năng có thẩm quyền của nhà nước. ***(1.3.01.*** *Quyết định thu học phí, lệ phí; Quyết định thu tiền ở của người học tại ký túc xá hàng năm)*.

Trường có các nguồn thu chủ yếu sau: Ngân sách nhà nước cấp cho các hoạt động chi thường xuyên bao gồm kinh phí cấp bù cho các đối tượng chính sách theo NĐ 86/NĐ-CP; Ngân sách nhà nước cấp cho các hoạt động chi không thường xuyên như sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ, mua sắm v.v. được quyết toán riêng theo mục đích sử dụng; Nguồn thu từ lệ phí tuyển sinh; Học phí của các hệ đào tạo Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp; Sư phạm giáo dục nghề nghiệp; Nguồn kinh phí từ hoạt động sản xuất dịch vụ và các nguồn thu khác. Là đơn vị sự nghiệp có thu tự chủ

một phần kinh phí nên tất cả các nguồn thu trên đều được cơ quan quản lý là Bộ Công Thương đưa vào quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm ***(1.3.02.** Quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm);* Các nguồn thu của trường đều được quản lý chặt chẽ bằng chứng từ, sổ sách kế toán và được lưu trữ theo đúng quy định của Nhà nước. ***(1.3.03.** Hồ sơ quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm)*. Thống kê tổng các nguồn thu theo báo cáo và phê duyệt quyết toán ba năm 2019, 2020, 2021 như sau (đơn vị tính VNĐ).

Đvt: Đồng

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Ngân sách nhà nước cấp	27.535.354.909	26.132.692.000	21.534.011.000
Thu học phí đào tạo chính quy	1.996.286.000	2.428.600.000	2.484.458.000
Thu hoạt động sản xuất dịch vụ	6.069.477.800	6.217.420.000	6.841.821.700
Thu sự nghiệp khác	288.063.244	836.001.501	498.486.056
Cộng	**35.889.181.953**	**35.614.713.501**	**31.358.776.756**

Hàng năm, Nhà trường chủ động thực hiện công tác tự kiểm tra thu - chi tài chính, kết quả kiểm tra cho thấy việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định ***(1.3.04**. Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính hàng năm).* Nhà trường thực hiện thu - chi ngân sách qua Kho bạc nhà nước và các hoạt động dịch vụ qua Ngân hàng Công thương chi nhánh Sông Công. Các nguồn tài chính được chi tiêu đúng quy định, đúng mục đích, sử dụng có hiệu quả cho hoạt động chung của toàn trường. Hàng năm sau khi hoàn thành các nhiệm vụ chi và hoàn thiện hệ thống sổ sách báo cáo theo quy định, Trường có báo cáo hoạt động tài chính đến đơn vị chủ quản đúng quy định. ***(1.3.05.** Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm).*Các hoạt động thu chi của trường là dúng quy định hoàn toàn hợp pháp và hợp lệ. Trường hoàn thành nghĩa vụ thuế với nhà nước hàng năm, không để nợ đọng. Biên bản quyết toán và thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm của cơ quan quản lý cấp trên đều nhận định: "Công tác hạch toán, kế toán trường thực hiện theo hệ thống tài khoản và chế độ kế toán hiện hành của nhà nước quy định tại quyết định số

19/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và văn bản liên quan, chứng từ được lập kịp thời và đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sổ sách kế toán,chứng từ thu, chi được sắp xếp. Đóng tập và lưu trữ đầy đủ, thuận tiện cho việc tra cứu,kiểm tra". ***(1.3.06.** Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra công tác tự kiểm tra tài chính của trường hàng năm; **1.3.07.** Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm; **1.3.08.** Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2

Mở đầu: Hoạt động đào tạo là một trong những hoạt động chính của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy hoạt động đào tạo được nhà trường quan tâm chỉ đạo sâu sát và có các định hướng phù hợp, đúng quy định nhằm đưa hoạt động đào tạo của trường ngày càng đạt chất lượng, khẳng định được vị thế của nhà trường trong địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, đảm bảo đúng quy chế.

Trong hoạt động tổ chức đào tạo nghề, nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, với phương thức đào tạo dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo theo địa chỉ để đáp ứng nhu cầu của người học và người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo và được thực hiện nghiêm túc, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...

Nhà trường đã có chủ trương và thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, quy trình thi, kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học/mô-đun. Cùng với việc xây dựng chương trình và đào tạo các nghề... nhà trường còn trú trọng đầu tư vào các ngành nghề đào tạo, đặc biệt đầu tư chiều sâu vào các nghề trọng điểm.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Việc tuyển sinh được thực hiện đúng thủ tục, đúng nguyên tắc, thể hiện được sự đa dạng hoá hình

thức tổ chức và sự sáng tạo, chương trình đào tạo ngày càng thể hiện sự gắn kết với thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu việc làm của người học và yêu cầu của người sử dụng lao động.

Trong những năm gần đây, nhà trường đã có những chính sách khuyến khích cán bộ, nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và đã có những kết quả ban đầu trong việc nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy. Chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển khoa học, công nghệ trong khu vực và quốc tế.

***** *Những điểm mạnh:*

Là trường công lập trong hệ thống các cơ sở GDNN, trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức luôn thực hiện công tác dạy và học nghiêm túc, hiệu quả. Các hoạt động dạy và học được thực hiện theo nội dung, chương trình đã được phê duyệt, có tiếp thu các thông tin phản hồi đa chiều nhằm kịp thời điều chỉnh hợp lý nhưng vẫn đảm bảo tốt nội dung, mục tiêu, chương trình đào tạo; đã ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để HSSV và xã hội biết;

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo và được thực hiện nghiêm túc, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Các khoa chuyên môn luôn phối hợp chặt chẽ với phòng Đào tạo để xây dựng thời khóa biểu, phân công giáo viên giảng dạy, lập kế hoạch cấp vật tư học tập để bảo đảm tiến độ và chất lượng trong dạy học. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ rộng rãi, liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi để thực hiện đa dạng hóa các ngành nghề và phương thức, tổ chức đào tạo như: Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo thuộc lĩnh vực (Điện, Cơ khí, Công nghệ ô tô, Kính tế, Dịch vụ …);

Phương thức đào tạo đa dạng, linh hoạt theo hướng mở (đào tạo theo niên chế và theo phương thức tích lũy mô đun); Tổ chức đào tạo đa dạng, đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên kết.

Hàng năm, nhà trường tổ chức có nề nếp hoạt động hội giảng giáo viên cấp khoa, cấp trường và tích cực tham gia hội giảng cấp tỉnh, cấp Quốc gia đạt giải

cao, tạo điều kiện tốt cho giáo viên phấn đấu, học hỏi, trau dồi kinh nghiệm giảng dạy, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn cũng như phương pháp giảng dạy. Mở lớp tại chỗ hoặc cử giáo viên đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kỹ năng nghề nghiệp.

Hoạt động đào tạo của trường được tổ chức chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch, xây dựng tiến độ, triển khai thực hiện, phối hợp giữa các đơn vị trong triển khai giám sát nhằm mục đích đạt chất lượng cao nhất.

Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh có các giáo viên trong khoa chủ trì và đã tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, xây dựng các mô hình mô phỏng sử dụng thiết thực trong giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh có nhiều hình thức tổ chức các hoạt động lồng ghép rèn luyện kỹ năng nghề với khả năng tư duy, sáng tạo, tính độc lập tự chủ cũng như khả năng làm việc nhóm của HSSV thông qua các Đề tài tốt nghiệp tạo ra các sản phẩm có hiệu quả sử dụng cao.

Trường tổ chức đào tạo theo phương thức Tích lũy mô đun/môn học, tạo điều kiện cho công tác bố trí giảng dạy linh hoạt và cũng thuận tiện cho người học khi sắp xếp thời gian tham gia.

Giáo viên có kiến thức và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt, vận dụng linh hoạt trong xây dựng các bài giảng có lồng ghép sử dụng các phần mềm dạy học hay mô phỏng.

Trường tổ chức và phối hợp tốt doanh nghiệp trong đào tạo; phương pháp đào tạo, quản lý phù hợp, hệ thống hồ sơ sổ sách khoa học, chi tiết, phản ánh đúng kết quả thực tập của HSSV.

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện tính nghiêm túc, khách quan, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học, mô đun.

Nhà trường coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao. Đồng thời quan tâm tạo điều kiện và cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên học tập, nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật…

** Những tồn tại:*

Hợp tác với các trường Đại học, Cao đẳng nước ngoài còn hạn chế;

Đào tạo liên thông các ngành, nghề trong nhà trường còn hạn chế. Trường chưa xây dựng chương trình liên thông và cũng chưa có kế hoạch đào tạo liên thông nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trên cơ sở các thế mạnh đã đạt được nhà trường tiếp tục phấn đấu thực hiện tốt công tác tuyển sinh cho từng năm học đạt chỉ tiêu được giao, đề ra các giải pháp thực hiện tốt đa dạng hóa các ngành nghề, phương thức tổ chức đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo các lớp chất lượng cao hiệu quả đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	**14 điểm**	**12 điểm**
Tiêu chuẩn 1	*2 điểm*	*0 điểm*
Tiêu chuẩn 2	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 3	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 4	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 5	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 6	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 7	*2 điểm*	*2 điểm*

Tiêu chuẩn 1: *Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên hàng năm trường được Bộ Công thương cho phép tự chủ trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và năng lực của trường. Cụ thể Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh nghề Công nghệ Điện công nghiệp có sự tăng giảm không đáng kể trong 3 năm là:

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ tuyển sinh với chỉ tiêu (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế		
1	Năm 2019	10	8	80%	
2	Năm 2020	15	6	40%	
3	Năm 2021	20	0	0%	
	Cộng:	**45**	**14**		

Hàng năm căn cứ vào dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, của ngành và địa phương. Nhà trường thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để làm cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh. Trên cơ sở kết quả khảo sát và chỉ tiêu trong trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN nhà trường thực hiện đăng ký chỉ tiêu đào tạo với Bộ Công thương ***(2.1.01.** Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm)*. Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh đồng thời có văn bản hướng dẫn tuyển sinh đến các đơn vị trong toàn trường; ***(2.1.02.** Kế hoạch tuyển sinh hàng năm)*. Mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường trong những năm qua được công bố công khai trên website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến rộng rãi đến người học tư vấn tuyển sinh. ***(1.1.06.** Thông báo tuyển sinh hàng năm trên Website; Pano - áp phích, tờ rơ;, video, đĩa DVD giới thiệu về nhà trường trên đài truyền thanh, truyền hình các huyện thành, thị...)*. Hàng năm, nhà trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh ***(2.1.04.** Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm)*. Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh, phát tờ rơi, thông báo tuyển sinh trên Website của trường.

Sau mỗi đợt tuyển sinh, hội đồng tuyển sinh nhà trường đã tiến hành họp tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh, rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tuyển sinh năm học tiếp theo. Kết quả cho thấy công tác tuyển sinh diễn ra công khai, đối tượng tuyển sinh đúng theo quy định, khi xét tuyển đảm bảo tính công bằng, khách quan, trong nhiều năm trở lại đây không có đơn thư khiếu nại liên quan đến công tác tuyển sinh của nhà trường. ***(2.1.05.** Biên bản họp hội đồng tuyển sinh)*.

Nhà trường tổ chức thu hồ sơ đăng ký dự tuyển tại trường trực tiếp từ thí sinh hoặc qua đường Bưu điện, từ các trung tâm... Danh sách thí sinh dự tuyển được lập theo từng nghề học với các thông tin cần thiết cho việc xét tuyển. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, Hội đồng tuyển sinh, dự kiến điểm xét tuyển và duyệt danh sách trúng tuyển ***(2.1.06.** Hồ sơ đăng ký dự tuyển (theo quy định).* Danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai tại trường ***(2.1.07.** Danh sách xét tuyển, trúng tuyển hàng năm).* Hội đồng tuyển sinh của trường tổ chức xét tuyển, kết quả trúng tuyển theo tiêu chí lấy từ cao tới thấp, Hiệu trưởng xét duyệt danh sách và gửi giấy báo trúng tuyển. Học sinh trúng tuyển nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện, học sinh nhập học và có quyết định mở lớp ***(2.1.08**. Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo).* Kết quả cho thấy công tác tuyển sinh diễn ra công khai, đối tượng tuyển sinh đúng theo quy định, khi xét tuyển đảm bảo tính công bằng, khách quan, trong nhiều năm trở lại đây không có đơn thư khiếu nại liên quan đến công tác tuyển sinh của nhà trường. ***(2.1.09.** Các văn bản, báo cáo gửi bộ, ngành, sở về công tác tuyển sinh hàng năm; 2.1.10. Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm; **2.1.11.** Báo cáo công tác thanh tra về tuyển sinh hàng năm)*. Nhà trường thường xuyên phối hợp với các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh để tổ chức tư vấn với thiệu việc làm; Luôn chú trọng tìm kiếm các doanh nghiệp có việc làm tốt, có mức thu nhập ổn định để cho người học có cơ hội lựa chọn việc làm phù hợp, phát thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp. ***(2.1.12.** Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm).* Hàng năm Nhà trường tổ chức thu thập ý kiến đánh giá về công tác tuyển sinh qua phiếu khảo sát của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý kết quả cho thấy HSSV được cung cấp đầy đủ các thông tin về chế độ chính sách, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học, công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo quy định. ***(2.1.13**. Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác tuyển sinh hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học)).*

Với quả tuyển sinh hàng năm của nhà trường 3 năm gần đây nói chung so với chỉ tiêu là đạt. Tuy nhiên kết quả tuyển sinh nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng đạt dưới 80%. Vì vậy tiêu chuẩn này không đạt yêu cầu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Sau khi nhà trường đã ổn định tuyển sinh đơn vị phòng Đào tạo căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt cho từng nghề phòng đào tạo soạn thảo kế hoạch đào tạo trong đó đầy đủ các thông tin về số môn học trong từng kỳ, tuần dự kiến, các thời gian nghỉ hè, nghỉ lễ, dự phòng theo quy định trình Hiệu trưởng ban hành. ***(2.2.01****. Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học).* Các khoa căn cứ vào kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, phân công giáo viên theo thời gian, khối lượng và chuyên môn phù hợp gửi lại cho phòng Đào tạo. Trên cơ sở phân công của các khoa phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch năm học chi tiết đến từng lớp, từng mô đun, môn học và đến từng giáo viên. ***(2.2.02.*** *Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun)*. Căn cứ vào kế hoạch giáo viên và thời khóa biểu trước khi bắt đầu giảng dạy một môn học, mô đun, cho một lớp, giáo viên soạn kế hoạch giảng dạy chi tiết đến từng buổi lên lớp, từng nội dung giảng dạy cũng như các trang thiết bị cần thiết. Trước khi lên lớp giáo viên phải soạn giáo án, trình lãnh đạo khoa phê duyệt. Quá trình lên lớp giáo viên phải thực hiện đầy đủ các bước và hoàn thành đấy đủ các hồ sơ theo quy định của trường. ***(2.2.03.*** *Hồ sơ sư phạm nhà giáo)*. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Tổ môn, Trung tâm. Theo đó phòng Đào tạo có một chuyên viên chuyên trách giám sát việc thực hiện nội quy lên lớp, ghi chép sổ sách, tiến độ giảng dạy và thực hiện chức nghiệp gíao viên, báo cáo hàng tuần để lãnh đạo trường và các đơn vị phối hợp xử lý các tình huống phát sinh. Sau mỗi đợt kiểm tra phòng Đào tạo đều có tổng kết và báo cáo kết quả ***(2.2.04.*** *Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học;* ***2.2.05.*** *Biên bản kiểm tra, xử lý vi phạm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2:

Tiêu chuẩn 3: *Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc*

lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khoá học Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, các hình thức và phương thức đào tạo. ***(2.2.01.** Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học).* Các khoa căn cứ vào kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, phân công giáo viên theo thời gian, khối lượng và chuyên môn phù hợp gửi lại cho phòng Đào tạo. Trên cơ sở phân công của các khoa, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch năm học chi tiết đến từng lớp, từng mô đun, môn học và đến từng giáo viên. ***(2.2.02.** Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun).* Căn cứ vào kế hoạch giáo viên và thời khóa biểu trước khi bắt đầu giảng dạy một môn học, mô đun, cho một lớp, giáo viên soạn kế hoạch giảng dạy chi tiết đến từng buổi lên lớp, từng nội dung giảng dạy cũng như các trang thiết bị cần thiết. Trước khi lên lớp giáo viên phải soạn giáo án, trình lãnh đạo khoa phê duyệt. Quá trình lên lớp giáo viên phải thực hiện đầy đủ các bước và hoàn thành đấy đủ các hồ sơ theo quy định của trường. ***(2.2.03**. Hồ sơ sư phạm nhà giáo).* Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Tổ môn, Trung tâm. Theo đó phòng Đào tạo có một chuyên viên chuyên trách giám sát việc thực hiện nội quy lên lớp, ghi chép sổ sách, tiến độ giảng dạy và thực hiện chức nghiệp giáo viên, báo cáo hàng tuần để lãnh đạo trường và các đơn vị phối hợp xử lý các tình huống phát sinh. Sau mỗi đợt kiểm tra phòng Đào tạo đều có tổng kết và báo cáo kết quả ***(2.2.04**. Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học; **2.2.05.** Biên bản kiểm tra, xử lý vi phạm).* Để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học như: Số hóa các nội dung bài giảng, giáo trình, bài giảng điện tử; quay các video clip thực hành kỹ năng làm phương tiện giảng dạy của các Khoa, Tổ môn và cho người học tham khảo thêm trong quá trình hình hành kỹ năng; mô phỏng hóa các kỹ năng...; Nhà trường đã nâng cấp, hoàn thiện lắp đặt và đưa vào sử dụng mạng nội bộ, nâng cấp website, xây dựng cơ sở dữ liệu sử dụng phần mềm trong quản lý đào tạo *(**2.3.06.** Phần mềm quản lý đào tạo).* Khoa đang sử dụng các phần mềm

thiết kế bài giảng điện tử, mô phỏng, lập trình trong giảng dạy và một số phần mềm hữu ích khác như: Phần mềm mô phỏng động cơ đốt trong, phần mềm thiết kế mô phỏng PLC, phần mềm mô phỏng Misa, các phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử và các phần mềm dựng phim, nhạc..., việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học là một việc không thể thiếu trong tình hình hiện nay. ***(2.3.07.*** *Bài giảng điện tử theo từng môn học -mô đun).* Việc xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trường là nhằm đưa mọi hoạt động của Trường vào một hệ thống quản lý có trật tự và khoa học hơn, giải quyết được các vấn đề trong tổ chức một cách logíc và hiệu quả, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời giúp nhà trường khẳng định được thương hiệu và uy tín trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của cả nước. Năm 2021 nhà trường tiếp tục triển khai xây dựng và ban hành hệ thống bảo đảm chất lượng với số lượng 34 quy trình mới, đủ các lĩnh vực, trong đó có một số quy trình áp dụng trong đào tạo, quản lý như: ***(2.9.03.*** *Phần mềm tích hợp tính năng quản lý hồ sơ nhập học của người học vào phần mềm tuyển sinh của trường; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình quản lý, lưu trữ dữ số liệu người học sau khi tốt nghiệp)*. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy và học. ***(2.3.09.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo khảo sát về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học năm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức hiện đang đào tạo nghề ở 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp nghề. 100% các nghề đào tạo của trường được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Giáo dục Nghề nghiệp. Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khoá học Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch tiến độ đào

tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, các hình thức và phương thức đào tạo. ***(2.2.01.** Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học)*. Chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp được thiết kế gồm hai mô đun thực tập. Thực tập trải nghiệm bố trí vào đầu năm học thứ hai nhằm rèn luyện cho HSSV tác phong công nghiệp, tinh thần thái độ làm việc, khả năng làm việc nhóm và các kỹ năng khác cũng như hình dung tổng quan về vị trí công việc hay nghề mình đang học. Thực tập tốt nghiệp chú trong hơn đến các kỹ năng chuyên môn đã được đào tạo, tích lũy kinh nghiệm và thực hành kiến thức đã học được. HSSV nghề Điện công nghiệp đi thực tập tại các doanh nghiệp chủ yếu sau: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Điện cơ hà Nội; Công ty TNHH sản xuất San Hoa. Trước khi đi thực tập trường phát cho mỗi HSSV một cuốn nhật ký thực tập, trong đó có đầy dủ thông tin về: Đề cương thực tập; Nhiệm vụ cua HSSV trong mỗi đợt thực tập; Hướng dẫn ghi nhật ký và báo cáo thực tập. Trường ký hợp đồng thỏa thuận với các đối tác về việc cho HSSV đến thực tập hay trải nghiệm. Mỗi đợt thực tập trường đều xây dựng kế hoạch cụ thể, ra Quyết định cử giáo viên phụ trách theo từng lớp, từng nhóm. ***(2.4.02.** Hợp đồng đào tạo với doanh nghiệp đưa người học đi thực tập, trải nghiệm; **2.4.03**. Kế hoạch đưa người học đi trải nghiệm, thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp; **2.4.04.** Quyết định và Danh sách người học đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; **2.4.05.** Danh sách nhà giáo hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; **2.4.06.** Sổ nhật ký thực tập)*. Kết thúc mỗi đợt thực tập HSSV phải lập báo cáo có đánh giá của giáo viên quản lý và đại diện doanh nghiệp trực tiếp quản lý và hướng dẫn thực tập. ***(2.4.07.** Báo cáo thực tập)*.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc các Quy chế trong quản lý đào tạo như: Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; Quy chế Công tác HSSV; Quy định về cấp phát văn bằng, chứng chỉ. Cùng với quá trình đánh giá kết quả học tập của HSSV,

việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV sau mỗi kỳ học được Nhà trường giao cho Phòng đào tạo, các Khoa chuyên môn, Tổ môn và Trung tâm; Các tổ chức đoàn thể thực hiện theo đúng Thông tư 17/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 30/6/2017 ban hành về Quy chế công tác HSSV. Việc đánh giá của nhà trường thực hiện như sau: Giáo viên chủ nhiệm tổ chức họp lớp để phổ biến các tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện, nhận xét ưu khuyết điểm, thông báo số ngày vắng học và vi phạm khuyết điểm của từng HSSV (nếu có), HSSV trong lớp nhận xét với từng HSSV. Sau đó HSSV trong lớp tự đánh giá, giáo viên chủ nhiệm xem xét chấm điểm và công bố trước lớp. Kết quả đánh giá điểm rèn luyện của HSSV các lớp được Trưởng khoa ký duyệt và trình lên Hội đồng nhà trường. Hiện nay Trường đang sử dụng 2 phương thức tổ chức đào tạo đó là: Theo tín chỉ và theo phương thức tích lũy mô đun, các nghề thực hiện hai phương thức đào tạo tín chỉ và tích luỹ môn học, mô đun theo quyết định số 161/QĐ-CĐCNVĐ ngày 01 tháng 7 năm 2018 được Hiệu trưởng phê duyệt.

***(2.5.01.** Quyết định số 161/QĐ-CĐCNVĐ ngày 01 tháng 7 năm 2018 về việc ban hành Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp).* Theo Quyết định số 161/ QĐ-CĐCNVĐ ngày 01 tháng 7 năm 2018 có HSSV lớp K46 Điện công nghiệp C1 hệ Trung cấp đã tốt nghiệp ra trường Để tổ chức thi tốt nghiệp kết thúc khoá học Trường đã ban hanh Quyết định thành lập hội đồng xét và thi tốt nghiệp ***(2.5.02.** Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp).* Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Ngoài ra việc lưu trữ các thông tin tốt nghiệp được nhà trường thực hiện nghiêm túc theo quy định. Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ của người học được lưu trữ tại Phòng đào tạo, hàng năm đều có báo cáo tổng kết khóa học, việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ và các biên bản kiểm tra ***(2.5.03.** Báo cáo tổng kết khóa học hàng năm; **2.5.04.** Báo cáo về cấp phát văn bằng, chứng chỉ năm hàng năm; **2.5.05.** Các văn bản, biên bản kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt*

nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hằng năm thể hiện trường nghiêm túc, khách quan).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Theo quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường, việc kiểm tra giám sát quá trình đào tạo thực hiện bởi các bộ phận khác nhau. Hàng năm trường đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác đào tạo như bồi dưỡng sát hạch trình độ, hội giảng nhà giáo...; quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, sau mỗi kỳ kiểm tra đều có báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó đều đề xuất các giải pháp nhằm nang cao chất lượng giảng dạy cũng như chất lượng đào tạo của trường. Kết quả cho thấy qua các đợt kiểm tra các đơn vị kịp thời có các kế hoạch và hoạt động điều chỉnh hoạt động dạy và học nhằm đảm bảo kế hoạch, nội dung chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo. ***(2.6.01.*** *Kế hoạch, phiếu đánh giá bài giảng sát hạch, Hội giảng hàng năm;* ***2.6.02.*** *Kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo hàng năm (sát hạch trình độ, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp...);*

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Tổ môn, Trung tâm. Thanh tra đào tạo trong đó có nội dung quy định về việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học do thanh tra đào tạo thực hiện. ***(2.2.04****. Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học;* ***2.6.04.*** *Kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác kiểm tra hồ sơ sư phạm nhà giáo định kỳ;* ***2.6.05.*** *Kế hoạch quý của nhà trường và các đơn vị).* Kết quả của việc rà soát tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định được họp thông qua hội nghị giao ban trường ***(2.6.06.*** *Biên bản hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt).* Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. ***(1.2.06.*** *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội*

nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm). Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về hoạt động kiểm tra, giám sát trong dạy và học. Kết quả cho thấy các ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý đánh giá về mức độ đạt yêu cầu và thực hiện tốt trong hoạt động dạy và học. Có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết. ***(2.6.08****. Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về hoạt động kiểm tra, giám sát trong dạy và học (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trong quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học,mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của trường đã có nội dung về đào tạo liên thông. ***(2.5.01****. Quyết định số 161/QĐ CĐCNVĐ ngày 01 tháng 7năm 2018 về việc ban hành Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trìnhđộ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ,quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp).* Quy định tại Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội về việc quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, trường đã ban hành quy chế đào tạo liên thông phù hợp với điều kiện của trường, trong đó quy định rõ mục đích, đối tượng, điều kiện học liên thông, tuyển sinh đào tạo liên thông, thời gian đào tạo, nhiệm vụ của trường trong việc tổ chức đào tạo liên thông. Nhà Trường đã xây dựng văn bản quy định về tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành, các văn bản hướng dẫn về đào tạo liên thông đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành. Có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ Trung cấp, Cao đẳng đối với những ngành, nghề đào tạo liên thông ***(2.7.02.*** *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019).* Trên cơ sở các văn bản quy định về tổ chức đào tạo liên thông Nhà trường đã tổ chức tuyển sinh đào

tạo liên thông từ các cấp. Chương trình đào tạo đã được triển khai xây dựng và thẩm định theo đúng qui định. Hàng năm đều có báo cáo về đào tạo liên thông. ***(2.7.03.*** *Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông, Chương trình đào tạo liên thông các ngành/nghề;* ***2. 7.04.*** *Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông;* ***2.7.05.*** *Kế hoạch đào tạo liênthông;* ***2.6.06.*** *Báo cáo về việc tổ chức đào tạo liên thông).* Quá trình thực hiệnđào tạo liên thông của nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập nâng cao trình độ cho người học. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo về thực hiện đào tạo liên thông. ***(2.6.07.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Mở đầu: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức có tổng số cán bộ, viên chức lao động của nhà trường năm 2021: 138 người; Nam: 82, Nữ: 56 đảm bảo về số lượng và chất lượng với 104 giáo viên. Giáo viên cơ hữu 112; thỉnh giảng 12. Trường đã ban hành và có các văn bản quy định tuyển dụng viên chức lao động, ký hợp đồng làm việc của viên chức, văn bản quy định về công tác bổ nhiệm, quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo và công tác đánh giá phân loại. Việc tuyển dụng viên chức lao động được thực hiện đúng quy trình, quy định. Trường luôn coi trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên như có chính sách khuyến khích giáo viên học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy họ.

** Những điểm mạnh*

Nghề Điện Công nghiệp có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý trẻ, có trình độ kiến thức chuyên môn, năng động, chịu khó học hỏi và nhiệt huyết trong công tác giảng dạy.

Nhà trường đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng thực hành nghề, đảm bảo được tất cả các môn học, mô đun nghề có đủ số lượng giáo viên đứng lớp theo qui định.

Đội ngũ cán bộ quản lý năng động, sáng tạo trong công việc chuyên môn cũng như quản lý, tham mưu giúp việc cho Ban giám hiệu nhà trường kịp thời trên

các mặt công tác, đạt chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý và đào tạo.

Việc xây dựng và quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý từ các khoa, phòng đến nhà trường đảm bảo minh bạch, có tính kế thừa và đúng quy trình.

Đảng bộ nhà trường có 14 chi bộ trực thuộc ở các Phòng, khoa,tổ môn, trung tâm do vậy công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu nhanh chóng được triển khai; công tác tổ chức, nhân sự chặt chẽ, phù hợp với các qui định trong công tác tổ chức cán bộ.

Các cán bộ quản lý trong trường có ý thức học tập, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ. Đội ngũ công nhân viên đủ về số lượng, có năng lực và kinh nghiệm trong công tác, được bố trí sắp xếp đúng vị trí, làm việc có hiệu quả, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động.

** Những tồn tại:*

Trình độ ngoại ngữ của phần lớn giáo viên còn hạn chế nên phần nào ảnh hưởng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn, tiếp cận công nghệ mới cũng như việc nghiên cứu, áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới vào giảng dạy.

Một số nhà giáo của trường chưa đạt chuẩn về kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm.

Đa số nhà giáo của trường chưa được đi tham gia học tập nâng cao trình độ tại doanh nghiệp.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch cho nhà giáo đi học tập nâng cao trình độ, thực tế tại doanh nghiệp lớn trong và ngoài tỉnh đảm bảo thời gian theo quy định.

Tăng cường đội ngũ giáo viên, bồi dưỡng chuyên sâu của nghề để khai thác thiết bị và mặt bằng hiện có của Trường.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, thi chứng chỉ kỹ năng nghề Quốc gia cho nhà giáo.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	**Điểm chuẩn**	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chí 3	**16 điểm**	**14 điểm**
Tiêu chuẩn 1	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 2	*2 điểm*	*2 điểm*

Tiêu chuẩn 3	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 4	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 5	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 6	*2 điểm*	*0 điểm*
Tiêu chuẩn 7	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 8	*2 điểm*	*2 điểm*

Tiêu chuẩn 1: *100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Tính đến năm học 2020 – 2021 có 18 giáo viên thuộc khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh trực tiếp giảng dạy chuyên ngành nghề, 05 giáo viên thuộc các khoa và bộ môn khác giảng dạy 05 môn chung và các môn bổ trợ như Tiếng anh, Chính trị, Pháp luật, Thể dục, Tổ chức sản xuất, Cắt gọt kim loại cơ bản, Nguội. Tổng số giáo viên đến tháng 12/2021 là 14 giáo viên cơ hữu, 4 giáo viên thỉnh giảng và 5 giáo viên các khoa, trung tâm khác dạy môn chung , cơ sở. Các giáo viên không giảng dạy chuyên ngành đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

+ Trình độ chuyên môn: 13 thạc sĩ ; 5 đại học;

+ Nghiệp vụ sư phạm: 18 giáo viên

+ Trình độ Tin học: 5 giáo viên có trình độ B; 10 giáo viên trình độ C;

+ Trình độ ngoại ngữ: 02 giáo viên đang học lớp văn bằng hai tiếng anh; 04 giáo viên có tình độ B; 12 giáo viên trình độ C;

+ Kỹ năng nghề bậc 3/5: 17 giáo viên.

Ngoài ra còn có 02 giáo viên dạy môn chung, dạy một số môn cơ sở, môn qua ban (như: Cắt gọt kim loại cơ bản, Nguội) đều có bằng đại học và thạc sĩ, có kỹ năng nghề bậc 3/5 đối với giáo viên dạy thực hành, đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học theo quy định. Hồ sơ quản lý nhà giáo cho thấy 100% nhà giáo dạy trung cấp và Cao đẳng có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm kỹ thuật trở lên, chuyên ngành phù hợp với nghề giảng dạy; 100% nhà giáo đạt chuẩn về năng lực sư phạm, kỹ năng nghề theo quy định. ***(3.1.01.*** *Hồ sơ quản lý nhà giáo (danh sách trích ngang nhà giáo, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng*

năm, bản phô tô công chứng văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trích ngang phiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học...); Nhà trường, hàng năm đều tổ chức việc đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động và đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo. ***(3.1.02 .*** *Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm).* Khảo sát lấy ý kiến về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo được tổ chức hàng năm ***(3.1.03.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo)).* Như vậy 100% giáo viên nghề Điện Công nghiệp thuộc khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đều đạt chuẩn theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 – 2021 có 18 giáo viên thuộc khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh trực tiếp giảng dạy chuyên ngành nghề, 07 giáo viên thuộc các khoa và bộ môn khác giảng dạy 07 môn chung và các môn bổ trợ như Tiếng anh, Chính trị, Pháp luật, Thể dục, Tổ chức sản xuất, Cắt gọt kim loại cơ bản, Nguội. Tổng số giáo viên cơ hữu đến tháng 12/2021 là 14 giáo viên và 7 giáo viên các khoa, trung tâm khác dạy môn chung , cơ sở. Các giáo viên không giảng dạy chuyên ngành đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

+ Trình độ chuyên môn: 13 thạc sĩ ; 5 đại học;

+ Nghiệp vụ sư phạm: 18 giáo viên

+ Trình độ Tin học: 5 giáo viên có trình độ B; 10 giáo viên trình độ C;

+ Trình độ ngoại ngữ: 02 giáo viên đang học lớp văn bằng hai tiếng anh; 04 giáo viên có tình độ B; 12 giáo viên trình độ C;

+ Kỹ năng nghề bậc 3/5: 17 giáo viên

Ngoài ra còn có 02 giáo viên dạy môn chung, dạy một số môn cơ sở, môn qua ban (như: Cắt gọt kim loại cơ bản, Nguội) đều có bằng đại học và thạc sĩ, có kỹ năng nghề bậc 3/5 đối với giáo viên dạy thực hành, đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học theo

quy định. Hồ sơ quản lý nhà giáo cho thấy 100% nhà giáo dạy trung cấp và Cao đẳng có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm kỹ thuật trở lên, chuyên ngành phù hợp với nghề giảng dạy; 100% nhà giáo đạt chuẩn về năng lực sư phạm, kỹ năng nghề theo quy định. ***(3.1.01.*** *Hồ sơ quản lý nhà giáo (danh sách trích ngang nhà giáo, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trích ngang phiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học...)*. Quy chế đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức, nhà giáo và người lao động hàng năm được nhà trường ban hành trên cơ sở cụ thể hóa các Nghị định 56/2015 và 88/2017 của Chính phủ cũng như các văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ quản. Trong đó quy định các tiêu chuẩn và tiêu chí khác nhau với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức hay lao động hợp đồng. Quy chế cũng bao gồm các biểu mẫu, quy trình đánh giá, xếp loại và trách nhiệm của các cá nhân bộ phận liên quan để đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch ***(3.2.02****. Quyết định ban hành quy chế đánh giá và phân loại cán bộ, viên chức lao động hàng năm).* Hàng năm, nhà trường đều tổ chức việc đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động. Đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo ***(3.1.02.*** *Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm).* Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. ***(1.2.06.*** *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Đội ngũ nhà giáo của nhà trường đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng, đảm bảo được tất cả các môn học, mô đun nghề. Có đủ số lượng nhà giáo đứng lớp giảng dạy (Theo thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN), đảm bảo tỷ lệ học

sinh/nhà giáo theo quy và nhu cầu của người học, xã hội. Trường đã đăng ký hoạt động GDNN cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 ngành/nghề thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 nghề hệ sơ cấp được BLĐTBXH phê duyệt. ***(2.7.01.*** *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019)*. Theo hồ sơ và kế hoạch giáo viên hàng năm có 18 giáo viên thuộc khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh trực tiếp giảng dạy chuyên ngành nghề, 05 giáo viên thuộc các khoa và bộ môn khác giảng dạy 05 môn chung và các môn bổ trợ như Tiếng anh, Chính trị, Pháp luật, Thể dục, Tổ chức sản xuất, Cắt gọt kim loại cơ bản, Nguội. Tổng số giáo viên cơ hữu đến tháng 12/2021 là 18 giáo viên và 5 giáo viên các khoa, trung tâm khác dạy môn chung , cơ sở. Các giáo viên không giảng dạy chuyên ngành đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

+ Trình độ chuyên môn: 13 thạc sĩ ; 5 đại học;

+ Nghiệp vụ sư phạm: 18 giáo viên

+ Trình độ Tin học: 5 giáo viên có trình độ B; 10 giáo viên trình độ C;

+ Trình độ ngoại ngữ: 02 giáo viên đang học lớp văn bằng hai tiếng anh; 04 giáo viên có tình độ B; 12 giáo viên trình độ C;

+ Kỹ năng nghề bậc 3/5: 17 giáo viên

Ngoài ra còn có 02 giáo viên dạy môn chung, dạy một số môn cơ sở, môn qua ban (như: Cắt gọt kim loại cơ bản, Nguội) đều có bằng đại học và thạc sĩ, có kỹ năng nghề bậc 3/5 đối với giáo viên dạy thực hành, đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học theo quy định. Hồ sơ quản lý nhà giáo cho thấy 100% nhà giáo dạy trung cấp và Cao đẳng có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm kỹ thuật trở lên, chuyên ngành phù hợp với nghề giảng dạy; 100% nhà giáo đạt chuẩn về năng lực sư phạm, kỹ năng nghề theo quy định. Định mức giờ giảng của nhà giáo được xây dựng cụ thể, có chế tài hợp lý và phù hợp với quy định chung, cụ thể nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi số lượng nhà giáo/học sinh. ***(3.3.01****. Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...;* ***3.3.02.*** *Bảng thống kê số lượng cán bộ nhà giáo quy đổi hàng năm;* ***3.3.03.*** *Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo*

hàng năm; ***3.3.04.*** *Bảng tổng hợp quy đổi người học/nhà giáo theo từng ngành/nghề đào tạo hàng năm)*

BẢNG TỔNG HỢP QUY ĐỔI NHÀ GIÁO/ HỌC SINH 3 NĂM 2019-2020-2021

- Năm 2019

TT	Ngành, nghề/ Nhóm ngành, nghề	GV Cơ hữu	GV Thỉnh giảng/ kiêm nhiệm	Tổng số Giáo viên	Tổng số Giáo viên sau quy đổi	HS-SV quy đổi	Tỉ lệ quy đổi GV/HS
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Điện công nghiệp; Điện dân dụng; Điện tử công nghiệp	14	11	25	17,2	239.1	1/13,9

- Năm 2020

TT	Ngành, nghề/ Nhóm ngành, nghề	GV Cơ hữu	GV Thỉnh giảng/ kiêm nhiệm	Tổng số Giáo viên	Tổng số Giáo viên sau quy đổi	HS-SV quy đổi đến tháng 08/2020	Tỉ lệ quy đổi GV/HS đến 08/2020
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Điện công nghiệp; Điện dân dụng; Điện tử công nghiệp	12	11	23	15,2	227	1/14,9

- Năm 2021

TT	Ngành, nghề/ Nhóm ngành, nghề	GV Cơ hữu	GV Thỉnh giảng/ kiêm nhiệm	Tổng số Giáo viên	Tổng số Giáo viên sau quy đổi	HS-SV quy đổi đến tháng 11/2021	Tỉ lệ quy đổi GV/HS đến 11/2021
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Điện công nghiệp; Điện dân dụng; Điện tử công nghiệp	14	04	18	14,63	307	1/20,9

Như vậy tất cả các nghề có tỷ lệ học sinh quy đổi đảm bảo tỉ lệ không quá 25 học sinh/01 giáo viên, trong phạm vi cho phép. Việc thực hiện các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động như: chế độ phụ cấp giáo viên đứng lớp; phụ cấp cho giáo viên làm công tác kiêm nhiệm; phụ cấp cho cán bộ quản lý; chế độ làm thêm giờ; chế độ hưu; chế độ ốm đau, thai sản; chế độ công tác phí; chế độ khuyến khích học tập, bồi dưỡng; chi hỗ trợ các ngày lễ; chi vượt giờ; chế độ nghỉ hè, tham quan, chi thi đua, khen thưởng...; Các chế độ cho đội ngũ nhà giáo, viên chức người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định, quy chế của nhà trường. *(**3.3.05.** Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp).* Hội đồng tuyển sinh của trường tổ chức xét tuyển, kết quả trúng tuyển theo tiêu chí lấy từ cao tới thấp, Hiệu trưởng xét duyệt danh sách và gửi giấy báo trúng tuyển. Học sinh trúng tuyển nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện, học sinh nhập học và có quyết định mở lớp *(**3.3.06.** Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo).* Hàng năm, Phòng đào tạo nhà trường đều xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo cho từng nghề; số giờ vượt hàng năm không quá 200 giờ. *(**2.2.01.** Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học; **2.2.02.** Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun).* Căn cứ vào số lượng người học, các lớp học đảm bảo lý thuyết không quá 35 người học/ lớp; thực hành không quá 20 người học/ lớp. Từ đó Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh phân công giờ giảng cho từng nhà giáo. Phòng Đào tạo có kế hoạch kiểm tra hồ sơ sư phạm, nề nếp dạy và học hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh và các giáo viên tham gia giảng dạy. *(**3.3.07.** Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm, Học tập nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học, quản lý phòng học chuyên môn, tham gia hội giảng...; **3.3.08.** Bảng tổng hợp giờ giảng của nhà giáo theo từng năm học (kể cả giờ quy đổi thực hiện nhiệm vụ khác: Học tập nâng cao trình độ, giáo viên chủ nhiệm, nghiên cứu khoa học, quản lý phòng học chuyên môn, tham gia hội giảng...; **3.3.09.** Bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp thanh toán tiền vượt giờ hàng năm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh có 14 người (12/2021); trong đó Trình độ Thạc sĩ: 10; Đại học 04 người. Ngoài ra, về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ, phẩm chất đạo đức của 100% đội ngũ CBGV Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đều đạt chuẩn theo yêu cầu. ***(3.3.01.** Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...)*. Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo cụ thể 3 năm gần đây:

+ Năm 2019 cử 104 lượt (trong đó có: 94 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

+ Năm 2020 cử 125 (trong đó có: 82 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quốc phòng an ninh.

+ Năm 2021 cử 36 (trong đó có: 17 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

Từ năm 2019 đến tháng12/2021 khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh có tổng số 14 nhà giáo cơ hữu, trong đó có 10 nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng. Hàng năm, nhà trường triển khai kế hoạch đến các đơn vị trong toàn trường đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học, các đề tài phần lớn tập trung vào nghiên cứu quản lý đào tạo, ứng dụng kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới phương pháp dạy học nâng cao chất lượng đào tạo, công tác quản lý người học. Hầu hết, các đề tài sáng kiến, cải tiến của Cán bộ, nhà giáo đã được ứng dụng vào công tác quản lý, nâng cao chất lượng giảng dạy. Năm học 2019 - 2020 Khoa Điện-Điện tử- Điện lạnh có 01 giáo viên tham gia dự thi Hôi thi nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và 01 học sinh dự thi học sinh giỏi nghề do Tỉnh Thái Nguyên tổ chức, kết quả đạt được 1 giải ba và 1 giải khuyến khích. Năm 2019-2021 tất cả các giáo viên nhóm nghề Điện- Điện tử- Điện lạnh , nhóm nghề cơ khí, nhóm nghề ô tô đã có chứng chỉ bậc 3/5 do tổng cục GDNN cấp.***(3.4.01.** Kế hoạch, Quyết định cử nhà giáo tham gia hội giảng nhà giáo, hội thi thiết bị tự làm, tay nghề giỏi các*

cấp... hàng năm; ***3.4.02.*** *Quyết định công nhận kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm). Từ năm* 2019 đến năm 2021 Khoa có 10/14 hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ, có đề tài tốt nghiệp phục vụ cho công tác đào tạo nghề Điện Công nghiệp. Như vậy đến 12/2021 Khoa có 10/14 thạc sĩ chuyên môn. (***3.4.03.*** *Luận văn Thạc sĩ, tiến sĩ;* ***3.4.04.*** *Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen…).* Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm hàng năm Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đều có báo cáo tổng kết công tác cụ thể, từ đó có những định hướng cho công việc, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo. ***(3.4.05.*** *Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị đào tạo hàng năm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Để đạt được trình độ chuyên môn nghiệp vụ đào tạo nghề ngày càng cao, Trường rất chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên nghề Điện Công nghiệp. Trong những năm vừa qua, Nhà trường đã tổ chức và tạo điều kiện cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng như: Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên dạy trình độ cao đẳng đảm bảo 100% giáo viên đủ chuẩn, chứng chỉ kỹ năng nghề 3/5 cho 100 % cho giáo viên dạy nghề nhóm kỹ thuật trong đó có nghề Điện Công nghiệp, chứng chỉ tin học, lớp trung cấp Tin, bồi dưỡng ngoại ngữ cho nhà giáo giảng dạy các nghề trọng điểm... , Quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính, trung, cao cấp lý luận chính trị cho các đồng chí Cán bộ quản lý.

+ Năm 2019 cử 104 lượt (trong đó có: 94 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

+ Năm 2020 cử 125 (trong đó có: 82 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quốc phòng an ninh.

+ Năm 2021 cử 36 (trong đó có: 17 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

(2.6.02. *Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học tập bồi*

dưỡng nâng cao trình độ...); ***3.5.02.*** *Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tay nghề giỏi các cấp… hàng năm;* ***3.5.03.*** *Các tài liệu/hình ảnh nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng;* ***3.4.04.*** *Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen….)*. Ngoài ra, nhà trường đã triển khai công tác Hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp trường để nhà giáo được tham gia thi đua dạy tốt và tự học hỏi nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy. Việc triển khai kế hoạch, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ của nhà trường luôn đảm bảo đúng yêu cầu đề ra. Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. ***(1.2.06****. Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: *100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Thực hiện quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, hàng năm trường giao cho khoa xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thực tập tại doanh nghiệp nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ và phương pháp tổ chức, quản lý sản xuất. Cán bộ quản lý, giáo viên khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh ngoài việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đội ngũ giáo viên nhà trường còn được đi thực tế tại các doanh nghiệp để nắm bắt những kiến thức thực tế, cập nhật công nghệ, quy trình kỹ thuật thực tế nhằm nâng cao hiệu quả dạy học, rèn luyện kỹ năng tay nghề cho HSSV. Cùng với việc tổ chức cho người học đi thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ, nhà trường cử giáo viên của trường đi kèm với người học tại nơi thực tập để giám sát và thâm nhập thực tế để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp. Đây là cơ hội tốt để nhà giáo tiếp cận công nghệ sản xuất, trang thiết bị máy móc hiện đại, kinh nghiệm quản lý để cải tiến, đổi mới nội dung, phương pháp hướng dẫn thực hành cũng như tác phong làm việc công nghiệp. ***(3.6.01.*** *Chế độ làm việc của nhà giáo).* Đồng thời với mục tiêu

nâng cao chất lượng giảng dạy hàng năm, Nhà trường đã đã ban hành quy trình Tổ chức cho giảng viên đi thực tập tại doanh nghiệp, hiện tại nhà trường mới bố trí được cho10% nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn học/mô đun chuyên ngành của các nghề được đi học tập bồi dưỡng, thực tập thực tế tại đơn vị sử dụng lao động (gọi tắt là doanh nghiệp) để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định ***(3.6.02.*** *Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức lao động).* Đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh có 14 người (12/2021); trong đó Trình độ Thạc sĩ: 10; Đại học 04 người. Ngoài ra, về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ, phẩm chất đạo đức của 100% đội ngũ CBGV Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đều đạt chuẩn theo yêu cầu. ***(3.3.01.*** *Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...;* ***3.6.03.*** *Các quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng tại các doanh nghiệp hàng năm;* ***3.6.04.*** *Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm;* ***3.6.05.*** *Tài liệu/hình ảnh của nhà giáo đi thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp hàng năm;* ***3.4.04.*** *Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen…)* Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo. ***(3.6.06.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo).*

Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đã cử nhà giáo đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhập kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, tuy nhiên việc cử đi thực tập với số lượng ít, và không liên tục; 3 năm trở lại đây khoa không cử nhà giáo đi thực tập ngoài doanh nghiệp vì vậy: Trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7: *100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Cán bộ, viên chức lao động được bố trí tại các đơn vị phòng, khoa đều có trình độ trung cấp trở lên và đã qua bồi dưỡng lớp quản lý nhà nước, chương trình chuyên viên chính và bồi dưỡng về nghiệp vụ tin

học...Tất cả viên chức, lao động của Trường đều đạt chuẩn về chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ công việc được giao. Căn cứ vào mức độ và khối lượng hoàn thành công tác phục vụ và theo báo cáo tổng kết của trường và của các phòng, khoa cho thấy đội ngũ viên chức, lao động của Trường có năng lực chuyên môn phù hợp với các vị trí làm việc. ***(3.7.01.*** *Hồ sơ quản lý nhà giáo (danh sách trích ngang nhà giáo, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trích ngang phiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học...);* Nhà trường, hàng năm đều tổ chức việc đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động và đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo. ***(3.7.02.*** *Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo Điện Công nghiệp đều được nhà trường đánh giá (100%) hoàn thành, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm, thông qua công tác thi đua, khen thưởng. Năm 2019 - 2020, 2020 - 2021: Kết quả đánh giá công chức, viên chức cán bộ quản lý, nhân viên trường liên quan đến tổ chức đào tạo nghề Điện Công nghiệp đều hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. ***(3.7.01.*** *Hồ sơ đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên thuộc các Phòng chức năng (danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học...).* Nhà trường, hàng năm đều tổ chức việc đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động và đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo. ***(3.7.02.*** *Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm).* Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. ***(1.2.06.*** *Báo cáo tổng*

kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

Mở đầu: Chương trình đào tạo của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức được được xây dựng, biên soạn, rà soát, chỉnh sửa theo quy định của Bộ LĐTBXH. Chương trình được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý giữa các cấp trình độ, các môn học tự chọn trong mỗi nghề, hàng năm sẽ được đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường lao động cũng như điều kiện thực tế của trường;

Chương trình đào tạo có quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng và phương pháp, nhằm giúp nhà giáo đánh giá người học một cách chính xác nhất.; Nhà trường đã triển khai công tác biên soạn giáo trình và lựa chọn giáo trình tài liệu giảng dạy các môn học, mô đun cho tất cả các nghề trường đang đào tạo theo đúng quy trình đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

* *Những điểm mạnh*: Chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp của trường được xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Thể hiện được kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, có sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học. Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học. Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học, tất cả giáo trình được biên soạn/lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Giáo trình đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học; nội dung giáo trình phù hợp.

* *Những tồn tại*: Trường chưa có đủ giáo trình cho các nghề trong Giấy chứng nhận đăng ký GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bổ sung do Tổng cục GDNN cấp.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trường tiếp tục rà soát, bổ sung, lựa chọn và ban hành, đầy đủ giáo trình theo quy định cho các nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	**24 điểm**	**24 điểm**
Tiêu chuẩn 1	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 2	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 3	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 4	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 5	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 6	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 7	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 8	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 9	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 10	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 11	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 12	*2 điểm*	*2 điểm*

Tiêu chuẩn 1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định*.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã xây dựng 100% chương trình đào tạo các nghề có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Điều 6, Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH "Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp; Điều 7, Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ LĐTBXH "Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN".

Trường đã thực hiện việc xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo theo quy định các nghề trình độ trung cấp, cao đẳng trong đó

có nghề Điện Công nghiệp, cụ thể năm 2019, Trường có Kế hoạch số 51ª/KH-CĐCNVĐ ngày 22/02/2019 v/v rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo. Trong kế hoạch có Căn cứ, danh sách các ngành nghề cần chỉnh sửa, nội dung công việc và tiến độ thực hiện, tổ chức thực hiện và phân công nhiệm vụ cho các hội đồng, tiểu ban, các phòng và các đơn vị đào tạo**.** ***(1.107.*** *Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm).* Thành lập Hội đồng chỉnh sửa chương trình đào tạo: Năm 2019, Trường có thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá lại chương trình đã đào tạo (Quyết định số: 42ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 26/02/2019 v/v thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng, Trung cấp cho các ngành nghề). Thành phần Hội đồng có 13 người gồm Hiệu trưởng, các Trưởng Phòng, Khoa; Giảng viên có kinh nghiệm và có sự tham gia của các Doanh nghiệp (ví dụ: Ông Lê Kiều Hưng - Quản đốc công ty Phụ tùng máy số 1; Ông Vũ Xuân Thoàn - Phó GĐ công ty TNHH 1 thành viên Diesel Sông Công...). Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá chương trình đào tạo các ngành nghề đã thực hiện đào tạo đối với K45 trình độ Cao đẳng và K11 trình độ Trung cấp, có biên bản kết luận những nội dung cần chỉnh sửa trong các chương trình đào tạo đã triển khai thực hiện (Không đánh giá những nghề không tuyển sinh được). ***(1.1.08.*** *Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm;* ***1.1.09.*** *Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;* ***1.1.10.*** *Biên bản Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo;* ***1.1.11.*** *Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp).*

Sau đó thành lập 04 Tiểu ban chỉnh sửa chương trình đào tạo toàn khóa trình độ Trung cấp, Cao đẳng cho các ngành nghề, gồm 06 Chương trình Cao đẳng; 07 Chương trình Trung cấp, 02 chương trình Liên thông (Quyết định số: 70ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 26/3/2019) và thành lập 05 Tiểu ban chỉnh sửa nội dung chương trình chi tiết môn học - mô đun cho các ngành nghề (Quyết định số: 73ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/3/2019).

Sau khi thành lập, các tiểu ban đã triển khai thực hiện theo kế hoạch: Các tiểu ban chỉnh sửa tổ chức xây dựng, dự thảo chương trình, tuân thủ theo mẫu chương trình và sơ đồ mối liên hệ giữa các môn học, mô đun của Thông tư

03/2017, bổ sung, cập nhật nội dung kiến thức, trang thiết bị mới của từng ngành nghề để đáp ứng chuẩn đầu ra và phù hợp với thực tế nhu cầu xã hội; Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo; (ví dụ: Tiểu ban nghề Điện công nghiệp có bản nhận xét, góp ý của Ông Đỗ Hồng Sơn - Giám đốc kinh doanh công ty Xuân Lộc Thọ; Ông Vũ Văn Định - Giám đốc công ty TNHH Sản xuất Thiết bị điện Việt Hàn; Tiểu ban nghề Điện tử Công nghiệp có bản nhận xét, góp ý của Ông Lê Cảnh Bình - Cán bộ phụ trách kỹ thuật Công ty cổ phần dụng cụ cơ khí xuất khẩu).

Sau Hội thảo các Tiểu ban chỉnh lý và chỉnh sửa chương trình tiếp thu ý kiến đã được kết luận trong Hội thảo, chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo chương trình toàn khóa, từ đó đưa về các tiểu ban chỉnh lý nội dung chương trình chi tiết môn học , mô dun của các ngành nghề.

Thẩm định chương trình đào tạo: Trường đã thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Năm 2019: Thành lập 04 Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (Quyết định số: 74ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/3/2019 v/v thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp cho các ngành nghề). Số lẻ (7 hoặc 9 thành viên); Thành phần của Hội đồng có các Trưởng, Phó phòng, Khoa, nhà giáo và đại diện Doanh nghiệp. ***(1.1.09.*** *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm).* Tổ chức thẩm định chương trình, các thành viên của Hội đồng thẩm định có Phiếu đánh giá theo nội dung và kết cấu, điều kiện thực hiện của chương trình đào tạo, tính cập nhật, phù hợp của chương trình; ***(1.1.13.*** *Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp;* Các Hội đồng thẩm định họp đều có Biên bản nghiệm thu ***(1.1.14.*** *Biên bản nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp).*

Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. ***(1.1.15.*** *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp (có chương trình đào tạo kèm theo).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã thực hiện việc xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo theo quy định các nghề trình độ trung cấp, cao đẳng trong đó có nghề Điện Công nghiệp, cụ thể năm 2019, Trường có Kế hoạch số 51ª/KH-CĐCNVĐ ngày 22/02/2019 v/v rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo. Trong kế hoạch có Căn cứ, danh sách các ngành nghề cần chỉnh sửa, nội dung công việc và tiến độ thực hiện, tổ chức thực hiện và phân công nhiệm vụ cho các hội đồng, tiểu ban, các phòng và các đơn vị đào tạo**.** Năm 2019, căn cứ vào thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 01/3/1017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng. Trường lập kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo các nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, trong đó có nghề cao đẳng Điện Công nghiệp ***(1.1.07.*** *Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm).* Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình có 14 thành viên, trong đó có 8/14 thành viên là các nhà giáo đang giảng dạy ở trình độ đào tạo và nghề tương ứng. ***(1.1.08.*** *Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm****).*** Khi xây dựng hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo, trường thành lập các tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo trong đó có nghề cao đẳng Điện Công nghiệp. Tiểu ban xây dựng chương trình cao đẳng Điện Công nghiệp gồm 7 thành viên. Các thành viên có năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu quy định. ***(1.1.09.*** *Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm)*. Tiểu ban xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo nghề cao đẳng Điện Công nghiệp tổ chức thực hiện xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo, sau đó phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức các buổi hội thảo xây dựng chương trình. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo nhà trường đã mời Ông Vũ Văn Định Giám đốc công ty TNHH Sản xuất thiết bị điện Việt Hàn tham gia góp ý vào chương trình đào tạo, sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành gúp cho trường điều chỉnh chương trình theo sát với thực tế. Các hội đồng họp đều có các biên bản kèm theo. ***(1.1.10.*** *Biên bản Hội thảo khoa học về*

chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp; ***1.1.11.*** *Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp;* ***1.1.12.*** *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;* ***1.1.13.*** *Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp;* ***1.1.14.*** *Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp;* ***1.1.15.*** *Quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp (có chương trình đào tạo kèm theo);* ***4.2.10****. Thư mời đại diện doanh nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định chương trình)*. Tiểu ban chỉnh lý chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng gồm 07 thành viên (Theo Quyết định số 70ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng trường CĐCN Việt Đức):

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh
1	Nguyễn Đức Sinh	Hiệu trưởng	Trưởng tiểu ban
2	Trần Kiên	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên thư ký
3	Lý Quang Đại	Phòng Đào tạo	Ủy viên
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Tổ trưởng tổ Thực hành, khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh	Ủy viên
5	Nguyễn Văn Thảo	Giảng viên khoa Điện-ĐT-ĐL	Ủy viên
6	Hoàng Anh Tuấn	Giảng viên khoa Điện-ĐT-ĐL	Ủy viên
7	Đỗ Hồng Sơn	Giám đốc kinh doanh công ty Xuân Lộc Thọ	Ủy viên

Khi thẩm định chương trình, trường mời đại diện các doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định. Hội động thẩm định chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp gồm 09 thành viên (Theo Quyết định số 74ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng trường CĐCN Việt Đức):

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh
1	Hoàng Minh Thái	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2	Trương Thị Thúy Hồng	Cán bộ phòng Dạy nghề, sở LĐTB&XH	Phó chủ tịch Hội đồng
3	Trần Minh Đức	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên

4	Hoàng Thị Minh	Trưởng khoa Điện-ĐT-ĐL	Ủy viên
5	Vũ Thị Ngoan	Phó trưởng khoa Điện-ĐT-ĐL	Ủy viên
6	Đỗ Khắc Nguyên	Trưởng phòng Quản trị đời sống	Ủy viên
7	Vũ Văn Dịnh	Giám đốc công ty TNHH Sản xuất thiết bị điện Việt Hàn	Ủy viên
	Phạm Thị Huệ	Giảng viên khoa Điện-ĐT-ĐL	Ủy viên
	Phạm Lưu Bình	Giảng viên khoa Điện-ĐT-ĐL	Ủy viên

Hàng năm Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia quá trình xây dựng chương trình đào tạo***(4.2.11.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia quá trình xây dựng chương trình đào tạo (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, hiện nay Nhà trường đã xây dựng và đưa vào áp dụng chuẩn đầu ra cho 100% chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo được Nhà trường xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Trường đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-CĐCNVĐ ngày 29/11/2017 V/v Ban hành Chuẩn đầu ra cho các ngành/nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Chuẩn đầu ra của chương trình Cao đẳng nghề Điện Công nghiệp được xây dựng đúng theo quy định đảm bảo nội dung: Giới thiệu chung về ngành nghề; kiến thức; kỹ năng; mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm; vị trí việc làm sau tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ. ***(4.3.01.*** *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nghề Điện*

Công nghiệp trình độ Cao đẳng). Trong Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, Trường đã quy định rõ yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu thông qua thời lượng của chương trình phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2017/BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ LĐTBXH, yêu cầu về năng lực thể hiện qua Mục tiêu đào tạo của chương trình về: Kiến thức, Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà người học đạt được của chương trình đào tạo và của từng mô đun/môn học, quy định tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thực hành .... ***(4.3.02.*** *Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo).* Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. ***(1.1.15.*** *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)).*

khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo (đối với doanh nghiệp và người học đã tốt nghiệp)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trong Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, Trường đã quy định rõ yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu thông qua thời lượng của chương trình phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2017/BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ LĐTBXH, yêu cầu về năng lực thể hiện qua Mục tiêu đào tạo của chương trình về: Kiến thức, Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà người học đạt được của chương trình đào tạo và của từng mô đun/môn học, quy định tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thực hành .... ***(4.3.02.*** *Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo).* Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. ***(1.1.15.*** *Quyết định ban hành chương trình đào*

tạo nghề Điện Công nghiệp). Chương trình thường phân bổ các môn học cơ bản, các môn học cơ sở và cơ sở nghề trước (trong học kỳ 1, 2 và 3), các môn học/mô đun chuyên môn nghề được sắp xếp ở các học kỳ sau (trong học kỳ 2,3 và 4), các mô đun thực tập nghề 1, thực tập nghề 2 tại trường, tại cơ sở sản xuất thường được bố trí sau khi học các mô đun chuyên môn nghề đã học (học kỳ 3 và học kỳ 5), thực tập tốt nghiệp được bố trí sau khi đã hoàn thành tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. Các chương trình môn học trong chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng đều chỉ rõ vị trí, tính chất của môn học/mô đun, điều kiện tiên quyết hoặc song hành của môn học/mô đun, điều này đảm bảo sự logic, kế thừa các kiến thức, kỹ năng lẫn nhau giữa các môn đun/môn học đảm bảo thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo và đảm bảo chuẩn đầu ra của nghề Điện Công nghiệp bậc cao đẳng của Trường *(có chương trình đào tạo kèm theo)).* Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát đối với nhà giáo, HSSV về chương trình đào tạo, giáo trình trong đó có nghề Điện Công nghiệp. ***(4.4.01.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với doanh nghiệp và người học đã tốt nghiệp)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Để đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp của nhà trường nói chung và chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng nói riêng, Nhà trường coi trọng các điều kiện về cơ sở vật chất cũng như đội ngũ giảng viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Điều này được thể hiện chung cho toàn chương trình đào tạo và trong từng mô đun/môn học. Đối với yêu cầu về cơ sở vật chất, nhà trường đã xây dựng danh mục thiết bị đào tạo cho nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng. Trong đó thể hiện rõ chủng loại, số lượng các trang thiết bị trang bị cho việc triển khai thực hiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp nghề Điện Công nghiệp. ***(4.5.01.*** *Danh mục trang thiết bị tối thiểu các ngành nghề đào tạo).* Hàng năm, nhà trường

xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo cụ thể 3 năm gần đây:

+ Năm 2019 cử 104 lượt (trong đó có: 94 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

+ Năm 2020 cử 125 (trong đó có: 82 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quốc phòng an ninh.

+ Năm 2021 cử 36 (trong đó có: 17 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

Từ năm 2019 đến tháng12/2021 khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh có tổng số 14 nhà giáo cơ hữu, trong đó có 10 nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng. Hàng năm, nhà trường triển khai kế hoạch đến các đơn vị trong toàn trường đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học, các đề tài phần lớn tập trung vào nghiên cứu quản lý đào tạo, ứng dụng kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới phương pháp dạy học nâng cao chất lượng đào tạo, công tác quản lý người học. Hầu hết, các đề tài sáng kiến, cải tiến của Cán bộ, nhà giáo đã được ứng dụng vào công tác quản lý, nâng cao chất lượng giảng dạy. Năm học 2019 - 2020 Khoa Điện-Điện tử- Điện lạnh có 01 giáo viên tham gia dự thi Hôi thi nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và 01 học sinh dự thi học sinh giỏi nghề do Tỉnh Thái Nguyên tổ chức, kết quả đạt được 1 giải ba và 1 giải khuyến khích. Năm 2019-2021 tất cả các giáo viên nhóm nghề Điện- Điện tử- Điện lạnh , nhóm nghề cơ khí, nhóm nghề ô tô đã có chứng chỉ bậc 3/5 do tổng cục GDNN cấp. ***(3.3.02.*** *Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...)*. Căn cứ vào số lượng người học, các lớp học đảm bảo lý thuyết không quá 35 người học/ lớp; thực hành không quá 20 người học/ lớp. Từ đó Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh phân công giờ giảng cho từng nhà giáo. Phòng Đào tạo có kế hoạch kiểm tra hồ sơ sư phạm, nề nếp dạy và học hằng tuần, tháng, học kỳ, năm học Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh và các giáo viên tham gia giảng dạy. **(*4.5.02.*** *Bảng phân công giờ giảng của từng nhà giáo theo học kỳ; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun)*. Thẩm định chương trình đào tạo: Trường đã thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Năm 2019: Thành lập 04 Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (Quyết định số: 74ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/3/2019 v/v thành lập Hội đồng

thẩm định chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp cho các ngành nghề). Số lẻ (7 hoặc 9 thành viên); Thành phần của Hội đồng có các Trưởng, Phó phòng, Khoa, nhà giáo và đại diện Doanh nghiệp. ***(1.1.12.** Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm).* Tất cả các chương trình môn học/mô đun thuộc chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng của trường được xây dựng theo qui định, trong đó mỗi mô đun, môn học đều thể hiện được những yêu về phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng; yêu cầu về trang thiết bị máy móc; học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu. Đối với giảng viên đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề.***(1.1.13.** Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo; **1.1.14.** Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo; **1.1.15.** Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp (có chương trình đào tạo kèm theo).* Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát đối với nhà giáo, HSSV về chương trình đào tạo, giáo trình trong đó có nghề Điện Công nghiệp. *(**4.5.03.** Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của các chương trình đào tạo được Nhà trường quy định trong Quy chế tổ chức đào tạo (Căn cứ vào Thông tư 09/2017 của Bộ Lao động Thương Binh Xã hội về Ban hành quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp). ***(2.5.01.** Quyết định ban hành Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy MH/MĐ, tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức số 161/QĐ-CĐCNVĐ ngày 01/7/2018; kèm theo quy*

định). Căn cứ vào Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH "Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng"; Điều 10. Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo và Điều 11. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. ***(1.1.15. .*** *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp ((có chương trình đào tạo kèm theo)*. Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát đối với nhà giáo, HSSV về chương trình đào tạo, giáo trình trong đó có nghề Điện Công nghiệp. ***(4.5.08.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Để đáp ứng thị trường lao động trên địa bàn Thái Nguyên và cả nước, Trường xác định Chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển về công nghiệp của địa phương và đất nước. Vì vậy, khi xây dựng chương trình đào tạo nghề cao đẳng Điện Công nghiệp Trường đã mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành Điện Công nghiệp và khu vực lân cận, các nhà giáo có thâm niên giảng dạy trong ngành Điện Công nghiệp tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn và thẩm định chương trình nghề Điện Công nghiệp. ***(1.1.07.*** *Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm).* Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình có 14 thành viên, trong đó có 8/14 thành viên là các nhà giáo đang giảng dạy ở trình độ đào tạo và nghề tương ứng. ***(1.1.08.*** *Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm)*. Khi xây dựng hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo, trường thành lập các tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo trong đó có nghề cao đẳng Điện Công

nghiệp. Tiểu ban xây dựng chương trình cao đẳng Điện Công nghiệp gồm 7 thành viên. Các thành viên có năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu quy định. ***(1.1.09.** Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm).* Tiểu ban xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo nghề cao đẳng Điện Công nghiệp tổ chức thực hiện xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo, sau đó phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức các buổi hội thảo xây dựng chương trình. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo nhà trường đã mời Ông Vũ Văn Định Giám đốc công ty TNHH Sản xuất thiết bị điện Việt Hàn tham gia góp ý vào chương trình đào tạo, sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành gúp cho trường điều chỉnh chương trình theo sát với thực tế. Các hội đồng họp đều có các biên bản kèm theo. *(**1.1.10.** Biên bản Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp; **1.1.11.** Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp; **1.1.12.** Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;**1.1.13.** Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp; **1.1.14.** Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp; **1.1.15**. Quyết định ban hành các chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp (có chương trình đào tạo kèm theo).* Hàng năm, trường đã thực hiện lấy ý kiến của giảng viên, Cán bộ quản lý và các đơn vị sử dụng lao động về chương trình phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. ***(4.7.10.** Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Chương trình đào tạo Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng của trường có cấu trúc theo các nhóm kiến thức: Kiến thức cơ bản,

kiến thức cơ sở ngành, kiến thức cơ sở nghề và kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Vì thế, việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ khác trong hệ thống giáo dục quốc dân là khá thuận lợi. ***(4.8.01.** Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông nghề Điện Công nghiệp (có chương trình đào tạo kèm).* Căn Cứ vào chương trình đào tạo, Trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình. Căn cứ Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019 được phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn có tổng số có 737 giáo trình được lựa chọn: trong đó có 06 giáo trình môn chung (Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVĐ ngày 20/8/2019). ***(4.8. 03.** Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn; **2.7.02.** Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông; **4.8.04.** Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã đăng ký hoạt động GDNN cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 ngành/nghề thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 nghề hệ sơ cấp được BLĐTBXH phê duyệt ***(3.3.01.** Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019).* Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. ***(1.1.15.** Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp (có chương trình đào tạo kèm theo)).* Các môn học, mô đun của nghề Điện Công nghiệp đều có giáo trình và được trường tổ chức biên soạn và làm tài liệu giảng dạy đảm bảo đáp ứng theo danh mục các môn học, mô đun của từng chương trình đào tạo. Trong nhiều năm trở lại đây, tất cả các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở và chuyên môn nghề của các chương trình đào tạo đã được ban hành trước đó hoặc mới được cấp phép đào tạo đều có giáo trình, tài liệu giảng dạy do các nhà giáo dạy chuyên môn biên soạn.

Căn cứ vào ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn; Năm 2017: QĐ số 206ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 15/8/2017 (737 giáo trình); Năm 2019: Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVĐ ngày 20/8/2019 (06 giáo trình môn chung). ***(4.9.01.** Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;* ***4.9.02.** Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề).*

Bảng kê giáo trình tương ứng với số MĐ/MH cho chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp như sau:

TT	Tên chương trình ĐT	Số lượng Môn học/ Mô đun		Số lượng Giáo trình CĐ	Ghi chú
		CĐ	TC		
	Điện công nghiệp	35	27	35	Đủ 5 bản/ 1 môn học, mô đun

Căn cứ vào các Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp, Quyết định v/v phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn 3 năm gần đây. Trường xây dựng chương trình Cao đẳng trước, sau đó lựa chọn các môn học, mô đun phù hợp với yêu cầu về chuẩn đầu ra của trình độ Trung cấp để xây dựng chương trình Trung cấp. Vì vậy giáo trình dành cho Trung cấp được dùng chung với giáo trình của Cao đẳng. ***(4.9.03.** Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun).* Trường có đủ giáo trình cho các môn học, mô đun của chương trình đào tạo Cao đẳng Điện Công nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 10: *100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ vào ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn; Năm 2017:

QĐ số 206ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 15/8/2017 (737 giáo trình); Năm 2019: Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVĐ ngày 20/8/2019 (06 giáo trình môn chung). ***(4.9.02.*** *Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề)*; Trường có các chương trình đào tạo được ban hành lần đầu năm 2017 và 2018 ***(4.10.01.*** *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp lần trước khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo)*.

Năm 2019, Trường đã cập nhật và chỉnh lý chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp. Chương trình đào tạo được tham khảo và những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến đã được cập nhật trong chương trình năm 2019. Ví dụ một số chương trình được đưa vào nghề Điện công nghiệp.

TT	Tên chương trình ĐT	Trước khi chỉnh sửa	Sau khi chỉnh sửa
	Điện công nghiệp	MĐ. 30 Kỹ thuật lắp đặt điện	MĐ 26. Kỹ thuật lắp đặt điện đã bổ sung thêm bài 4: Lắp đặt hệ thống điện thông minh
		MĐ 17. Máy điện 1; MĐ 24. Máy điện 2	Bổ sung thêm MĐ 32. Máy điện 3. Nội dung đã cập nhật nội dung về Động cơ Servo (bài 1) và Động cơ bước (bài 2)

Khi chương trình có sự thay đổi, Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đã có báo cáo về chương trình và giáo trình. ***(4.10.02.*** *Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung giáo trình).* Ví dụ một số ngành/nghề có nội dung thay đổi của chương trình và giáo trình:

TT	Nghề	Môn học/mô đun	Nội dung thay đổi chương trình	Nội dung thay đổi của giáo trình
	Điên Công	MĐ 26. Kỹ thuật lắp đặt điện	Đã bổ sung thêm bài 4: Lắp đặt hệ thống điện thông minh	Tài liệu tham khảo trên mạng Internet

	nghiệp	Bổ sung thêm MĐ 32. Máy điện 3	Đã cập nhật nội dung về Động cơ Servo (bài 1) và Động cơ bước (bài 2)	Tài liệu tham khảo trên mạng Internet

Hàng năm khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đăng ký lựa chọn giáo trình, gửi danh sách cho phòng Đào tạo để phòng Đào tạo tổ chức xét duyệt danh sách, có Biên bản đề xuất lựa chọn và thẩm định giáo trình. Năm 2017 (Có 23 biên bản lựa chọn cho các giáo trình chuyên môn + 1 biên bản lựa chọn giáo trình cho môn chung); Năm 2019 (Có 1 Biên bản để lựa chọn cho 06 môn học chung). ***(4.10.03.*** *Biên bản họp của Hội đồng thẩm định về giáo trình).* Căn cứ vào ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn; Hệ thống Giáo trình trong Chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng của trường được sử dụng từ nguồn: Trường lựa chọn các giáo trình của TCGDNN (đa phần), Nhà xuất bản,. . Đối với loại này, việc lựa chọn giáo trình được thực hiện theo quy trình: Khoa nghiên cứu đề xuất danh mục giáo trình lựa chọn, Trường tổ chức thẩm định giáo trình, ban hành Quyết định sử dụng giáo trình lựa chọn.. ***(4.9.01.*** *Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;* ***4.9.03.*** *Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun))*. 100% Giáo trình nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng của trường được biên soạn căn cứ vào chương trình mô đun, môn học đã được công bố trong chương trình đào tạo vì vậy giáo trình cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo của nghề. Các mô đun chuyên môn nghề của chương trình đào tạo Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng được mô phỏng bằng các mô hình, các thiết bị, phần mềm mô phỏng, các quy trình, các sơ đồ... trong giáo trình giúp cho giảng viên và HSSV có thể tương tác, kết nối trong dạy và học. Giáo trình được thực hiện triển khai theo phương pháp tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp cho sinh viên dễ nắm bắt, thực hiện đúng quy trình và nhớ được quy trình thực hiện các thao tác chuyên môn nghiệp. Chương trình đào tạo của trường thường xuyên được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh

theo quy định để đáp ứng nhu cầu đào tạo. Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thông qua các cuộc khảo sát, lấy ý kiến đánh giá, nhận xét của chuyên gia từ các doanh nghiệp, cán bộ, nhà giáo và người học của trường làm cơ sở để thực hiện điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp. ***(4.10.04.*** *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệ lần sau khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo))*. Hàng năm, Trường đã thực hiện khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình đối với HSSV và giảng viên. ***(4.10.05.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo))*.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã đăng ký hoạt động GDNN cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 ngành/nghề thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 nghề hệ sơ cấp được BLĐTBXH phê duyệt ***(3.3.01.*** *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019)*. Khi biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, Trường căn cứ vào chương trình đào tạo của nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng. Nội dung của giáo trình đảm bảo theo đúng chương trình mô đun, môn học đã được ban hành trong chương trình đào tạo ***(1.1.15.*** *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp (có chương trình đào tạo kèm theo);* ***4.11.03****. Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học nghề Điện Công nghiệp)*. Hàng năm khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đăng ký lựa chọn giáo trình, gửi danh sách cho phòng Đào tạo để phòng Đào tạo tổ chức xét duyệt danh sách, có biên bản đề xuất lựa chọn và thẩm định giáo trình. ***(4.10.03.*** *Biên bản họp của Hội đồng thẩm định về giáo trình);* Căn cứ vào ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn; Năm 2017: QĐ số 206[a]/QĐ-CĐCNVĐ ngày 15/8/2017 (737 giáo trình); Năm 2019: Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVĐ ngày 20/8/2019 (06 giáo trình môn chung). ***(4.9.01.*** *Quyết định phê*

duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn). Các giáo trình của nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng cho thấy giáo trình đã thể hiện rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của bài, từng chương *(về Kiến thức, Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm)* phù hợp với mục tiêu trong chương trình môn học, mô đun đã xác định trong chương trình đào tạo để đạt được chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo (***4.9.02.*** *Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học- mô đun theo ngành/nghề;* ***4.9.03.*** *Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển / môn học/ mô đun);* Giáo trình nghề Điện Công nghệp trình độ cao đẳng của trường được biên soạn căn cứ vào chương trình môn học, mô đun đã được công bố trong chương trình đào tạo, cho thấy giáo trình cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo của nghề. Các mô đun chuyên môn nghề của chương trình đào tạo nghề Điện Công nghệp trình độ cao đẳng được mô phỏng bằng các mô hình, các thiết bị, phần mềm mô phỏng, các quy trình, các sơ đồ... trong giáo trình giúp cho giảng viên và sinh viên có thể tương tác, kết nối trong dạy và học. Giáo trình được thực hiện triển khai theo phương pháp tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp cho sinh viên dễ nắm bắt, thực hiện đúng quy trình và nhớ được quy trình thực hiện các thao tác chuyên môn nghiệp vụ, giảng viên dễ áp dụng phương pháp dạy tích hợp, phương pháp dạy học tích cực. ***(4.11.02.*** *Giáo án thể hiện phương pháp dạy học tích cực).* Hàng năm, Nhà trường triển khai kế hoạch đến các đơn vị trong toàn trường đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học, các đề tài phần lớn tập trung vào nghiên cứu quản lý đào tạo; biên soạn giáo trình tài liệu; Ứng dụng kiến thức khoa học, công nghệ trong quản lý, đổi mới phương pháp dạy học nâng cao chất lượng đào tạo; Công tác quản lý người học... Hầu hết các đề tài của cán bộ, nhà giáo đã được ứng dụng vào công giáo dục, quản lý, nâng cao chất lượng giảng dạy...; ***(4.11.03.*** *Hồ sơ nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm).* Đội ngũ viên chức, người lao động; gọi tắt là viên chức lao động (VCLĐ) của Khoa đều hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao. Căn cứ vào mức độ và khối lượng hoàn thành công tác phục vụ và theo báo cáo tổng kết năm học của đơn vị cho thấy đội ngũ VCLĐ của Khoa có năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc

được giao. ***(4.11.04.** Danh sách trích ngang viên chức, lao động của Trường (Họ và tên, trình độ đào tạo, thời gian công tác, vị trí công tác ...).* Hàng năm, Trường đã thực hiện khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình đối với HSSV và giảng viên. ***(4.11.05.** Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Khi chương trình có sự thay đổi, Khoa Điện-Điện tử- Điện lạnh đã có báo cáo về chương trình và giáo trình. ***(4.10.02.** Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung giáo trình).* Các giáo trình của nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng cho thấy giáo trình đã thể hiện rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của bài, từng chương *(về Kiến thức, Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm)* phù hợp với mục tiêu trong chương trình mô đun, môn học đã xác định trong chương trình đào tạo để đạt được chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo. (***4.9.02.** Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học - mô đun theo ngành/nghề).* Giáo trình của nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng cho thấy nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cập nhật được công nghệ mới vào giáo trình thể hiện rõ ở mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của bài, từng chương phù hợp với mục tiêu trong chương trình mô đun, môn học đã xác định trong chương trình đào tạo, đảm bảo chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo. **(4.10.04.** *Biên bản họp của Hội đồng thẩm định về giáo trình).* Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình. Căn cứ Hội đồng thẩm định giáo trình Năm 2017: QĐ số 206ª/QĐ-CĐ-CNVĐ ngày 15/8/2017 Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn (737 giáo trình); Năm 2019: Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVĐ ngày 20/8/2019 (06 giáo trình môn chung). ***(4.9.01.** Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn; **4.9.03.** Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun).* Hàng năm, Trường đã thực

hiện khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình đối với HSSV và giảng viên. ***(4.12.01**. Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 2 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Mở đầu: Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh được Nhà trường và các cấp có thẩm quyền quan tâm hỗ trợ, bổ sung và đầu tư nhiều trang bị mới.

Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp của trường hiện nay như sau:

- Phòng học lý thuyết: Trường có khu nhà 7 tầng gồm các phòng học phục vụ chung cho đào tạo lý thuyết; khoa Điện có 10 phòng học lý thuyết chuyên môn, các lớp của nghề Điện công nghiệp và điện tử công nghiệp được bố trí học tại khu nhà 7 tầng và 10 phòng trên theo phân lớp của thời khóa biểu, các phòng học có diện tích từ 50m^2 đến 75m^2 phù hợp với số sinh viên các lớp nghề Điện công nghiệp các khóa đang đào tạo tại trường.

- Phòng học thực hành:

+ Phòng thực hành trang bị điện: Gồm 3 phòng, mỗi phòng có diện tích 50m^2; Có đầy đủ trang thiết bị dạy, học thực hành về mạch điện máy công nghiệp, tủ điều khiển..

+ Phòng thực hành máy điện: Diện tích 50m^2, được trang bị động cơ điện, máy phát điện, máy biến áp các loại và dụng cụ nghề điện phục vụ cho sinh viên thực hành sửa chữa, bảo dưỡng máy điện..

+ Phòng thí nghiệm máy điện: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện lạnh: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện dân dụng: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện tử công suất: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện tử gồm 2 phòng, mỗi phòng có diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành PLC: Diện tích 50m^2

+ Phòng thí nghiệm tự động hóa: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành thực tập cơ điện tử: Diện tích 75m^2

Những điểm mạnh:

Nhà trường thường xuyên đầu tư, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ dạy học hiện đại, tiên tiến, phục vụ cho học tập lý thuyết, thực hành đầy đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng. Các thiết bị và dụng cụ thực hành được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, theo đúng quy trình, quy định và được sắp xếp, bố trí một cách khoa học. Công tác quản lý các thiết bị dạy nghề được thực hiện theo đúng qui định, xưởng thực hành đều có quản lý xưởng theo dõi, quản lý trang thiết bị, vật dụng vật tư thực hành.

Khuôn viên cao ráo thoáng mát, khu thực hành rộng rãi, môi trường xanh, sạch đẹp, thoáng mát có nhiều diện tích cây xanh, nhà xưởng đảm bảo tiêu chuẩn của trường cao đẳng và đảm bảo sức khoẻ cho cán bộ, nhà giáo và người học.

Những tồn tại:

Thiết bị đào tạo của nghề Điện Công nghiệp chưa đảm bảo về chủng loại và số lượng so với quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

Diện tích thư viện còn nhỏ, chưa đáp ứng và tương xứng với quy mô đào tạo của trường.

Thư viện điện tử chưa đáp ứng nhu cầu tra cứu của bạn đọc, số lượng máy tính còn ít

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Nhà trường cần quan tâm đầu tư trang thiết bị đồng bộ tiến tới đạt tiêu chuẩn về chủng loại và số lượng so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định và khai thác hiệu quả tính năng của hệ thống trang thiết bị đào tạo;

Nhà trường quan tâm đầu tư thư viện đạt chuẩn theo quy định hiện hành nhằm tạo điều kiện cho giáo viên và người học có cơ hội nghiên cứu, trang bị bổ sung thêm thông tin kiến thức cần thiết.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	**16 điểm**	**14 điểm**
Tiêu chuẩn 1	*2 điểm*	*2 điểm*

Tiêu chuẩn 2	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 3	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 4	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 5	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 6	*2 điểm*	*0 điểm*
Tiêu chuẩn 7	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 8	*2 điểm*	*2 điểm*

Tiêu chuẩn 5.1: *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh được giao quản lý toàn bộ tầng 4 tòa nhà công nghệ cao gồm:

- 02 phòng dùng làm văn phòng khoa và phòng làm việc của giảng viên có kich thước 50m^2 được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính làm việc, tủ đựng đồ và tài liệu giảng dạy, học tập;
- 05 phòng học lý thuyết có diện tích 50m^2 dùng để giảng dạy các môn lý thuyết cơ sở, các môn lý thuyết chung và phần lý thuyết chuyên môn khi cần. Các phòng đều được trang bị đầy đủ bảng chống lóa, máy chiếu và phông chiếu, xung quanh là cửa kính chiếu sáng tự nhiên và đèn huỳnh quang khi không đủ độ sáng, có rèm che khi sử dụng máy chiếu, mỗi phòng có 03 quạt trần, 20 đến 30 bộ bàn ghế HSSV;

- Phòng học thực hành:

+ Phòng thực hành trang bị điện: Gồm 3 phòng, mỗi phòng có diện tích 50m^2; Có đầy đủ trang thiết bị dạy, học thực hành về mạch điện máy công nghiệp, tủ điều khiển..

+ Phòng thực hành máy điện: Diện tích 50m^2, được trang bị động cơ điện, máy phát điện, máy biến áp các loại và dụng cụ nghề điện phục vụ cho sinh viên thực hành sửa chữa, bảo dưỡng máy điện..

+ Phòng thí nghiệm máy điện: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện lạnh: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện dân dụng: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện tử công suất: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành điện tử gồm 2 phòng, mỗi phòng có diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành PLC: Diện tích 50m^2

+ Phòng thí nghiệm tự động hóa: Diện tích 50m^2

+ Phòng thực hành thực tập cơ điện tử: Diện tích 75m^2

Hai dãy phòng thực hành nằm đối xứng nhau, ở giữa là hành lang chung rộng 3m. Tất cả các phòng đều có 02 cửa mở ra phía hành lang, chiều cao mỗi tầng 3.5 m đúng theo tiêu chuẩn xây dựng ***(5.1.01.** Biên bản bàn giao, biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng (nhà công nghệ cao, nhà thư viện…; **(5.1.02.** Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp).*

Trường có 109 phòng lý thuyết/giảng đường/hội trường với tổng diện tích sàn là 12.075m2. Có 84 xưởng/phòng /sân học thực hành với tổng diện tích là 20.153m2 (trong đó 01 sân tập lái ô tô rộng 11.945m2; tổng diện tích các phòng/xưởng học thực hành đào tạo Trung cấp, Cao đẳng là 7.619m2). ***(5.1.03.** Bảng thống kê số lượng phòng học lý thuyết/ phòng học thực hành/xưởng/mô phỏng toàn Trường).*

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được thiết kế thông thoáng, có sự liên kết với nhau để tạo thuận tiện cho các hoạt động chuyên môn; thuận tiện cho việc bố trí, lắp đặt, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị; bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo, không ảnh hưởng xấu đến tính năng, công nghệ cũng như tuổi thọ của thiết bị.

Tại tất cả các phòng học lý thuyết, phòng học/xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa... đều được bố trí trang thiết bị phù hợp với mục đích dử dụng và yêu cầu của công tác dạy và học. Ngoài các trang thiết bị truyền thống, trường đầu

tư nhiều phòng thực hành ảo để giáo viên và người học có thể đấu nối, lắp ráp, vận hành chạy mô phỏng trên máy tính trước khi tiếp cận thực tế. Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất... ***(5.1.04.*** *Sơ đồ mặt bằng bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa; Phòng thí nghiệm;* ***5.1.05.*** *Danh ục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề).* Phòng học thực hành của HSSV hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng:

+ Phòng thực hành trang bị điện: Gồm 3 phòng, mỗi phòng có diện tích 50m^2; Có đầy đủ trang thiết bị dạy, học thực hành về mạch điện máy công nghiệp, tủ điều khiển..

+ Phòng thực hành máy điện: Diện tích 50m^2, được trang bị động cơ điện, máy phát điện, máy biến áp các loại và dụng cụ nghề điện phục vụ cho sinh viên thực hành sửa chữa, bảo dưỡng máy điện..

+ Phòng thí nghiệm máy điện: Diện tích 50m^2

(5.1.06. *Ảnh chụp bố trí mặt bằng xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa)*

Phòng học thực hành sử dụng chủ yếu là đường điện sinh hoạt, điện 3 pha ***(5.1.07.*** *Ảnh chụp vị trí lắp đặt phía trong tủ điện).* Hệ thống cấp nước sinh hoạt cũng như xử lý nước thải được thiết kế khoa học, hiện đại, hợp lý, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại, hệ thống thoát nước hoạt động tốt, ổn định và không xảy ra tình trạng ngập úng vào mùa mưa. ***(5.1.08.*** *Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý rác thải của trường).* Nhà trường có 2 trạm biến áp lấy từ nguồn điện của Chi nhánh điện Thành phố Sông công. Trạm thứ nhất để phục vụ nhu cầu hoạt động đào tạo, sản xuất là 320(KVA), trạm thứ 2 cấp cho hệ thống khu ký túc xá sinh hoạt của người học nhà trường là 180(KVA). Trong đó hệ thống đã lắp đặt thiết bị ngắt điện bảo vệ tự động và thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại các công trình khi có sự cố xảy ra ***(5.1.09.*** *Hồ sơ thiết kế, lắp dựng, hoàn công công trình trạm biến thế của trường).* Đối với rác thải chất rắn, trường có đội ngũ nhân viên phục vụ, dọn dẹp vệ sinh, các đoàn thể trong trường luôn phát động và duy trì đến CB, VCLĐ và HS-SV hoạt động bảo vệ môi trường, đồng thời Trường ký Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường đô thị Sông Công để thu gom vận chuyển rác thải ***(5.4.10.*** *Hợp*

đồng thu gom rác thải). Trường ký hợp đồng với Điện lực Thành phố Sông Công thuộc Công ty điện lực thành phố Thái Nguyên để vận hành, quản lý đường dây và trạm trong suốt quá trình sử dụng. ***(5.1.11.** Hợp đồng thuê quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp).* Công tác PCCC được nhà trường rất quan tâm đầu tư cả nhân lực và vật lực, Trường đã tiến hành mua sắm các thiết bị PCCC và xây dựng các phương án cứu nạn cứu hộ, ban hành quy định về PCCC và thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy, định kỳ tập huấn công tác PCCC cho các thành viên ***(5.1.12.** Hợp đồng cung cấp lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy).* Hàng năm, phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh Thái nguyên thực hiện kiểm tra định kỳ công tác PCCC của nhà trường. ***(5.1.13.** Biên bản nghiệm thu các công trình: hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải; hệ thống phòng cháy chữa cháy).* Trường có hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải riêng được xây dưng theo dự án "Xây dựng hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức" năm 2014. Dự án đã hoàn thành và được nghiệm thu. Nguồn nước sinh hoạt của trường định kỳ được trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên kiểm nghiệm và kết luận đảm bảo các tiêu chuẩn quy định. ***(5.1.14.** Phiếu kiểm nghiệm nguồn nước sinh hoạt tại đầu vòi)* Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. ***(1.2.06.** Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).* Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo của trường. ***(5.1.16.** Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo hàng năm đối với nhà giáo và cán bộ quản lý).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: *Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phù hợp với ngành nghề đào tạo, trang thiết bị đào tạo của Trường đều có hồ sơ quản lý rõ ràng. Tất cả các phòng học lý thuyết, phòng học/xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa... đều được bố trí trang thiết bị phù hợp với mục đích sử dụng và yêu cầu của công tác dạy và học. Các thiết bị dùng cho nghề Điện Công nghiệp như Động cơ 3 pha; Khí cụ điện; PLC S7-200; PLC S7-300; Thiết bị lạnh; Thiết bị điện gia dụng...Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất... ***(5.1.05.*** *Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;* ***5.2.02.*** *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định).* Các trang thiết bị của trường có hồ sơ xuất xứ, năm và nước sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ, thiết bị được lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng, theo đúng các hợp đồng mua sắm thiết bị của các nghề. Thiết bị được bàn giao cho từng đơn vị, có sổ theo dõi riêng, được các đơn vị sử dụng đúng công năng của các thiết bị được tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng. Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. ***(5.2.03.*** *Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị).* Các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành... được giao cho từng giáo viên quản lý, phục vụ giảng dạy hàng ngày theo kế hoạch đào tạo. Trong quá trình sử dụng giáo viên được phân công giảng dạy và giáo viên được phân công trực phải thực hiện công tác bàn giao, ghi chép nhật ký bàn giao đầy đủ theo quy định. ***(5.2.04.*** *Sổ bàn giao tình trạng thiết bị).* Thiết bị đào tạo của trường đủ để thực hiện chương trình đào tạo và đáp ứng điều kiện để người học thực hành đạt các chuẩn đề ra trong mỗi môn học, mô đun cũng như tiêu chuẩn kỹ năng nghề của từng chương trình đào tạo. ***(5.2.05.*** *Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm).* Các đơn vị đào tạo hàng năm đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt. ***2.2.02.*** *Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc*

thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun; ***5.2.07.*** *Biên bản thanh tra, kiểm tra về thiết bị đạo tạo).* Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng thiết bị đào tạo hàng năm. ***(5.2.08.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng thiết bị đào tạo hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo)).* Trường đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: *Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Danh mục thiết bị tối thiểu quy định tại Thông tư số 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2019 quy định cho 01 lớp lý thuyết 35 HSSV và thực hành 18 HSSV. Tuy nhiên tại thời điểm đánh giá chất lượng chương trình chỉ có mỗi năm 01 lớp. Cụ thể, năm hai đang có 5 HSSV, năm thứ nhất có 07 HSSV. Tức là số HSSV một lớp đang học chỉ bằng 50%, thậm trí 25% so với lưu lượng HSSV quy định trong thông tư 27. Vì vậy nghề Điện Công nghiệp có đủ thiết bị đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phù hợp với ngành nghề đào tạo, trang thiết bị đào tạo của Trường đều có hồ sơ quản lý rõ ràng. Tất cả các phòng học lý thuyết, phòng học/xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa... đều được bố trí trang thiết bị phù hợp với mục đích sử dụng và yêu cầu của công tác dạy và học. Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất... ***(5.1.05.*** *Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;* ***5.2.01.*** *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định).* Các trang thiết bị của trường có hồ sơ xuất xứ, năm và nước sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ, thiết bị được lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng, theo đúng các hợp đồng mua sắm thiết bị của các nghề. Thiết bị được bàn giao cho từng đơn vị, có sổ theo dõi riêng, được các đơn vị sử dụng đúng công năng của các thiết bị được tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng. Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị.

***(5.2.02.** Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị).* Theo đó, các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành... được giao cho từng giáo viên quản lý, phục vụ giảng dạy hàng ngày theo kế hoạch đào tạo. Trong quá trình sử dụng giáo viên được phân công giảng dạy và giáo viên được phân công trực phải thực hiện công tác bàn giao, ghi chép nhật ký bàn giao đầy đủ theo quy định. ***(5.2.03.** Sổ bàn giao tình trạng thiết bị).* Thiết bị đào tạo của trường đủ để thực hiện chương trình đào tạo và đáp ứng điều kiện để người học thực hành đạt các chuẩn đề ra trong mỗi môn học, mô đun cũng như tiêu chuẩn kỹ năng nghề của từng chương trình đào tạo. ***(5.2.04.** Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm).* Các đơn vị đào tạo hàng năm đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt. ***(2.2.02.** Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun; **5.2.07.** Biên bản thanh tra, kiểm tra về thiết bị đạo tạo).* Sau khi ổn định việc nhập học phòng Đào tạo tổng hợp danh sách HSSV theo lớp theo khóa học được Hiệu trưởng phê duyệt gửi về các đơn vị đào tạo trong toàn trường. ***(5.3.01.** Danh sách học sinh - sinh viên theo lớp học, khóa học).* Các đơn vị đào tạo hàng năm đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt. ***(5.3.02.** Biên bản thanh tra, kiểm tra về thiết bị đạo tạo).* Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng thiết bị đào tạo hàng năm. ***(5.3.03.** Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng thiết bị đào tạo hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

5.4.01. *Sơ đồ bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa; Phòng thí nghiệm).* Các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành... được giao cho từng giáo viên quản lý, phục vụ giảng dạy hàng ngày theo kế hoạch đào tạo. Trong quá trình sử dụng giáo viên được phân công giảng dạy và giáo viên được phân công trực phải thực hiện công tác bàn giao, ghi chép nhật ký bàn giao đầy đủ theo quy định. ***(5.2.03.*** *Sổ bàn giao tình trạng thiết bị).* Các trang thiết bị của trường có hồ sơ xuất xứ, năm và nước sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ, thiết bị được lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng, theo đúng các hợp đồng mua sắm thiết bị của các nghề. Thiết bị được bàn giao cho từng đơn vị, có sổ theo dõi riêng, được các đơn vị sử dụng đúng công năng của các thiết bị được tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng. Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. ***5.1.05.*** *Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị).* Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất...; ***(5.1.05.*** *Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề).* Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được sử dụng hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động, được bảo dưỡng và vận hành theo đúng quy trình, đúng chức năng và công suất thiết kế. Các thiết bị đào tạo nghề Điện Công nghiệp không có bất cứ một thiết bị nào thuộc danh mục thiết bị, dụng cụ có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Tất cả các phòng/xưởng thực hành, thực tập đều có nội quy sử dụng, nội quy phòng chống cháy nổ, góc đặt các thiết bị chữa cháy như: bình bọt, bình khí, hộp chứa ống nước mềm dùng trong chữa cháy. Công tác phòng chống cháy nổ hàng năm của cơ quan chức năng cũng xác nhận Nhà trường đảm bảo an toàn về cháy nổ ***(5.4.02.*** *Biên bản kiểm tra; Báo cáo về phòng chống cháy nổ công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm).* Các thiết bị tại các phòng/xưởng thực hành được bố trí đảm bảo tính hợp lý, khoa học, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. ***(5.4.03.*** *Quy chế an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong sử dụng thiết bị).* Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi

lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường…; ***(5.4.04.*** *Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý).* Các thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ, đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và học tập không bị gián đoạn, đồng thời, hàng năm trường tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ dạy học. ***(5.4.05.*** *Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm).* Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. ***(5.4.06.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: *Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã xây dựng định mức tiêu hao vật tư thực hành cho các nghề có sử dụng vật tư thực hành và xây dựng định mức vật tư thực hành cho từng nghề cụ thể. Căn cứ Thông tư số 14 ngày 25/5/2017 của Bộ LĐTBXH, trường đã xây dựng bộ định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo cho 16 ngành/nghề trong đó có (nghề Điện Công nghiệp) trên tổng số 23 nghề trình độ cao đẳng và trung cấp có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, có 07 nghề (Bảo trì thiết bị cơ điện, Nguội lắp ráp cơ khí, Tin học ứng dụng, Kế toán, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô, và Tài chính - Ngân hàng) là do không tuyển sinh được nên trường không xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật. Để đảm bảo vật tư thực hành được quản lý, sử dụng đúng quy định và phù hợp với từng môn học, mô đun. Sau khi Thông tư 08 ngày 14/8/2018 có hiệu lực, trường đã tổ chức, xây dựng, thẩm định và ban hành lại định mức tiêu hao vật tư

trong đào tạo cho nghề Điện công nghiệp (theo thông tư 08 chỉ nghề Điện Công nghiệp trùng với nghề đào tạo của trường. ***(5.5.01.*** *Hồ sơ định mức kinh tế - kỹ thuật theo từng nghề).* Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khoá học Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, các hình thức và phương thức đào tạo. ***(5.5.02.*** *Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học).* Việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị, vật tư được trường tổ chức quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch thể hiện qua hệ thống sổ sách theo dõi. Vật tư khi mua về sẽ làm thủ tục nhập kho và viết vào phiếu nhập kho có đầy đủ các bên tham gia ký xác nhận (người lập phiếu, người giao hàng, thủ kho…). Khi các bộ phận có nhu cầu sử dụng thiết bị lập phiếu yêu cầu được phê duyệt sẽ làm thủ tục xuất kho. ***(5.5.03.*** *Quy trình xuất, nhập vật tư, hàng hóa tại kho vật tư nhà trường).* Nhà trường có 02 kho sử dụng để lưu trữ vật tư, dụng cụ hàng hóa cho toàn trường với tổng diện tích là trên 400m$^{2.}$ ***(5.5.04.*** *Sơ đồ mặt bằng kho vật tư, kho bán thành phẩm, kho dụng cụ).* Có quy định sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; các kế hoạch liên quan đến vật tư... ***(5.5.05.*** *Sổ dự trù vật tư, dụng cụ;* ***5.5.06.*** *Sổ cấp phát vật tư, dụng cụ;* ***5.5.07.*** *Kế hoạch dự trù vật tư, dụng cụ theo quý của các đơn vị;* ***5.5.08.*** *Bảng quyết toán vật tư, dụng cụ phục vụ đào tạo hàng tháng).* Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát về việc bảo quản, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo. *(5.5.09. Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về bảo quản, sử dụng vật tư hàng năm (đối với Cán bộ quản lý, nhà giáo, người học).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: *Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có thư viện bao gồm kho sách, phòng đọc truyền thống và thư viện điện tử, cụ thể như sau:

Tổng diện tích thư viện là 387m^2, trong đó diện tích phòng kho 192m^2, diện tích phòng đọc truyền thống 165m^2 và diện tích thư viện điện tử rộng 30m^2. Thư viện của trường có 2.515 đầu sách, hàng năm đều được bổ sung thêm những đầu sách, giáo trình, tài liệu, sách chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhà giáo và người học. Ngoài các đầu sách chuyên môn, sách tham khảo, giáo trình các khoa; có cơ sở dữ liệu điện tử và phần mềm quản lý thư viện để tạo điều kiện thuận tiện cho việc tra cứu tài liệu. Hàng năm nhà trường có tiến hành chỉnh sửa, biên soạn, lựa chọn lại giáo trình cho phù hợp nhu cầu tra cứu, tham khảo của bạn đọc. Tất cả các tài liệu, giáo trình do trường đầu tư mua sắm đều phù hợp với chuyên môn các nghề trường được phép tổ chức đào tạo. Trường có nhân viên chuyên trách công tác thư viện, thư viện được mở cửa 8 giờ trong ngày và được mở 5 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6; ***(5.6.01****. Nội quy thư viện;* ***5.6.03.*** *Lịch làm việc của thư viện;* ***5.6.04****. Bản vẽ diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ thư viện).* Nghề Điện công nghiệp có đủ số lượng giáo tình theo quy định (mỗi giáo trình có tối thiểu 5 bản in). Số lượng các bộ giáo trình/Tổng số môn học, mô đun: 36/36 môn học, mô đun. 03 mô đun/môn học không có giáo trình là: Môn học MH07 Giáo dục Quốc phòng – An ninh là môn theo quy định trường không được phép giảng dạy và cũng không tổ chức giảng dạy tại trường; Mô đun 32 và mô đun 33 Thực tập nghề nghiệp 1 và 2 trường chỉ ban hành hướng dẫn và đề cương vì không tổ chức triển khai tại trường, 36 tài liệu, mỗi tài liệu 05 bản in, tổng cộng có 180 quyển giáo trình nghề Điện Công nghiệp trình độ cao đẳng được lưu giữ tại kho sách của thư viện, 18 nghề còn lại có một số nghề không có đủ giáo trình mô đun/môn học (trong đó có một số ngành/nghề nhiều năm không tuyển sinh được). Theo bảng thống kê diện tích các khu vực của thư viện thì khu vực dành cho bạn đọc của thư viện truyền thống có diện tích 165m^2. Theo thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018, thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực GDNN. (Phụ lục 03- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng trong thư viện), quy chuẩn xây dựng thư viện đối với trường Cao đẳng thì phòng đọc phải đáp ứng tối thiểu 15% HSSV và 25% cán bộ giáo viên; tiêu chuẩn diện tích cho mỗi HSSV là 2m2 và CBGV tối đa là 2,4 m2; tối thiểu là 2m2. Vậy phòng đọc của thư viện truyền thống chỉ mới đáp

ứng cho 165/2 = 82,5 HSSV, cộng với 10 máy tính của thư viện điện tử, tổng cộng là thư viện chỉ đáp ứng 93 HSSV. Nhân viên thư viện nhà trường luôn hỗ trợ, tư vấn cho người học trong việc tìm kiếm, tham khảo tài liệu, cho người học mượn sách đọc tại chỗ hoặc mượn về nhà. Các loại giáo trình được phân loại theo chuyên ngành riêng biệt giúp người học dễ dàng trong việc tìm kiếm, có hướng dẫn cách sử dụng máy tính tra cứu danh mục sách. Để dễ dàng tìm kiếm tài liệu cần thiết nên các tài liệu đều được cán bộ thư viện và nhà giáo chuyên môn tóm tắt nội dung cơ bản của tài liệu trên danh mục tra cứu và phần mềm tra cứu tài liệu. Thư viện của trường được trang phòng máy tính gồm 01 máy chủ và 10 máy trạm có kết nối mạng LAN và Internet nhằm giúp bạn đọc có thể tra cứu thông tin rễ ràng và thuận lợi hơn. Công tác tổ chức và hoạt động của thư viện được thực hiện theo đúng quy định, mượn, trả sách được quản lý trên sổ mượn sách tại thư viện và được quản lý bằng phần mềm. ***(5.6.04.*** *Sổ theo dõi tra cứu, mượn giáo trình/tài liệu).* Thư viện của trường được trang bị phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu. ***(5.6.05.*** *Phần mềm quản lý tra cứu tài liệu: Phần mềm SMILIB công ty CMC cung cấp phiên bản 4.0 CMC Grup: Hình ảnh giao diện làm việc của phần mềm (SMILIB) và (Calibre) quản lý thư viện;);* ***5.6.06.*** *Danh mục giáo trình điện tử nội bộ;* ***5.6.07.*** *Bảng kê danh mục tên chương trình, giáo trình, năm đưa vào sử dụng, đơn vị ban hành, số lượng bản in, bản điện tử).* Hàng năm, Nhà trường tiến hành công tác kiểm kê thư viện để có số liệu sách cũ, hư hỏng, giáo trình tài liệu tham khảo mất mát trong quá trình sử dụng từ đó có kế hoạch mua sắm bổ sung cho năm học mới. (***5.6.08.*** *Biên bản kiểm kê thư viện hàng năm;* ***5.6.09.*** *Báo cáo kết quả hoạt động của thư viện hàng năm).* Phòng thư viện điện tử được trang bị 01 máy in, 01 máy chủ và 10 máy trạm có kết nối mạng LAN và Internet dùng cho bạn đọc tra cứu tìm kiếm thông tin cần thiết. Hệ thống mạng nội bộ (LAN), cổng Internet của trường hoạt động tốt và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu cập nhật thông tin, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu của cán bộ, nhà giáo và người học. ***(5.6.10.*** *Giáo trình, tài liệu được đăng trên trang Web của trường: truongvietducthainguyen.edu.vn).* Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện. ***(5.10.11.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức hoạt động,*

hình thức phục vụ của thư viện Trường hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học)).

Nghề Điện Công nghiệp ở hai cấp trình độ trong trường không đủ mỗi HSSV 05 đầu sách/người học. Vì vậy đánh giá điểm ở tiêu chuẩn này không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: *Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có phòng thư viện điện tử được trang bị 10 máy tính và 01 máy in có kết nối Internet dùng để tra cứu thông tin. Đoàn đã kiểm tra trực tiếp cả 10 máy đều cài đặt phần mềm quản lý thư viện SMILIB hỗ trợ người đọc tìm kiếm sách cứng hiện có trong thư viện. Thông tin hiển thị cho biết tên sách, tóm tắt nội dung cũng như tên tác giả, năm xuất bản, tình trạng sách trong thư viện (còn hay đã có người mượn, thời hạn trả v.v.). ***(5.7.01.** Bảng thống kê danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện)* Thư viện của trường được trang bị phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu. ***(5.6.05.** Phần mềm quản lý tra cứu tài liệu: Phần mềm SMILIB công ty CMC cung cấp phiên bản 4.0 CMC Grup: Hình ảnh giao diện làm việc của phần mềm (SMILIB) và (Calibre) quản lý thư viện;).* Hàng năm, Nhà trường tiến hành công tác kiểm kê thư viện để có số liệu sách cũ, hư hỏng, giáo trình tài liệu tham khảo mất mát trong quá trình sử dụng từ đó có kế hoạch mua sắm bổ sung cho năm học mới và khảo sát về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện. ***(5.6.09.** Báo cáo kết quả hoạt động của thư viện hàng năm; **5.7.02.** Hợp đồng/hóa đơn nộp tiền cung cấp dịch vụ Internet; **5.7.03.** Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện Trường hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: *Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Cùng với việc đầu tư trang thiết bị phục vụ

đào tạo, việc đầu tư các phần mềm mô phỏng góp phân tích cực hóa phương pháp dạy học được được nhà trường rất chú trọng. Nghề Điện Công nghiệp có các mô đun chuyên môn sau có sử dụng phần mềm, thiết bị mô phỏng:

Mã Mô đun	**Tên mô đun chuyên môn**	**Phần mềm/ thiết bị mô phỏng**	**Ghi chú**
MĐ09	Thiết kế mạch điện trên máy tính	Cade simu	
MĐ21	Kỹ thuật xung số	Proteus	
MĐ30	Điều khiển điện khí nén	Festo Fluidsim	
MĐ32	PLC Cơ bản	PLC S7 300	
	PLC nâng cao		
MĐ35	PLC nâng cao	Win CC	
		Pic	
		Altium Déigner	

***(5.8.01**. Danh sách thống kê các phần mềm ảo; Phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, mô phỏng, lập trình trong giảng dạy...).* Việc sử dụng các phần mềm được đội ngũ nhà giáo của Trường tích hợp vào các bài giảng trong các mô đun/môn học của nghề Điện Công nghiệp **(*5.8.02. Hình ảnh sử dụng các phần mềm mô phỏng trong giảng dạy*; *5.8.03**. Bài giảng điện tử theo từng môn học/mô đun)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 2 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6

Mở đầu: Trong giai đoạn hiện nay các "dịch vụ người học" được trường hết sức quan tâm, đầu tư để phục vụ tốt nhất nhu cầu của người học trong quá trình đào tạo. Nhà trường có đầy các đủ các phục vụ người học: Nhà ăn, Hội trường, thư viện, trạm y tế, sân thể thao... phục vụ nhu cầu của người học trong quá trình học tập tại trường.

Trường có bộ phận tuyển sinh và Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ HS SV, thường xuyên cung cấp các thông tin về thị trường lao động và việc làm trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

** Những điểm mạnh:*

Trường cung cấp đầy dủ thông tin về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế, chính sách đối với người học. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định, có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Thường xuyên tổ chức các phong trào hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

** Những tồn tại:* Không.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục duy trì đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định, các dịch vụ hỗ trợ cho người học và đa dạng hóa các hình thức hoạt động vui chơi giải trí, hoạt động ngoại khóa....

Cải tạo lại nhà ăn HSSV khang trang hơn.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	**8 điểm**	**6 điểm**
Tiêu chuẩn 1	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 2	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 3	*2 điểm*	*0 điểm*
Tiêu chuẩn 4	*2 điểm*	*2 điểm*

Tiêu chuẩn 6.1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. Cụ thể:

Ngay sau khi nhập học hàng năm, Trường tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho HSSV. Chương trình Giáo dục đầu khóa gồm 05 nội dung cung cấp thông tin cần thiết cho HSSV:

- Giáo dục lý tưởng cách mạng, ý thức tuân thủ pháp luật;

- Giới thiệu về trường: Mục tiêu, sứ mạng, Lịch sử truyền thống và các hoạt động của trường; Các ngành nghề đào tạo, quy chế đào tạo, quy chế thi, kiểm tra...;

- Chủ đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hôc chí minh;

- Học tập quy chế công tác HSSV, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện, các chính sách đối với người học...

- Công tác đảm bảo an ninh, chính trị trong nhà trường; giới tính, sức khỏe sinh sản, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động văn hóa, thể thao, hướng nghiệp, công tác Đoàn...

Trên cơ sở kế hoạch sinh hoạt đầu khóa, Trường có các kế hoạch tổ chức "Giáo dục đầu khóa cho HSSV" các lớp, trong đó quy định cụ thể thời gian, địa điểm và giảng viên lên lớp theo các nội dung trong kế hoạch. ***(6.1.01**. Kế hoạch giáo dục đầu khoá; **6.1.02**. Các tài liệu về giáo dục đầu khoá).* Các nội dung người học được giới thiệu và cung cấp bao gồm: Quy chế liên quan hoạt động đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp trong quá trình học tập; các chính sách miễn giảm học phí, các quy định đánh giá kết quả rèn luyện ***(6.1.03** Quyết đinh số 161/QĐ- CĐCNVĐ ngày 01 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Qui định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích luỹ môn học, mô đun, tín chỉ; Qui chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp).*

Trường đã ban hành các văn bản về nội quy, quy chế nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ của HSSV học tập tại trường cũng như trong ký túc xá của trường. ***(6.1.04.** Quyết định số 179/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28 tháng 07 năm 2020 Ban hành Qui đinh về quản lý học sinh, sinh viên nội trú, ngoại trú; 6.1.05. Quyết định số*

461/QĐ-CĐCNVĐ ngày 29/12/2017 về ban hành thực hiện nội quy học đường; 6.1.06. Quyết định ban hành quy tắc ứng xử văn hóa trong trường CĐCN Việt Đức). Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm đối với nhà giáo. Thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho học sinh, sinh viên học nghề Hàn, Cắt gọt kim loại; rèn dập...giảm 70% học phí, do đặc thù của nghề độc hại. Hệ trung cấp 9/12 được miễn giảm 100% học phí. Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ chợ chi phí học tập cho người học. Trường thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định như: Thông báo, Quyết đinh, lập danh sách các đối tượng thuộc diện ưu đãi và được hưởng chế độ miễn giảm học phí. Các báo cáo tổng hợp số liệu về HSSV thuộc diện chính sách ưu đãi và chính sách xã hội hàng năm của trường cho thấy 100% người học thuộc diện chính sách được hưởng các chế độ, chính sách theo đúng quy định. ***(6.1.07.** Các thông báo về miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; xét cấp học bổng cho người học hàng năm; **6.1.08.** Các Quyết định, danh sách, hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách hàng năm; **6.1.09**. Quyết định số 218/QĐ-CĐCNCĐ ngày 02/10/2018 Quyết định về việc ban hành Quy chế Học sinh - Sinh viên trường CĐCN Việt Đức; **6.1.10**. Các văn bản hướng dẫn về tín dụng cho người học hàng năm).* Ngoài ra, người học còn được cung cấp thông tin được thể hiện qua việc đối thoại với sinh viên hàng tháng với phòng Công tác HSSV, giờ sinh hoạt lớp giữa giáo viên chủ nhiệm và HSSV. ***(6.1.11**. Kế hoạch công tác học sinh, sinh viên năm học; **6.1.12**. Sổ biên bản hội nghị giao ban hội đồng lớp trưởng).* Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát về việc cung cấp thông tin khi nhập học và trong quá trình học tập tại trường ***(6.1.13.** Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc cung cấp thông tin khi nhập học và trong quá trình học hàng năm (đối với người học, nhà giáo)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. Căn cứ các văn bản như: Luật giáo dục nghề nghiệp 2014; Nghị định số 86/2015/NĐ - CP quy định về cơ chế thu, quản lí học phí và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Thông tư liên tịch số 09/2016/ TTLT - BGDĐT - BTC - BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/ NĐ - CP; Quyết định số 53/2015/ QĐ - TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú; Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLL-BGDĐT - BLĐTBXH - BTC ngày 05/05/2016 sửa đổi bổ sung mục III của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT - BGDĐT - BLĐTBXH - BTC ngày 28/4 2008 của liên bộ hướng dẫn thực hiên Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg của Thủ tường chính phủ ngày 14/9/2007 về chính sách học bổng đối với HSSV tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc diện chính sách. Trường ban hành các văn bản hướng dẫn các thủ tục hưởng chế độ, chính sách đối với người học. ***(6.2.01.*** *Các văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với người học mà trường đang áp dụng (Quy định miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng ...);* ***6.2.02.*** *Bảng thống kê các chế độ chính sách đối với người học tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức).*

TT	Các chế độ, chính sách	Văn bản của Trường
1	Miễn giảm học phí	- Các Thông báo miễn giảm học phí; - Các hướng dẫn về miễm giảm học phí hàng năm; (Quyết định số 107/QĐ-CĐCNVĐ ngày 26/4/2019 về việc miễn giảm học phí năm học của trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức).
2	Nội trú	Quyết định 179/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/07/2020 Ban hành qui định về quản lý học sinh, sinh viên nội trú - ngoại trú.
3	Khen thưởng, kỷ	- Quy chế Công tác HSSV ban hành theo QĐ số 218/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/10/2018;

	luật	- Quy chế chi tiêu nội bộ số 11/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/01/2020.
4	Vay tín dụng	- Thông báo cấp Giấy xác nhận HSSV để hưởng chế độ, chính sách; - Giấy xác nhận HSSV; - Các Hướng dẫn vay vốn tín dụng cho HSSV;
5	Chính sách xã hội	- Thông báo hỗ trợ HSSV có hoàn cảnh khó khăn về quê ăn Tết hàng năm; - Các Quyết định hỗ trợ hàng năm.

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ chợ chi phí học tập cho người học. Trường thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định xây dựng quy chế quy chế học sinh, sinh viên của Trường như: Các báo cáo tổng hợp số liệu về HSSV thuộc diện chính sách ưu đãi và chính sách xã hội hàng năm của trường cho thấy 100% người học thuộc diện chính sách được hưởng các chế độ, chính sách theo đúng quy định. *(**6.2.03.** Quyết định, danh sách, hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách hàng năm; **6.2.04.** Các văn bản hướng dẫn về tín dụng cho người học hàng năm).*

TT	QUYẾT ĐỊNH MIỄN GIẢM	NGÀY KÝ	SỐ LƯỢNG HS-SV	SỐ TIỀN MIỄN GIẢM	GHI CHÚ	KỲ HỌC
Năm 2019						
1	Số 09/QĐ-CĐCNVĐ	01/08/2019	1	670,000		Kỳ II năm học 2018 - 2019
2	Số 107/QĐ-CĐCNVĐ	26/04/2019	838	2,940,430,000	Đợt 1	
3	Số 133/QĐ-CĐCNVĐ	22/05/2019	50	117,585,000	Đợt 2	
4	Số 209/QĐ-CĐCNVĐ	11/08/2019	853	2,681,128,000	Đợt 1	Kỳ I năm học 2019 - 2020
5	Số 225/QĐ-CĐCNVĐ	12/02/2019	51	141,050,000	Đợt 2	
6	Số 227/QĐ-CĐCNVĐ	16/12/2019	5	12,580,000	Đợt 3	

	Cộng		1798	**5,892,773,000**		
Năm 2020						
1	Số 39/QĐ-CĐCNVĐ	18/06/2020	829	975,870,000		Kỳ II năm học 2019-2020
2	Số 130/QĐ-CĐCNVĐ	24/11/2020	771	2,664,948,000	Đợt 1	Kỳ I năm học 2020 - 2021
3	Số 24/QĐ-CĐCNVĐ	26/01/2021	134	424,352,000	Đợt 2	
	Cộng		1734	**6,065,170,000**		
Năm 2021						
	Số thiếu năm trước chuyển sang			(460,939,000)		
1	Số 41/QĐ-CĐCNVĐ	31/03/2021	855	3,750,022,000	Đợt 1	Kỳ II năm học 2020 - 2021
2	Số 212/QĐCĐCNVĐ	11/11/2021	786	2,790,778,000	Đợt 1	Kỳ I năm học 2021 - 2022
3	...../ QĐCĐCNVĐ	12/01/2021	157	580,314,000	Đợt 2	
	Cộng		1798	**7,582,053,000**		

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng, Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác HSSV của trường. ***(6.1.09.*** *Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức số 218/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/10/2018 của Hiệu trưởng, kèm theo Quy chế).* Hàng năm Phòng Công tác HSSV đều có báo cáo tổng kết về công tác Học sinh - Sinh viên nhà trường.

(6.2.06.** Báo cáo thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học hàng năm;* ***6.2.07. *Báo cáo tổng kết công tác HSSV hàng năm của trường).* Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. ***(1.2.06.*** *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).* Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát về việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích cho người học hàng năm ***(6.2.08.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích cho người học hàng năm (đối với nhà giáo, người học)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường có Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ học sinh, sinh viên. Hàng năm trường đều có kế hoạch công tác hướng nghiệp, tư vấn hỗ trợ việc làm cho HSSV gồm các nội dung: Tư vấn hướng nghiệp cho HSSV; Tham gia Hội chợ việc làm tỉnh Thái Nguyên; Sinh viên của các ngành/nghề giao lưu, tiếp xúc với chủ doanh nghiệp; Phiên giao dịch việc làm lưu động Tỉnh Thái nguyên; Nhận và phát Thông báo tuyển dụng của các nhà tuyển dụng, đưa lên trang website của trường, Facebook, Fanpage, địa chỉ http://truongvietducthainguyen.edu.vn ***(6.3.01.*** *Chức năng nhiệm vụ Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ học sinh, sinh viên).* Hàng năm xây dựng và thực hiện các kế hoạch như: Tổ chức tư vấn việc làm cho HSSV tham gia chương trình "Ngày đoàn viên", "Khởi nghiệp sáng tạo-Nghề nghiệp việc làm". Tổ chức hội nghị tư vấn, định hướng nghề nghiệp với sự tham gia của Công ty CP Kim khí Thăng Long, Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu, Công ty CP sản xuất và thương mại điện cơ Hà Nội, Công ty TNHH sản xuất SanWa Việt Nam, Công ty CP Tập đoàn Công nghiệp Việt, Tập đoàn Hoà Phát, Công ty CP Technokom, Tập

đoàn Icogroop, Công ty THHH một thành viên phụ tùng máy số 1, Công ty THHH một thành viên Điezel Sông Công, Công ty cổ phần Cơ khí lắp dựng Từ Sơn Bắc Ninh…; ***(6.3.02.*** *Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho người học hàng năm;* ***6.3.03****. Các công văn mời các doanh nghiệp tư vấn việc làm;* ***6.3.04****. Danh sách các doanh nghiệp tham gia tư vấn việc làm hàng năm;* ***6.3.05.*** *Các thông báo tư vấn việc làm).* Nhà trường luôn chú trọng tìm kiếm các doanh nghiệp có việc làm tốt, có mức thu nhập ổn định để cho người học có cơ hội lựa chọn việc làm phù hợp, phát Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp. ***(1.1.05****. Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm;* ***6.3.06****. Thông báo tuyển dụng trên Website của Trường;* ***6.3.07.*** *Bảng đăng ký tìm việc của người học).* Kết quả thực hiện các kế hoạch tổ chức tư vấn, hướng nghiệp việc làm được Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ học sinh, sinh viên tổng hợp, lập báo cáo hàng năm. ***(6.3.08.*** *Báo cáo về tổ chức chương trình tư vấn việc làm).* Bên cạnh đó nhà trường cũng thực hiện khảo sát lần vết người học sau tốt nghiệp với các chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp. ***(6.3.09****. Các văn bản về lần vết người học sau tốt nghiệp).* Hàng năm, Trường khảo sát lấy ý kiến về công tác tư vấn việc làm đối với người học, người học sau tốt nghiệp. ***(6.3.10.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác tư vấn việc làm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm)).*

Tuy nhiên hàng năm trường chưa tổ chức hội chợ việc làm để HSSV tiếp xúc với các nhà tuyển dụng. Vì vậy tiêu chuẩn này không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: *Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo, hoạt động văn hóa văn nghệ TDTT tại sân bóng đá với diện tích 2000 m2; Sân bóng chuyền 11008 m2; Nhà đa năng 1192 m2; Hội trường 667 m2. ***(6.4.01.*** *Thống kê số liệu cơ sở vật chất khu thể dục thể thao của trường).* Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho toàn thể cán bộ, giảng viên và HSSV trong các ngày

lễ lớn như ngày khai giảng năm học, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, ngày sinh nhật Bác 19/5, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10, 8/3, với các hoạt động như: bóng đá, cầu lông, bóng chuyền, hội thi văn nghệ khối các trường đại, cao đẳng, hội thi văn nghệ tại trường kỷ niệm các ngày lễ ... Tổ chức tham gia hội thi "Tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội, ma túy học đường", tham gia Chiến dịch tình nguyện hè, phong trào "Hiến máu tình nguyện", "Ngày thứ 7 tình nguyện", "Giảng đường xanh, sạch, đẹp", "tiếp sức mùa thi", "ngày chủ nhật xanh"... Tổ chức phong trào Tiếng hát HSSV tham gia biểu diễn tại trường, tại Tỉnh đoàn Thái Nguyên... Phòng công tác HSSV phối hợp với Đoàn thanh niên hàng năm đều tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho HSSV tham gia các hoạt động xã hội như hoạt động "Thanh niên với văn hóa Việt Nam", "Tuyên truyền kiến thức luật giao thông đường bộ và hướng dẫn lái xe an toàn" cũng đã thu hút được nhiều SV tham gia. Nhà trường đã phối hợp với trung ương Đoàn và Tỉnh đoàn Thái Nguyên tổ chức Ngày hội hiến máu tình nguyện đã thu hút đông đảo HSSV và cán bộ giáo viên tham gia ***(6.4.02****. Các kế hoạch tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ; Thể dục thể thao; Hoạt động tình nguyện của Đoàn trường hàng năm;****6.4.03.*** *Kế hoạch tổ chức ngày hội hiến máu tình nguyện (danh sách HS-SV tham gia hiến máu kèm theo);* ***6.4.04.****Các quyết định thành lập đội thanh niên xung kích;* ***6.4.05.*** *Báo cáo tổng kết năm của Đoàn thanh niên;* Hàng năm, Trường khảo sát lấy ý kiến về điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao. ***(6.4.06.*** *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường cho người học hàng năm (đối với nhà giáo, người học))*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

Mở đầu: Với mục tiêu đánh giá toàn diện các hoạt động đào tạo của trường, hàng năm trường đều tổ chức tự đánh giá chất lượng trường và chương trình đào tạo. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan bao gồm:

Nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp và người học về các hoạt động trong quá trình đào tạo nhằm đánh giá chất lượng tổng thể của trường, xác định được mặt tốt và chưa tốt để có kế hoạch cải tiến các hoạt động của trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.Việc giám sát và đánh giá chất lượng đào tạo luôn được nhà trường quan tâm, nó thể hiện được thương hiệu và chất lượng của nhà trường.

** Những điểm mạnh:*

Trường có bộ phận hợp tác với doanh nghiệp, với HSSV tốt nghiệp, khảo sát người học tại Trường, khảo sát cán bộ giáo viên …HSSV tốt nghiệp của Trường đáp ứng được yêu cầu công việc tại doanh nghiệp, có việc làm cơ bản đúng nghề đào tạo và thu nhập ổn định; Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng và cải thiện chất lượng theo quy định.

** Những tồn tại:* Không có

**Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trường nên mở rộng và hoàn thiện phần mềm khảo sát online cho tất cả các đối tượng liên quan, thực hiện khảo sát theo đúng nội hàm.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	**16 điểm**	**16 điểm**
Tiêu chuẩn 1	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 2	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 3	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 4	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 5	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 6	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 7	*2 điểm*	*2 điểm*
Tiêu chuẩn 8	*2 điểm*	*2 điểm*

Tiêu chuẩn 7.1: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm Trường có các kế hoạch triển khai việc thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, đồng thời trường triển khai thu thập ý kiến, tổng hợp, phân tích kết quả và có kế hoạch nâng cao chất lương đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. ***(7.8.01.** Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm; **7.8.02.** Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến, trong đó nêu rõ: Tên; Địa chỉ; Số lượng và tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm)*

Kết quả thu được cho thấy tỷ lệ doanh các nghiệp hài lòng với khả năng thực hiện công việc chuyên môn của người học tốt nghiệp khá cao (80% trở lên đánh giá tốt), cụ thể 3 năm gần đây:

- Năm 2019 trường lấy ý kiến của 16 doanh nghiệp, kết quả như sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng HS-SV đang làm việc
1	Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu	Mê Linh - Hà Nội	217
2	Công ty TNHH Sản xuất SanWa Việt Nam	Việt Yên - Bắc Giang	185
3	Công ty CP SX và TM Điện cơ Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	56
4	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	TP. Sông Công - Thái Nguyên	32
5	Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyển	TP. Sông Công - Thái Nguyên	25
6	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	TP. Sông Công - Thái Nguyên	08
7	Công ty CP Dụng cụ máy số 1	TP. Sông Công - Thái Nguyên	06
8	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	TX. Phổ Yên - Thái Nguyên	03

9	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	Phú Bình - Thái Nguyên	15
10	Công ty TNHH Rèn, dập Điềm Thụy	Phú Bình - Thái Nguyên	02
11	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Phổ Yên	Phổ Yên - Thái Nguyên	07
12	Công ty TNHH DONGWHA Việt Nam	Sông Công - Thái Nguyên	02
13	Công ty dịch vụ và thương mại Ngân Đào	Sông Công - Thái Nguyên	02
14	Công ty ô tô Trường Hải Sông Công	Sông Công - Thái Nguyên	05
15	Trung tâm dịch vụ sửa chữa ô tô Trần Tiến	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	01
16	Trung tâm dịch vụ sửa chữa ô tô Sáng Tài	TP. Thái Nguyên - Thái Nguyên	01
Tổng cộng			**567**

Trong số 16 doanh nghiệp được khảo sát thì 100% doanh nghiệp cho rằng cựu sinh viên Nhà trường đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc được giao, từ mức khá trở lên:

Bảng tổng hợp mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của cựu sinh viên

Mức độ đáp ứng	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng thực hành công việc	Kỹ năng làm việc độc lập	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tính kỷ luật trong công việc	Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn
Tốt	14	14	13	14	14	13
Khá	2	2	3	2	2	3
T. Bình	-	-	-	-	-	-
Yếu	-	-	-	-	-	-

- Năm 2020 trường lấy ý kiến của 15 doanh nghiệp, kết quả như sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty ô tô Trường Hải Sông Công	Sông Công - Thái Nguyên	05
2	Công ty TNHH Mitshubishi Thái Nguyên	Thái Nguyên - Thái Nguyên	05
3	C.ty TNHH MTV Cơ khí chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Long Biên - Hà Nội	05
4	Công ty TNHH Sản xuất SanWa Việt Nam	Việt Yên - Bắc Giang	185
5	Công ty CP SX và TM Điện cơ Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	12
6	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	TP. Sông Công - Thái Nguyên	5
7	Công ty CP Dụng cụ máy số 1	TP. Sông Công - Thái Nguyên	10
8	Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu	Mê Linh - Hà Nội	225
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	TP. Sông Công - Thái Nguyên	20
10	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Phổ Yên	Phổ Yên - Thái Nguyên	30
11	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	TX. Phổ Yên - Thái Nguyên	15
12	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	Phú Bình - Thái Nguyên	60
13	Công ty TNHH Rèn, dập Điềm Thụy	Phú Bình - Thái Nguyên	5
14	Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyển	TP. Sông Công - Thái Nguyên	2
15	Công ty TNHH DONGWHA Việt Nam	Sông Công - Thái Nguyên	10

Tổng cộng	594

Trong số 15 doanh nghiệp được khảo sát thì 100% doanh nghiệp cho rằng cựu sinh viên Nhà trường đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc được giao, từ mức khá trở lên:

Bảng tổng hợp mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của cựu sinh viên

Mức độ đáp ứng	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng thực hành công việc	Kỹ năng làm việc độc lập	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tính kỷ luật trong công việc	Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn
Tốt	13	13	12	13	13	12
Khá	2	2	3	2	2	3
T. Bình	-	-	-	-	-	-
Yếu	-	-	-	-	-	-

- Năm 2021 trường lấy ý kiến của 16 doanh nghiệp, kết quả như sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty ô tô Trường Hải Sông Công	Sông Công - Thái Nguyên	07
2	Công ty TNHH Mitshubishi Thái Nguyên	Thái Nguyên - Thái Nguyên	06
3	C.ty TNHH MTV Cơ khí chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Long Biên - Hà Nội	08
4	Công ty TNHH Sản xuất SanWa Việt Nam	Việt Yên - Bắc Giang	195

5	Công ty CP SX và TM Điện cơ Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	13
6	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	TP.Sông Công - Thái Nguyên	6
7	Công ty CP Dụng cụ máy số 1	TP.Sông Công - Thái Nguyên	12
8	Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu	Mê Linh - Hà Nội	238
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	TP.Sông Công - Thái Nguyên	25
10	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Phổ Yên	Phổ Yên - Thái Nguyên	38
11	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	TX.Phổ Yên - Thái Nguyên	19
12	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	Phú Bình - Thái Nguyên	75
13	Công ty TNHH Rèn, dập Điềm Thụy	Phú Bình - Thái Nguyên	7
14	Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyển	TP.Sông Công - Thái Nguyên	3
15	Công ty TNHH DONGWHA Việt Nam	Sông Công - Thái Nguyên	15
16	Công ty CP Technokom	Văn Lâm - Hưng Yên	20
Tổng cộng			**687**

Trong số 687 doanh nghiệp được khảo sát thì 100% doanh nghiệp cho rằng cựu sinh viên Nhà trường đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc được giao, từ mức khá trở lên:

Bảng tổng hợp mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của cựu sinh viên

Mức độ đáp ứng	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng thực hành công việc	Kỹ năng làm việc độc lập	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tính kỷ luật trong công việc	Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn
Tốt	14	13	14	14	12	14
Khá	2	3	2	2	4	2
T. Bình	-	-	-	-	-	-
Yếu	-	-	-	-	-	-

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trong 03 năm học gần đây, HSSV hệ Cao đẳng nghề Điện Công nghiệp đã hoàn thành khoá học và tốt nghiệp ra trường. Để điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp nhằm thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp, nhà trường đã triển khai Kế hoạch điều tra (hình thức lần vết HSSV) hàng năm. Khảo sát các lớp K13 và K14 cao đẳng nghề Điện Công nghiệp liền kề của 3 khóa như sau:

+ Năm 2019 có 9 SV tốt nghiệp (SV có việc làm đúng chuyên ngành 7/9)

+ Năm 2020 có 14 SV tốt nghiệp (SV có việc làm đúng chuyên ngành 11/14)

+ Năm 2021 có 13 SV tốt nghiệp (SV có việc làm đúng chuyên ngành 8/13)

***(7.2.01.** Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học sau tốt nghiệp hàng năm; **2.2.02.** Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp; Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm; **7.2.03.** Các văn bản thể hiện từng hình thức điều tra, lần vết người học sau tốt nghiệp: (Phiếu khảo sát, phiếu hỏi; Bảng tổng hợp ý kiến có danh sách, điện thoại liên hệ, đơn vị công tác...); **7.2.04.** Báo cáo kết quả điều tra lần vết hàng năm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, trường đều tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá,

phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Kết quả cho thấy tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được lấy ý kiến đều ghi nhận nhà trường đều thực hiện tốt và đầy đủ, đúng quy định, công khai và minh bạch các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thu thập ý kiến của các nhóm đối tượng liên quan. Sau đó tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả lên lãnh đạo nhà trường để có kế hoạch bổ sung điều chỉnh công tác tổ chức quản lý cho phù hợp với điều kiện thực tế. ***(7.3.01**. Kế hoạch, danh sách, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động).*

- Năm 2019 lấy ý kiến của 90 Cán bộ viên chức, người lao động (tỉ lệ 67%), kết quả thu được:

+ Có 87 người trở lên đồng tình cao với chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm mà nhà trường đang thực hiện (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 97% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 82 người trở lên đồng tình cao với công tác tổ chức hoạt động đào tạo tại trưởng (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 91% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 81 người trở lên đồng tình cao với điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và thư viện của trưởng (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 90% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 84 người đồng tình cao với các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ của trưởng (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 93% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 86 người trở lên đồng tình cao với chất lượng chương trình, giáo trình của trưởng (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 96% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 90 người đồng tình cao với các hoạt động tài chính của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 100% số người được hỏi.

- Năm 2020 lấy ý kiến của 80 Cán bộ viên chức, người lao động (tỉ lệ 61%), kết quả thu được:

+ Có 77 người trở lên đồng tình cao với chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm mà nhà trường đang thực hiện (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 96% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 74 người trở lên đồng tình cao với công tác tổ chức hoạt động đào tạo tại trưởng (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 93% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 75 người trở lên đồng tình cao với điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và thư viện của trưởng (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 94% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 74 người đồng tình cao với các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ của trưởng (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 93% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 77 người trở lên đồng tình cao với chất lượng chương trình, giáo trình của trưởng (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 96% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 80 người đồng tình cao với các hoạt động tài chính của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 100% số người được hỏi.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm trường có tổ chức thu thập lấy ý kiến trên 30% đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy. Tất cả người học được khảo sát đều cho ý kiến xác thực và hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường: *(**7.4.01.** Kế hoạch, danh sách, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường).*

- Năm 2019 lấy ý kiến của 200 HSSV đang học các nghề như sau: Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, kết quả thu được**:**

+ 200 HSSV đồng tình với chất lượng chương trình đào tạo, chiếm tỷ lệ 100% số người được hỏi;

+ 200 HSSV được hỏi đồng tình với hình thức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ nhà trường đang áp dụng (đánh giá mức khá trở lên), chiếm tỷ lệ 100%;

+ 180 HSSV hài lòng với tinh thần phục vụ của CB, VCLĐ liên quan các hoạt động học tập tại trường, chiếm tỷ lệ 90%; 20 HSSV còn lại đang phân vân chưa có câu trả lời;

+ 190 HSSV đáh giá cao chất lượng của hệ thống CSVC, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học, chiếm tỷ lệ 95%; 03 HSSV đánh giá mức độ trung bình;

+ 200 HSSV hài lòng với việc thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến người học của trường (đánh giá mức khá trở lên), chiếm tỷ lệ 100%;

- Năm 2020 lấy ý kiến của 190 HSSV đang học các nghề như sau: Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, kết quả thu được:

+ 180 HSSV đồng tình với chất lượng chương trình đào tạo, chiếm tỷ lệ 94,7% số người được hỏi; 10 HSSV còn lại đang phân vân chưa có câu trả lời;

+ 190 HSSV được hỏi đồng tình với hình thức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ nhà trường đang áp dụng (đánh giá mức khá trở lên), chiếm tỷ lệ 100%;

+ 180 HSSV hài lòng với tinh thần thái độ giảng dạy của giáo viên nhà trường, chiếm tỷ lệ 94,7%; 10 HSSV còn lại đang phân vân chưa có câu trả lời;

+ 170 HSSV hài lòng với tinh thần phục vụ của CB, VCLĐ liên quan các hoạt động học tập tại trường, chiếm tỷ lệ 89,5%; 20 HS-SV còn lại đang phân vân chưa có câu trả lời;

+ 190 HSSV đánh giá cao chất lượng của hệ thống CSVC, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học, chiếm tỷ lệ 100%;

+ 190 HSSV hài lòng với việc thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến người học của trường (đánh giá mức khá trở lên), chiếm tỷ lệ 100%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: *Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Các chương trình hiện đang đào tạo của trường đều được xây dựng theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hàng năm được rà soát và điều chỉnh bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế nhu cầu của xã hội, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. H***à***ng năm đều được lập kế hoạch, quyết định thành lập hội đồng và báo cáo tự đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo của trường. ***(7.5.01.*** *Kế hoạch thực hiện tự đánh giá và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm;* ***7.5.02.*** *Quyết định và Danh sách hội đồng tự đánh chất lượng chương trình đào tạo hàng năm;* ***7.5.03.*** *Báo cáo tự đánh chất lượng chương trình đào tạo hàng năm)***.** Toàn bộ các tài liệu bảo đảm chất lượng của Trường đều được số hóa và đăng tải trên trang Website của trường: truong vietducthainguyen.edu.vn. (*7.5.04. Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường và chương trình đào tạo được đăng tải trên Website: truongvietducthainguyen.edu.vn).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: *Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trên cơ sở Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường có liệt kê các điểm mạnh, các hạn chế tồn tại và đề ra phương hướng, kế hoạch nâng cao chất lượng, duy trì và phát huy các thế mạnh, khắc phục các hạn chế tồn tại. Hàng năm trong năm tiếp theo; Cuối năm sau nhà trường tổng kết quá trình khắc phục các tồn tại hạn chế của năm trước để rút kinh nghiệm và có phương án nâng cao chất lượng cho thời gian tiếp theo ***(7.6.01**. Kế hoạch cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá hàng năm và kết quả đánh giá ngoài)*. Qua quá trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đã góp phần hoàn thiện về mọi mặt và nâng cao chất lượng thương hiệu đào tạo của nhà trường. ***(7.5.03.** Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm; **7.6.02.** Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng Trường CĐCN Việt Đức)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: *Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường có trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ học sinh, sinh viên. Hàng năm thực hiện khảo sát lần vết người tốt nghiệp trên cơ sở danh sách HSSV vừa tốt nghiệp trong vòng 6 tháng nhằm nắm bắt kịp thời tình hình việc làm và cuộc sống của HSSV tốt nghiệp ra trường. Bằng hình thức gửi phiếu điều tra và tiếp xúc trực tiếp tại doanh nghiệp. Trường đã thực hiện tốt công tác điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp hàng năm. *(9.6.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm; 9.6.02 - Kế hoạch khảo sát; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát việc làm sau khi tốt nghiệp của người học hàng năm).*

Kết thúc mỗi đợt khảo sát, có tổng hợp kết quả, phân tích các điều kiện liên quan đến tình hình việc làm để có phương án hỗ trợ thêm cho người học đã tốt

nghiệp có cơ hội tiếp cận với công việc đúng nghề và việc làm hiệu quả hơn, thu nhập cao hơn.

Kết quả thua thập được hàng năm như sau:

- Năm 2019 trường có 505 người học tốt nghiệp ra trường, trường tiến hành gửi phiếu đến tất cả 505 người học tốt nghiệp, kết quả thu về 284 phiếu có điền thông tin về việc làm, đạt 56,2%: Trong đó 253 người tốt nghiệp làm việc đúng nghề được đào tạo hoặc có ứng dụng kiến thức kỹ năng vào hỗ trợ công việc, chiếm 89%, cụ thể như sau:

+ Thời gian tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp

TT	Thời gian tìm được việc làm	Số lượng
1	Dưới 3 tháng	73
2	Từ 3 - dưới 6 tháng	211

+ Loại hình doanh nghiệp

TT	Loại hình doanh nghiệp	Số lượng
1	Doanh nghiệp nhà nước	09
2	Doanh nghiệp tư nhân	224
3	Doanh nghiệp nước ngoài	51

+ Mức thu nhập

TT	Thu nhập	Số lượng
1	Dưới 7 triệu VNĐ	62
2	7 đến 12 triệu VNĐ	175
3	Trên 12 triệu VNĐ	47

+ Sự phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo

TT	Mức độ phù hợp	Số lượng
1	Phù hợp với chuyên môn	239
2	Có ứng dụng kiến thức nghề nghiệp vào công việc	14
3	Trái chuyên môn được đào tạo	31

Tất cả số người học tốt nghiệp có phản hồi đều đang hài lòng với công việc đang làm

- Năm 2020 trường có 226 người học tốt nghiệp ra trường, trường tiến hành gửi phiếu đến tất cả 226 người học tốt nghiệp, kết quả thu về 118 phiếu có điền thông tin về việc làm, đạt 52,2%: Trong đó 107 người tốt nghiệp làm việc đúng nghề được đào tạo hoặc có ứng dụng kiến thức kỹ năng vào hỗ trợ công việc, chiếm 90,7%, cụ thể như sau:

+ Thời gian tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp

TT	Thời gian tìm được việc làm	Số lượng
1	Dưới 3 tháng	76
2	Từ 3 - dưới 6 tháng	42

+ Loại hình doanh nghiệp

TT	Loại hình doanh nghiệp	Số lượng
1	Doanh nghiệp nhà nước	12
2	Doanh nghiệp tư nhân	89
3	Doanh nghiệp nước ngoài	17

+ Mức thu nhập

TT	Thu nhập	Số lượng
1	Dưới 7 triệu VNĐ	18
2	7 đến 12 triệu VNĐ	44
3	Trên 12 triệu VNĐ	56

+ Sự phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo

TT	Mức độ phù hợp	Số lượng
1	Phù hợp với chuyên môn	102
2	Có ứng dụng kiến thức nghề nghiệp vào công việc	5
3	Trái chuyên môn được đào tạo	11

Tất cả số người học tốt nghiệp có phản hồi đều đang hài lòng với công việc đang làm

- Năm 2021 trường có 287 người học tốt nghiệp ra trường, trường tiến hành gửi phiếu đến tất cả 287 người học tốt nghiệp, kết quả thu về 160 phiếu có điền thông tin về việc làm, đạt 55,8% trong đó 152 người tốt nghiệp làm việc đúng nghề được đào tạo hoặc có ứng dụng kiến thức kỹ năng vào hỗ trợ công việc, chiếm 95%, cụ thể như sau:

+ Thời gian tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp

TT	Thời gian tìm được việc làm	Số lượng
1	Dưới 3 tháng	128
2	Từ 3 - dưới 6 tháng	24

+ Loại hình doanh nghiệp

TT	Loại hình doanh nghiệp	Số lượng
1	Doanh nghiệp nhà nước	26
2	Doanh nghiệp tư nhân	55
3	Doanh nghiệp nước ngoài	71

+ Mức thu nhập

TT	Thu nhập	Số lượng
1	Dưới 7 triệu VNĐ	25
2	7 đến 12 triệu VNĐ	112
3	Trên 12 triệu VNĐ	15

+ Sự phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo

TT	Mức độ phù hợp	Số lượng
1	Phù hợp với chuyên môn	136
2	Có ứng dụng kiến thức nghề nghiệp vào công việc	8
3	Trái chuyên môn được đào tạo	8

Tất cả số người học tốt nghiệp có phản hồi đều đang hài lòng với công việc đang làm.

Như vậy theo kết quả điều tra và Báo cáo tổng hợp của trường thì hàng năm đều có trên 80% người tốt nghiệp của trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành/nghề đào tạo trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: *Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định: : Hàng năm Trường có các kế hoạch triển khai việc thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, đồng thời trường triển khai thu thập ý kiến, tổng hợp, phân tích kết quả và có kế hoạch nâng cao chất lương đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. ***(7.8.01.*** *Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm;* ***7.8.02.*** *Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến, trong đó nêu rõ: Tên; Địa chỉ; Số lượng và tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm)*

Kết quả thu được cho thấy tỷ lệ doanh các nghiệp hài lòng với khả năng thực hiện công việc chuyên môn của người học tốt nghiệp khá cao (80% trở lên đánh giá tốt), cụ thể 3 năm gần đây:

- Năm 2019 trường lấy ý kiến của 16 doanh nghiệp, kết quả như sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng HS-SV đang làm việc
1	Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu	Mê Linh - Hà Nội	217
2	Công ty TNHH Sản xuất SanWa Việt Nam	Việt Yên - Bắc Giang	185
3	Công ty CP SX và TM Điện cơ Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	56
4	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	TP. Sông Công - Thái Nguyên	32
5	Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyển	TP. Sông Công - Thái Nguyên	25
6	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	TP. Sông Công - Thái Nguyên	08
7	Công ty CP Dụng cụ máy số 1	TP. Sông Công - Thái Nguyên	06
8	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	TX. Phổ Yên - Thái Nguyên	03
9	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	Phú Bình - Thái Nguyên	15
10	Công ty TNHH Rèn, dập Điềm Thụy	Phú Bình - Thái Nguyên	02
11	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Phổ Yên	Phổ Yên - Thái Nguyên	07
12	Công ty TNHH DONGWHA Việt Nam	Sông Công - Thái Nguyên	02
13	Công ty dịch vụ và thương mại Ngân Đào	Sông Công - Thái Nguyên	02
14	Công ty ô tô Trường Hải Sông Công	Sông Công - Thái Nguyên	05
15	Trung tâm dịch vụ sửa chữa ô tô Trần Tiến	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	01
16	Trung tâm dịch vụ sửa chữa ô tô Sáng Tài	TP. Thái Nguyên - Thái Nguyên	01

Tổng cộng	567

Trong số 16 doanh nghiệp được khảo sát thì 100% doanh nghiệp cho rằng cựu sinh viên Nhà trường đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc được giao, từ mức khá trở lên:

Bảng tổng hợp mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của cựu sinh viên

Mức độ đáp ứng	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng thực hành công việc	Kỹ năng làm việc độc lập	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tính kỷ luật trong công việc	Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn
Tốt	14	14	13	14	14	13
Khá	2	2	3	2	2	3
T. Bình	-	-	-	-	-	-
Yếu	-	-	-	-	-	-

- Năm 2020 trường lấy ý kiến của 15 doanh nghiệp, kết quả như sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty ô tô Trường Hải Sông Công	Sông Công - Thái Nguyên	05
2	Công ty TNHH Mitshubishi Thái Nguyên	Thái Nguyên - Thái Nguyên	05
3	C.ty TNHH MTV Cơ khí chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Long Biên - Hà Nội	05
4	Công ty TNHH Sản xuất SanWa Việt Nam	Việt Yên - Bắc Giang	185
5	Công ty CP SX và TM Điện cơ Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	12

6	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	TP. Sông Công - Thái Nguyên	5
7	Công ty CP Dụng cụ máy số 1	TP. Sông Công - Thái Nguyên	10
8	Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu	Mê Linh - Hà Nội	225
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	TP. Sông Công - Thái Nguyên	20
10	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Phổ Yên	Phổ Yên - Thái Nguyên	30
11	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	TX. Phổ Yên - Thái Nguyên	15
12	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	Phú Bình - Thái Nguyên	60
13	Công ty TNHH Rèn, dập Điềm Thụy	Phú Bình - Thái Nguyên	5
14	Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyển	TP. Sông Công - Thái Nguyên	2
15	Công ty TNHH DONGWHA Việt Nam	Sông Công - Thái Nguyên	10
Tổng cộng			**594**

Trong số 15 doanh nghiệp được khảo sát thì 100% doanh nghiệp cho rằng cựu sinh viên Nhà trường đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc được giao, từ mức khá trở lên:

Bảng tổng hợp mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của cựu sinh viên

Mức độ đáp ứng	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng thực hành công việc	Kỹ năng làm việc độc lập	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tính kỷ luật trong công việc	Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn
Tốt	13	13	12	13	13	12

Khá	2	2	3	2	2	3
T. Bình	-	-	-	-	-	-
Yếu	-	-	-	-	-	-

- Năm 2021 trường lấy ý kiến của 16 doanh nghiệp, kết quả như sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty ô tô Trường Hải Sông Công	Sông Công - Thái Nguyên	07
2	Công ty TNHH Mitshubishi Thái Nguyên	Thái Nguyên - Thái Nguyên	06
3	C.ty TNHH MTV Cơ khí chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Long Biên - Hà Nội	08
4	Công ty TNHH Sản xuất SanWa Việt Nam	Việt Yên - Bắc Giang	195
5	Công ty CP SX và TM Điện cơ Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	13
6	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	TP.Sông Công - Thái Nguyên	6
7	Công ty CP Dụng cụ máy số 1	TP.Sông Công - Thái Nguyên	12
8	Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu	Mê Linh - Hà Nội	238
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	TP.Sông Công - Thái Nguyên	25
10	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Phổ Yên	Phổ Yên - Thái Nguyên	38
11	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	TX.Phổ Yên - Thái Nguyên	19
12	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	Phú Bình - Thái Nguyên	75
13	Công ty TNHH Rèn, dập Điềm Thụy	Phú Bình - Thái Nguyên	7
14	Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyển	TP.Sông Công - Thái Nguyên	3
15	Công ty TNHH DONGWHA Việt Nam	Sông Công - Thái Nguyên	15
16	Công ty CP Technokom	Văn Lâm - Hưng Yên	20
Tổng cộng			**687**

Trong số 687 doanh nghiệp được khảo sát thì 100% doanh nghiệp cho rằng cựu sinh viên Nhà trường đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc được giao, từ mức khá trở lên:

Bảng tổng hợp mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của cựu sinh viên

Mức độ đáp ứng	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng thực hành công việc	Kỹ năng làm việc độc lập	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tính kỷ luật trong công việc	Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn
Tốt	14	13	14	14	12	14
Khá	2	3	2	2	4	2
T. Bình	-	-	-	-	-	-
Yếu	-	-	-	-	-	-

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Các điểm tồn tại năm 2021	Kế hoạch nâng cao chất lượng năm 2022
Tiêu chí 1	*không*		Nhà trường tiếp tục xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động là có nguồn nhân lực có thể lực tốt, phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, có năng lực tự học cao, có khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc; từng bước xây dựng đội ngũ nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng chuẩn khu vực và từng bước đạt chuẩn quốc tế.
Tiêu chí 2	*Tiêu chuẩn 1*	Kết quả tuyển sinh hàng năm của nhà trường nói chung so với chỉ tiêu là đạt. Tuy nhiên kết quả tuyển sinh nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng đạt dưới 80./.	Năm 2022 trên cơ sở các thế mạnh đã đạt được nhà trường tiếp tục phấn đấu thực hiện tốt công tác tuyển sinh cho từng năm học đối với nghề Điện Công nghiệp đạt chỉ tiêu được giao, đề ra các giải pháp thực hiện tốt đa dạng hóa các ngành nghề, phương thức tổ chức đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo các lớp chất lượng cao hiệu quả đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.
Tiêu chí 3	*Tiêu chuẩn 6*	Khoa Điện- Điện tử- Điện lạnh đã cử nhà giáo đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức,	Năm 2022 nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho nhà giáo đi tập tại

Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Các điểm tồn tại năm 2021	Kế hoạch nâng cao chất lượng năm 2022
		công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất. Tuy nhiên việc cử đi số lượng ít, không liên tục, 3 năm trở lại đây khoa không cử nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp.	đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định.
Tiêu chí 4	*Không*		Nhà trường tiếp tục xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho các nghề trọng điểm đáp ứng yêu cầu dạy và học của các nghề đạt chuẩn Quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia.
Tiêu chí 5	*Tiêu chuẩn 6*	Nghề Điện Công nghiệp ở hai cấp trình độ không đủ mỗi HSSV 05 đầu sách/ người học.	Năm 2022 nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung giáo trình, tài liệu nghề Điện Công nghiệp đảm bảo đào tạo theo quy định.
Tiêu chí 6	*Tiêu chuẩn 3*	Hàng năm nhà trường chưa tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	Từ năm 2022 nhà trường có kế hoạch tổ chức hội chợ việc làm để người học có nhiều sự lựa chọn vị trí việc làm của mình cho phù hợp sau khi tốt nghiệp.
Tiêu chí 7	*Không*		Trường hoàn thiện phần mềm khảo sát online cho tất cả các đối tượng liên quan, thực hiện khảo sát theo đúng nội hàm.

PHẦN IV
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức hàng năm tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng theo công văn hướng dẫn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng đã thực hiện đánh giá chất lượng chất lượng chương trình theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn nội bộ của trường được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành đầy đủ các bước, đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn một cách chính xác để tìm ra những điểm mạnh và tồn tại qua đó từng bước khắc phục tồn tại và phát huy những thế mạnh khoa Điện – Điện tử - Điện lạnh.

Để thực hiện tốt công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nói chung và chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp, trường có một số đề xuất Cục kiểm định chất lượng GDNN - Tổng cục GDNN như sau:

Tiếp tục mở thêm các lớp đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kiểm định, đào tạo kiểm định viên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu tự đánh giá của nhà trường hiện nay.

Xây dựng phần mềm để triển khai cập nhật dữ liệu tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (số hóa dữ liệu hồ sơ minh chứng) để giảm thiểu khối lượng phô tô, in ấn, lưu trữ hồ sơ minh chứng.

Tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho nhà trường tham gia các dự án về kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn khu vực và Quốc tế.

2. Kiến nghị: Không.

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Đức Sinh

PHỤ LỤC 1

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CĐCN VIỆT ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/QĐ-CĐCNVĐ

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2021

Căn cứ quyết định số 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho trường CĐCN Việt Đức;

Căn cứ Luật số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội ban hành luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 46ª/QĐ-CĐCNVĐ ngày 12 tháng 03 năm 2021 của Hiệu trưởng trường CĐCN Việt Đức về việc ban hành Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, Cao đẳng;

Theo đề nghị của ông trưởng phòng QLKH&HTQT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2021 *(có danh sách kèm theo);*

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thiện minh chứng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2021;

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Đức Sinh

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLKH&HTQT.

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2021

(Kèm theo quyết định số 51/QĐ-CĐCNVĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng trường CĐCN Việt Đức)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Sinh	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Vũ Thị Ngoan	Phó Trưởng Khoa Điện - ĐT - ĐL	Phó Chủ tịch HĐ
3	Lê Xuân Đạt	Trưởng Phòng QLKH&HTQT	Ủy viên thư ký
4	Lê Thị Thanh Thuỳ	Chuyên viên Phòng QLKH&HTQT	Ủy viên
5	Trần Minh Đức	Trưởng Phòng đào tạo	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Hồng Sơn	Trưởng Phòng TCHC	Ủy viên
7	Lê Anh Tuấn	Trưởng Phòng TCKT	Ủy viên
8	Đỗ Khắc Nguyên	Trưởng Phòng Quản trị Đời sống	Ủy viên
9	Hoàng Văn Quân	Trưởng Phòng Công tác HSSV	Ủy viên
10	Mạc Văn Hùng	Trưởng Phòng QLTB&TTSX	Ủy viên
11	Lê Anh Nguyên	PhóTrưởng Phòng TCHC, thường trực công tác văn phòng Đảng uỷ	Ủy viên
12	Lê Thị Thu Hà	Trưởng ban nữ công	Ủy viên
13	Lý Quang Đại	Bí thư đoàn Thanh niên	Ủy viên
14	Vũ Xuân Thoàn	Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên DIESEL Sông công	Ủy viên
15	Lê Ngọc Tưởng	Công ty TNHH Wiha Việt Namw	Ủy viên

PHỤ LỤC 2

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CĐCN VIỆT ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 104/QĐ-CĐCNVĐ

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH
Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp Trình độ Cao đẳng năm 2021

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT năm 2021;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch tự đánh giá nội bộ phù hợp với tình hình thực tế;
- Nâng cao chất lượng công tác tự đánh giá của các đơn vị trong nhà trường.

2. Yêu cầu

- Đơn vị thu thập, cập nhật đầy đủ hồ sơ minh chứng theo nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp năm 2021;
- Thực hiện việc tự đánh giá chất lượng của đơn vị đảm bảo nghiêm túc, chất lượng đúng kế hoạch.

II. NỘI DUNG

Stt	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Thực hiện	Ghi chú
1	Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn nội bộ được ban hành.	Từ 18/3 đến 31/7/2021	Khoa Điện ĐT - ĐL và các đơn vị có liên quan	
2	Kiểm tra minh chứng, kết quả tự đánh giá chất lượng của một số đơn vị liên quan.	Từ 02/8 đến 15/9/2021	Phòng QLKH&HTQT	Có kế hoạch chi tiết
3	Tổng hợp minh chứng, kết quả tự đánh giá chất lượng.	Từ 21/9 đến 30/9/2021	Phòng QLKH&HTQT	
4	Họp hội đồng thông qua kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	Từ 01/10 đến 11/10/2021	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT	
5	Bổ sung hoàn thiện minh chứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn.	Từ 15/10 đến 31/10/2021	Khoa Điện ĐT - ĐL và các đơn vị có liên quan	
6	Tổng hợp viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp trình độ Cao đẳng năm 2021.	Từ 01/11 đến 30/11/2021	Phòng QLKH&HTQT	
7	Hoàn thiện báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền.	Trước 15/12/2021	Phòng QLKH&HTQT	

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)
Nguyễn Đức Sinh

PHÒNG QLKH&HTQ
(Đã ký)
Lê Xuân Đạt

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1	1.1.01		Quyết định số 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường CĐCN Việt Đức;
2.			1.1.02		Quy chế tổ chức, hoạt động của trường CĐCN Việt Đức;
3.			1.1.03		Văn bản Bộ công thương về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị công lập trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế trực thuộc Bộ Công thương;
4.			1.1.04		Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án‘‘Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến 2025’’; Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 Phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường cao đẳng, trường trung cấp được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025;
5.			1.1.05		Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm;
6.			1.1.06		Thông báo tuyển sinh hàng năm trên trang Website; Pa nô- áp phíc, tờ rơi; video, đĩa DVD giới thiệu về nhà trường trên đài truyền thanh, truyền hình các huyện thành, thị...;
7.			1.1.07		Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;

8.			1.1.08		Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm;
9.			1.1.09		Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
10.			1.1.10		Biên bản Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo;
11.			1.1.11		Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo;
12.			1.1.12		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
13.			1.1.13		Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo;
14.			1.1.14		Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo;
15.			1.1.15		Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
16.			1.1.16		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động (đối với nhà giáo, HSSV và doanh nghiệp).
17.	1	2	1.2.01		Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức;
18.			1.2.02		Quyết định về việc sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức đơn vị;
19.			1.2.03		Quyết định về việc công nhận bình xét thi đua năm học hàng năm;
20.			1.2.04		Quyết định khen thưởng: Bằng khen, giấy khen đối với cá nhân, tập thể đơn vị hàng năm;
21.			1.2.05		Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường.
22.			1.2.06		Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
23.	1	3	1.3.01		Quyết định thu học phí, lệ phí; Quyết định thu tiền ở của người học tại ký túc xá hàng năm;

24.			1.3.02		Quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm;
25.			1.3.03		Hồ sơ quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm;
26.			1.3.04		Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính hàng năm;
27.			1.3.05		Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm;
28.			1.3.06		Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra công tác tự kiểm tra tài chính của trường hàng năm;
29.			1.3.07		Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm;
30.			1.3.08		Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán (nếu có).
31.	2	1	2.1.01		Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm;
32.			2.1.02		Kế hoạch tuyển sinh hàng năm;
33.				1.1.06	Thông báo tuyển sinh hàng năm trên trang Website; Pa nô- áp phíc, tờ rơi; video, đĩa DVD giới thiệu về nhà Trường trên đài truyền thanh các huyện thành, thị...;
34.			2.1.03		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm;
35.			2.1.04		Biên bản họp hội đồng tuyển sinh;
36.			2.105		Hồ sơ đăng ký dự tuyển (theo quy định);
37.			2.1.06		Danh sách xét tuyển, trúng tuyển hàng năm;
38.			2.1.07		Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo);
39.			2.1.08		Các văn bản, báo cáo gửi bộ, ngành, sở về công tác tuyển sinh hàng năm;
40.			2.1.09		Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm;
41.			2.1.10		Báo cáo công tác thanh tra về tuyển sinh hàng năm (nếu có);
42.			2.1.11		Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm;
43.			2.1.12		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác tuyển sinh

					hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học).
44.	2	2	2.2.01		Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
45.			2.2.02		Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
46.			2.2.03		Hồ sơ sư phạm nhà giáo;
47.			2.2.04		Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học;
48.			2.2.05		Biên bản kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có).
49.	2	3		2.2.01	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
50.				2.2.02	Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học;
51.				2.2.03	Hồ sơ sư phạm nhà giáo;
52.				2.2.04	Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học;
53.				2.2.05	Biên bản kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có);
54.			2.3.01		Phần mềm quản lý đào tạo;
55.			2.3.02		Bài giảng điện tử theo từng môn học, mô đun;
56.			2.3.03		Phần mềm tích hợp tính năng quản lý hồ sơ nhập học của người học vào phần mềm tuyển sinh của trường; Phần mếm ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình quản lý, lưu trữ dữ số liệu người học sau khi tốt nghiệp;
57.			2.3.04		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học hàng năm.
58.	2	4		2.2.01	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
59.			2.4.01		Hợp đồng đào tạo với doanh nghiệp đưa người học đi thực tập, trải nghiệm;
60.			2.4.02		Kế hoạch đưa người học đi trải nghiệm, thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp;
61.			2.4.03		Quyết định và Danh sách người học đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp;

62.			2.4.04		Danh sách nhà giáo hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp;
63.			2.4.05		Sổ nhật ký thực tập;
64.			2.4.06		Báo cáo thực tập.
65.	2	5	2.5.01		Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;
66.			2.5.02		Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp; Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm;
67.			2.5.03		Báo cáo tổng kết khóa học hàng năm;
68.			2.5.04		Báo cáo về cấp phát văn bằng, chứng chỉ hàng năm;
69.			2.5.05		Các văn bản, biên bản kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm thể hiện trường nghiêm túc, khách quan (nếu có).
70.	2	6	2.6.01		Kế hoạch, phiếu đánh giá bài giảng sát hạch; hội giảng hàng năm;
71.			2.6.02		Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ...);
72.				2.2.04	Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học;
73.			2.6.03		Kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác kiểm tra hồ sơ sư phạm nhà giáo định kỳ;
74.			2.6.04		Kế hoạch quý của nhà trường và các đơn vị;
75.			2.6.05		Biên bản hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt;
76.				1.2.06	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
77.			2.6.06		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về hoạt động kiểm tra,

					giám sát trong dạy và học (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo).
78.	2	7		2.5.01	Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;
79.			2.7.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
80.			2.7.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông; Chương trình đào tạo liên thông các ngành/nghề;
81.			2.7.03		Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông;
82.			2.7.04		Kế hoạch đào tạo liên thông;
83.			2.7.05		Báo cáo về việc tổ chức đào tạo liên thông;
84.			2.7.06		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học).
85.	3	1	3.1.01		Hồ sơ quản lý nhà giáo (danh sách trích ngang nhà giáo, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trích ngang phiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học...);
86.			3.1.02		Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm;
87.			3.1.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo).
88.				3.1.01	Hồ sơ quản lý nhà giáo (danh sách trích ngang nhà giáo, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trích ngang phiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học...);
89.			3.2.01		Quyết định ban hành quy chế đánh giá, xếp

					loại cán bộ, viên chức lao động hàng năm.
90.				3.1.02	Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm;
91.				1.2.06	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
92.				2.7.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
93.			3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...;
94.			3.3.02		Bảng thống kê số lượng cán bộ nhà giáo quy đổi hàng năm;
95.			3.3.03		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo hàng năm;
96.			3.3.04		Bảng tổng hợp quy đổi người học/nhà giáo theo từng ngành/nghề đào tạo hàng năm;
97.			3.3.05		Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;
98.			3.3.06		Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo);
99.				2.2.01	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
100.				2.2.02	Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
101.			3.3.07		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm, Học tập nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học, quản lý phòng học chuyên môn, tham gia hội giảng...;
102.			3.3.08		Bảng tổng hợp giờ giảng của nhà giáo theo từng năm học (kể cả giờ quy đổi thực hiện nhiệm vụ khác: Học tập nâng cao trình độ, giáo viên chủ nhiệm, nghiên cứu khoa học, quản lý phòng học chuyên môn, tham gia hội giảng...);
103.			3.3.09		Bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp thanh toán tiền vượt giờ hàng năm.
104.	3	4		3.3.01	01. Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và

					tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...;
105.			3.4.01		Kế hoạch, Quyết định cử nhà giáo tham gia hội giảng nhà giáo, hội thi thiết bị tự làm, tay nghề giỏi các cấp... hàng năm;
106.			3.4.02		03. Quyết định công nhận kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm;
107.			3.4.03		Luận văn Thạc sĩ, tiến sĩ;
108.			3.4.04		Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen…(nếu có);
109.			3.4.05		Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị đào tạo hàng năm.
110.	3	5		2.6.02	Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ...);
111.			3.5.01		Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tay nghề giỏi các cấp… hàng năm;
112.			3.5.02		Các tài liệu/hình ảnh nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng;
113.				3.4.04	Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen…(nếu có);
114.				1.2.06	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
115.	3	6	3.6.01		Chế độ làm việc của nhà giáo;
116.			3.6.02		Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức lao động;
117.				3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; Môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học;
118.			3.6.03		Các quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng tại các doanh nghiệp hàng năm;
119.			3.6.04		Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động

					hàng năm;
120.			3.6.05		Tài liệu/hình ảnh của nhà giáo đi thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp hàng năm;
121.				3.4.04	Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen…(nếu có);
122.			3.6.06		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo.
123.	3	7	3.7.01		Hồ sơ đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên thuộc các Phòng chức năng (danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học...);
124.			3.7.02		Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm.
125.	3	8		3.7.01	Hồ sơ đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên thuộc các Phòng chức năng (danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học...);
126.				3.7.02	Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm;
127.				1.2.06	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
128.	4	1		4.1.07	Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
129.				1.1.08	Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm;
130.				1.1.09	. Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
131.				1.1.10	Biên bản Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo;
132.				1.1.11	Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo;
133.				1.1.12	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định,

					nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
134.				1.1.13	Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo;
135.				1.1.14	Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo;
136.				1.1.15	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo).
137.	4	2		1.1.07	Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
138.				1.1.08	Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm;
139.				1.1.09	Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
140.				1.1.10	Biên bản Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo;
141.				1.1.11	Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo;
142.				1.1.12	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
143.				1.1.13	Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo;
144.				1.1.14	Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo;
145.				1.1.15	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo).
146.			4.2.01		Thư mời đại diện doanh nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định chương trình;
147.			4.2.02		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia quá trình xây dựng chương trình đào tạo (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp).
148.	4	3	4.3.01		Quyết định ban hành chuẩn đầu ra đối với các ngành/nghề đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp;
149.			4.3.02		Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, chỉnh sửa chương trình,

					giáo trình đào tạo;
150.				1.1.15	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
151.			4.3.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo (đối với doanh nghiệp và người học đã tốt nghiệp).
152.	4	4		4.3.02	Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo;
153.				1.1.15	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
154.			4.4.01		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo).
155.	4	5	4.5.01		Danh mục trang thiết bị tối thiểu các ngành nghề đào tạo;
156.				3.3.02	Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...;
157.			4.5.02		Bảng phân công giờ giảng của từng nhà giáo theo học kỳ; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
158.				1.1.12	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
159.				1.1.13	Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo;
160.				1.1.14	Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo;
161.				1.1.15	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
162.			4.5.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo).
163.	4	6		2.5.01	Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi,

					xét công nhận tốt nghiệp;
164.				1.1.15	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
165.			4.6.01		. Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo).
166.	4	7		1.1.07	Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
167.			4.7.01		Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm;
168.				1.1.09	Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
169.				1.1.10	Biên bản Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo;
170.				1.1.11	Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo;
171.				1.1.12	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
172.				1.1.13	Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo;
173.				1.1.14	Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo;
174.				4.1.09	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
175.			4.7.02		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp).
176.	4	8	4.8.01		Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông (có chương trình đào tạo kèm theo);
177.			4.8.02		Văn bản ghi nhớ/ hợp đồng đào tạo liên thông;
178.			4.8.03		Quyết định/ hợp đồng của các trường đại học về đào tạo liên thông với cao đẳng công nghiệp Việt Đức.

179.				2.7.03	Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông;
180.			4.8.04		Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng.
181.	4	9		3.3.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
182.				1.1.15	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
183.			4.9.01		Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;
184.			4.9.02		Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề;
185.			4.9.03		Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun).
186.	4	10		4.9.02	Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề;
187.			4.10.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần trước khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo);
188.			4.10.02		Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung giáo trình;
189.			4.10.03		Biên bản họp của Hội đồng thẩm định về giáo trình;
190.				4.9.01	Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;
191.				4.9.02	Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học - mô đun theo ngành/nghề;
192.				4.9.03	Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển / môn học/ mô đun);
193.			4.10.04		Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần sau khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo);
194.			4.10.05		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo).
195.	4	11		3.3.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo

					dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
196.				1.11.05	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
197.			4.11.01		Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học theo ngành nghề;
198.				4.10.03	Biên bản họp của Hội đồng thẩm định về giáo trình;
199.				4.9.01	Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;
200.				4.9.02	Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học - mô đun theo ngành/nghề;
201.				4.9.03	Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển / môn học/ mô đun);
202.			4.11.02		Giáo án thể hiện phương pháp dạy học tích cực;
203.			4.11.03		Hồ sơ nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm;
204.			4.11.04		Danh sách đội ngũ cán bộ quản lý,viên chức, giáo viên, người lao động trong nhà trường hàng năm;
205.			4.11.05		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo).
206.	4	12		4.10.02	Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung giáo trình;
207.				4.9.02	Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học - mô đun theo ngành/nghề;
208.				4.9.01	Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;
209.				4.9.03	Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun);
210.			4.12.01		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp).

211.	5	1	5.1.01		Biên bản bàn giao, biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng (nhà công nghệ cao, nhà thư viện…);
212.			5.1.02		Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của Trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp;
213.			5.1.03		Bảng thống kê số lượng phòng học lý thuyết, xưởng/phòng học thực hành, mô phỏng toàn Trường;
214.			5.1.04		Sơ đồ mặt bằng bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa; Phòng thí nghiệm; Phòng học chuyên môn hóa.
215.			5.1.05		Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
216.			5.1.06		Ảnh chụp bố trí mặt bằng xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa;
217.			5.1.07		Ảnh chụp vị trí lắp đặt và phía trong tủ điện;
218.			5.1.08		Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý rác thải của trường;
219.			5.1.09		Hồ sơ thiết kế, lắp dựng, hoàn công công trình trạm biến thế của trường;
220.			5.1.10		Hợp đồng thu gom rác thải;
221.			5.1.11		Hợp đồng thuê quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp;
222.			5.1.12		Hợp đồng cung cấp lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy;
223.			5.1.13		Biên bản nghiệm thu các công trình: Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải; Hệ thống phòng cháy chữa cháy;
224.			5.1.14		Phiếu kiểm nghiệm nguồn nước sinh hoạt tại đầu vòi;
225.				1.2.06	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường

					tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
226.			5.1.15		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo hàng năm (đối với nhà giáo, các bộ quản lý).
227.	5	2		5.1.05	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
228.			5.2.01		02. Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;
229.			5.2.02		Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị;
230.			5.2.03		Sổ bàn giao ca tình trạng thiết bị;
231.			5.2.04		Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm;
232.				2.2.02	Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
233.			5.2.05		Biên bản thanh tra, kiểm tra về thiết bị đạo tạo (nếu có);
234.			5.2.06		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng thiết bị đào tạo hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo).
235.	5	3		5.1.05	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
236.				5.2.01	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
237.				5.2.02	Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị;
238.				5.2.03	Sổ bàn giao ca tình trạng thiết bị;
239.				5.2.04	Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm;
240.				2.2.02	Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
241.			5.3.01		Danh sách học sinh - sinh viên theo lớp

					học, khóa học;
242.			5.3.02		Biên bản thanh tra, kiểm tra về thiết bị đạo tạo (nếu có);
243.			5.3.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng thiết bị đào tạo hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo).
244.	5	4	5.4.01		Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn nhà trường;
245.				5.2.03	Sổ bàn giao ca tình trạng thiết bị;
246.				5.5.02	Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị;
247.				5.1.05	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
248.			5.4.02		Biên bản kiểm tra; Báo cáo về công tác phòng chống cháy nổ, công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm;
249.			5.4.03		Quy chế an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong sử dụng thiết bị;
250.			5.4.04		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý;
251.			5.4.05		Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm;
252.			5.4.06		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm (đối với bộ quản lý, nhà giáo, người học, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo).
253.	5	5	5.5.01		Hồ sơ định mức kinh tế - kỹ thuật theo từng nghề;
254.			5.5.02		Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
255.			5.5.03		Quy trình xuất, nhập vật tư, hàng hóa tại kho vật tư nhà Trường;
256.			5.5.04		Sơ đồ mặt bằng kho vật tư, kho bán thành phẩm, kho dụng cụ;
257.			5.5.05		Sổ dự trù vật tư, dụng cụ;

258.			5.5.06		Sổ cấp phát vật tư, dụng cụ;
259.			5.5.07		Kế hoạch dự trù vật tư, dụng cụ theo quý của các đơn vị;
260.			5.5.08		Bảng quyết toán vật tư, dụng cụ phục vụ đào tạo hàng tháng.
261.			5.5.09		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về bảo quản, sử dụng vật tư hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học).
262.	5	6	5.6.01		Nội quy thư viện;
263.			5.6.02		Lịch làm việc của thư viện;
264.			5.6.03		Bản vẽ diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ thư viện;
265.			5.6.04		Sổ theo dõi tra cứu, mượn giáo trình/tài liệu;
266.			5.6.05		Phần mềm quản lý tra cứu tài liệu: Phần mềm SMILIB công ty CMC cung cấp phiên bản 4.0 CMC Grup: Hình ảnh giao diện làm việc của phần mềm (SMILIB) và (Calibre) quản lý thư viện;
267.			5.6.06		Danh mục giáo trình điện tử nội bộ;
268.			5.6.07		Bảng kê danh mục tên chương trình, giáo trình, năm đưa vào sử dụng, đơn vị ban hành, số lượng bản in, bản điện tử;
269.			5.6.08		Biên bản kiểm kê thư viện hàng năm;
270.			5.6.09		Báo cáo kết quả hoạt động của thư viện hàng năm;
271.			5.6.10		Giáo trình, tài liệu được đăng trên trang Web của trường: truongvietducthainguyen.edu.vn);
272.			5.6.11		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện Trường hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học).
273.	5	7	5.7.01		Bảng thống kê danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện;
274.				5.6.05	Phần mềm quản lý tra cứu tài liệu: Phần mềm SMILIB công ty CMC cung cấp phiên bản 4.0 CMC Grup: Hình ảnh giao diện làm việc của phần mềm (SMILIB) và

					(Calibre) quản lý thư viện;
275.				5.6.09	Báo cáo kết quả hoạt động của thư viện hàng năm;
276.			5.7.02		Hợp đồng/hóa đơn nộp tiền cung cấp dịch vụ Internet;
277.			5.7.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện Trường hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học).
278.	5	8	5.8.01		Danh sách thống kê các phần mềm ảo; Phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, mô phỏng, lập trình trong giảng dạy...;
279.			5.8.02		Hình ảnh sử dụng các phần mềm mô phỏng trong giảng dạy;
280.			5.8.03		Bài giảng điện tử theo từng môn học/mô đun.
281.	6	1	6.1.01		Kế hoạch giáo dục đầu khóa;
282.			6.1.02		Các tài liệu về giáo dục đầu khóa;
283.			6.1.03		Qui định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích luỹ môn học, mô đun, tín chỉ;
284.			6.1.04		Qui định về quản lý học sinh - sinh viên nội trú, ngoại trú;
285.			6.1.05		Quyết định về việc ban hành thực hiện nội quy học đường;
286.			6.1.06		Quyết định ban hành quy tắc ứng xử văn hóa trong trường CĐCN Việt Đức;
287.			6.1.07		Các thông báo về miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; xét cấp học bổng cho người học hàng năm;
288.			6.1.08		Các Quyết định, danh sách, hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách hàng năm;
289.			6.1.09		Quy chế học sinh, sinh viên trường CĐCN Viêt Đức;
290.			6.1.10		Các văn bản hướng dẫn về tín dụng cho người học hàng năm;
291.			6.1.11		Kế hoạch công tác HS-SV năm học;
292.			6.1.12		Sổ biên bản hội nghị giao ban hội đồng lớp

					trưởng;
293.	6	2	6.2.01		Các văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với người học mà trường đang áp dụng (Quy định miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng …);
294.			6.2.02		Bảng thống kê các chế độ chính sách đối với người học tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức;
295.			6.2.03		Quyết định, danh sách, hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách hàng năm của trường;
296.			6.2.04		Quyết định/ thông báo về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; xét cấp học bổng cho người học hàng năm;
297.			6.2.05		Các văn bản hướng dẫn về tín dụng cho người học hàng năm;
298.				6.1.09	Quy chế Học sinh - Sinh viên trường CĐCN Việt Đức;
299.			6.2.06		Báo cáo thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học hàng năm;
300.			6.2.07		Báo cáo tổng kết công tác HSSV hàng năm của trường;
301.				1.2.06	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
302.			6.2.08		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích cho người học hàng năm (đối với nhà giáo, người học);
303.	6	3	6.3.01		Chức năng nhiệm vụ Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ học sinh, sinh viên;
304.			6.3.02		Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho người học hàng năm;
305.			6.3.03		Các công văn mời các doanh nghiệp tư vấn việc làm;
306.			6.3.04		Danh sách các doanh nghiệp tham gia tư vấn việc làm hàng năm;
307.			6.3.05		Các thông báo tư vấn việc làm;

308.				1.1.01	Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp hàng năm;
309.			6.3.06		Thông báo tuyển dụng trên Website của Trường;
310.			6.3.07		Bảng đăng ký tìm việc của người học;
311.			6.3.08		Báo cáo về tổ chức chương trình tư vấn việc làm;
312.			6.3.09		Các văn bản về lần vết người học sau tốt nghiệp;
313.			6.3.10		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác tư vấn việc làm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm).
314.	6	4	6.4.01		Thống kê số liệu cơ sở vật chất khu thể dục thể thao của trường;
315.			6.4.02		Các kế hoạch tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ; Thể dục thể thao; Hoạt động tình nguyện của Đoàn trường hàng năm;
316.			6.4.03		Kế hoạch tổ chức ngày hội hiến máu tình nguyện, (danh sách HS-SV tham gia hiến máu kèm theo);
317.			6.4.04		Các quyết định thành lập đội thanh niên xung kích;
318.			6.4.05		Báo cáo tổng kết năm của Đoàn thanh niên;
319.			6.4.06		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường cho người học hàng năm (đối với nhà giáo, người học).
320.	7	1	7.1.01		Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm;
321.			7.1.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến, trong đó nêu rõ: Tên; Địa chỉ; Số lượng và tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm.
322.	7	2	7.2.01		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học

					sau tốt nghiệp hàng năm;
323.			7.2.02		Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp; Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm;
324.			7.2.03		Các văn bản thể hiện từng hình thức điều tra, lần vết người học sau tốt nghiệp: (Phiếu khảo sát, phiếu hỏi; Bảng tổng hợp ý kiến có danh sách, điện thoại liên hệ, đơn vị công tác...);
325.			7.2.04		Báo cáo kết quả điều tra lần vết hàng năm.
326.	7	3	7.3.01		Kế hoạch, danh sách, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động.
327.	7	4	7.4.01		Kế hoạch, danh sách, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.
328.	7	5	7.5.01		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm;
329.			7.5.02		Quyết định và Danh sách hội đồng tự đánh chất lượng chương trình đào tạo hàng năm;
330.			7.5.03		Báo cáo tự đánh chất lượng chương trình đào tạo hàng năm;
331.			7.5.04		Báo cáo tự đánh giá được đăng tải trên Website: truongvietducthainguyen.edu.vn
332.	7	6	7.6.01		Kế hoạch cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài;
333.				7.5.03	Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm;
334.			7.6.02		Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng Trường CĐCN Việt Đức.

335.	7	7		7.2.02	Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm;
336.			7.7.01		Kế hoạch khảo sát; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát việc làm sau khi tốt nghiệp của người học hàng năm.
337.	7	8	7.8.01		Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm;
338.			7.8.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến, trong đó nêu rõ: Tên; Địa chỉ; Số lượng và tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm.